

TẠP CHÍ HÀN QUỐC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN: 2354 - 0621

TẠP CHÍ HÀN QUỐC Số 1(31) 3/2020

Số 1(31)
3/2020

TỔNG BIÊN TẬP
MAI NGỌC CHỦ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ĐẶNG THIẾU NGÂN

TRƯỞNG PHÒNG TRỊ SỰ
LƯU TUẤN ANH
NGUYỄN THỊ THẨM

TRƯỞNG PHÒNG ĐỐI NGOẠI
TRẦN THỊ HƯỜNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Chủ tịch
MAI NGỌC CHỦ

Phó chủ tịch
PARK JI HOON

Ủy viên
ĐẶNG THIẾU NGÂN
LƯU TUẤN ANH
NGUYỄN THỊ THẨM
PHAN THU HIỀN
TRẦN VĂN TIẾNG
LÊ ĐĂNG HOAN
LÝ XUÂN CHUNG
LÊ THỊ THU GIANG
TRẦN THỊ HƯỜNG
NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG

Tòa soạn: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0912211106; 0918485969; 01646996986
Email: tapchihanquoc@gmail.com

Giấy phép xuất bản số: 1232/GP-BTTTT
In tại: Công ty TNHH Hương Khánh
Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mục lục

BÙI HẢI ĐĂNG - HUỲNH TÂM SÁNG “Chính sách hướng Nam mới” của Hàn Quốc và các quỹ đạo chiến lược trong quan hệ Việt - Hàn	3
VÕ MINH HÙNG Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc và những bước phát triển thần kỳ	11
BÙI HẢI ĐĂNG - LỤC MINH TUẤN Triển vọng quan hệ liên Triều qua các lần hội nghị thượng đỉnh	20
LA DUY TÂN Vài nét đặc trưng của Phật giáo Thiền Hàn Quốc và Việt Nam: Dựa trên tư tưởng của thiền sư Chinul và vua Trần Thái Tông	29
NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH Lời chào thường nhật trong tiếng Hàn và tiếng Việt	36
PHẠM THỊ THUỶ LINH Tìm hiểu lời chào hỏi của người Hàn theo tình huống ứng dụng vào giảng dạy tiếng Hàn	42
MAI KIM CHI Hiệu quả mô hình E-learning tại khoa Hàn Quốc học Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn TP.HCM	49
TRẦN PHƯƠNG ANH - TRẦN HUYỀN TRANG Tình hình nghiên cứu khoa học của sinh viên và phương hướng nâng cao tính ứng dụng thực tiễn của các đề tài chuyên ngành Hàn Quốc học	57
HOÀNG TUẤN NGỌC Nghiên cứu tính ứng dụng của phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn cho sinh viên ngành Hàn Quốc học Trường Đại học Văn Hiến	64
NGUYỄN THỦY GIANG Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội và sự dịch chuyển không gian cư trú	70

한국학 저널

베트남 한국학술연구회

제1(31)호

2020년3월

ISSN 2354 - 0621

발행인
MAI NGOC CHU

부발행인
DANG THIEU NGAN

감수
LUU TUAN ANH
NGUYEN THI THAM

대외협력부 부장
TRAN THI HUONG

편집위원회 위원장
MAI NGOC CHU

부위원장
PARK JI HOON

위원
DANG THIEU NGAN
LUU TUAN ANH
NGUYEN THI THAM
PHAN THU HIEN
TRAN VAN TIENG
LE DANG HOAN
LY XUAN CHUNG
LE THI THU GIANG
TRAN THI HUONG
NGHIEM THI THU HUONG

발행: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
문의: 0912211106; 0918485969; 01646996986
이메일: tapchihanquoc@gmail.com;

발행허가: 1232/GP-BTTTT

인쇄: Công ty TNHH Hương Khánh
Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

목록

BUI HAI DANG - HUYNH TAM SANG	3
한국의 신남방 정책과 베-한 관계에서의 전략적 귀로	
VO MINH HUNG	11
한베관계와 성공적인 발전 과정 고찰	
BUI HAI DANG - LUC MINH TUAN	20
정상회담을 통해 알아본 남북한 관계의 전망	
LA DUY TAN	29
한국과 베트남 선불교의 특징: 지눌 스님과 쩌타이동 황제를 중심으로	
NGUYEN THI HONG HANH	36
한국어와 베트남어의 인사말	
PHAM THI THUY LINH	42
한국어 교육을 위한 상황별 인사말에 대한 고찰	
MAI KIM CHI	49
호치민 국립 인문사회과학대학교에서의 E-learning 교육 효과 분석	
TRAN PHUONG ANH - TRAN HUYEN TRANG	57
호치민 국립 인문사회과학대학교 한국학부 대학생의 연구 현황 및 한국학 연구의 실용성 방향에 대하여	
HOANG TUAN NGOC	64
베트남 반히엔 대학교 한국학과에서의 한국어 교육을 위한 한국 드라마 적용에 대한 연구	
NGUYEN THUY GIANG	70
하노이에 거주 중인 한국인과 그들의 거주공간 변화 고찰	

KOREA KF
FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었음

“CHÍNH SÁCH HƯỚNG NAM MỚI” CỦA HÀN QUỐC VÀ CÁC QUỸ ĐẠO CHIẾN LƯỢC TRONG QUAN HỆ VIỆT - HÀN

*Bùi Hải Đăng - Huỳnh Tâm Sáng**

Tóm tắt

Bài viết tìm hiểu những chiều kích chiến lược trong “Chính sách hướng Nam mới” của Hàn Quốc, trong đó, bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung được chú ý như là những nhân tố thúc đẩy Hàn Quốc đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại. Trên cơ sở các mối quan tâm của chính quyền Moon Jae-in và những hàm ý từ chính sách của Hàn Quốc, các quỹ đạo chiến lược trong quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam và những gợi ý để thúc đẩy mối quan hệ này sẽ được làm rõ. Bài viết kết luận rằng Hàn Quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng, được củng cố bởi nhận thức cấp tiến về bối cảnh khu vực đầy biến động, đã có nhiều nỗ lực thúc đẩy quan hệ để làm tương xứng địa vị và vai trò của quan hệ trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Chính sách hướng Nam mới, chiều kích chiến lược, Hàn Quốc, Việt Nam, quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam

1. Những chiều kích chiến lược trong “Chính sách hướng Nam mới” của Hàn Quốc

“Chính sách hướng Nam mới” (New Southern Policy), được Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in công bố tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Hàn Quốc lần thứ 19 vào năm 2017, với trọng tâm đẩy mạnh quan hệ với các nước ASEAN và xem đây là ưu tiên của Chính phủ trong bối cảnh quan hệ quốc tế tại khu vực Đông Á diễn biến ngày càng phức tạp. “Chính sách hướng Nam mới” có tầm quan trọng trong chính sách đối ngoại Hàn Quốc vì bước chuyển biến này phản ánh một cách tiếp cận mới của Chính phủ Hàn Quốc nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Hàn Quốc với các nước ASEAN¹, nhấn mạnh vào “3Ps” - People (Nhân dân), Prosperity (Thịnh vượng) và Peace (Hòa bình); trong đó, yếu tố “Nhân dân” đóng vai trò nền tảng và kim chỉ nam cho các hướng dẫn. Đáng chú ý, cả ba yếu tố này đều được khẳng định trong “Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á” (Hiệp ước Bali) năm 1976. Những tương đồng này tạo cơ

¹ Lee Jaehyon, “Korea’s New Southern Policy: Motivations of ‘Peace Cooperation’ and Implications for the Korean Peninsula”, *The Asan Institute for Policy Studies*, tại địa chỉ: <http://en.asaninst.org/contents/koreas-new-southern-policy-motivations-of-peace-cooperation-and-implications-for-the-korean-peninsula/>, truy cập ngày 4/8/2019.

**Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

sở thuận lợi, giữ vai trò nền tảng cho các hoạt động phối hợp. Chính quyền Moon Jae-in, trong các diễn ngôn chính trị, đã nhiều lần bày tỏ rằng chính sách này thể hiện sự quyết tâm nhằm củng cố mối quan hệ Hàn Quốc - ASEAN. Trong chính sách mới, địa vị đối tác của ASEAN trong quan hệ với Hàn Quốc sẽ có tầm quan trọng ngang bằng với bốn cường quốc là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Nga².

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của Hàn Quốc trong khu vực vẫn chưa đậm nét. Một mặt, thách thức mà Hàn Quốc quan tâm hàng đầu là vấn đề phổ biến hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên - vốn có quan hệ mật thiết đến an ninh của Hàn Quốc và mối quan hệ liên Triều. Hàn Quốc vừa phải tranh thủ sức mạnh an ninh của Mỹ trong mối quan hệ đồng minh truyền thống, vừa phải “quan hệ với Bắc Kinh để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Quốc về vấn đề Triều Tiên và vấn đề tranh chấp với Nhật Bản về đảo Dokdo/Takeshima”³. Với vị thế cường quốc tầm trung, Hàn Quốc có điều kiện để đóng góp lớn hơn vào quan hệ quốc tế, qua đó thể hiện một vai trò năng động và tích cực hơn. Cách tiếp cận địa lý cho thấy Hàn Quốc có vị trí địa lý trung tâm, giữa các cường quốc có ảnh hưởng trong khu vực. Cách tiếp cận giá trị cũng phản ánh Hàn Quốc là quốc gia mang nhiều giá trị đạo đức, đáng tin cậy vì có thể gây ảnh hưởng ngoại giao mà không cần dựa vào vũ lực. Cách tiếp cận

nguồn lực cũng thừa nhận Hàn Quốc có lợi thế về kinh tế, dân số, khoa học - kỹ thuật và nguồn nhân lực. Tuy nhiên, cách tiếp cận hành vi lại không chỉ rõ ràng và thuyết phục rằng Hàn Quốc có đóng góp tích cực, năng động, nhạy bén và thường xuyên để thể hiện vai trò rõ nét hơn trong cấu trúc quyền lực khu vực Đông Á. Hàn Quốc vẫn thường xuyên có những đối kháng với Nhật Bản, hoài nghi Trung Quốc và phụ thuộc vào Mỹ. Tất cả những hạn chế này gây nên thái độ nghi ngại về khả năng lãnh đạo hay vai trò cầu nối của Hàn Quốc⁴. Do đó, một chính sách mới quyết tâm, thực dụng và bền vững cần phải bao gồm trong nó khả năng cải thiện địa vị của Hàn Quốc qua gia tăng vai trò mới của cường quốc tầm trung này.

Chính sách mới của Hàn Quốc là một bước đi nhằm làm giảm bớt sự phụ thuộc của Hàn Quốc vào đồng minh truyền thống là Mỹ, đối tác kinh tế và đồng thời là nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới là Trung Quốc, cùng mối quan hệ láng giềng với Nhật Bản và Nga bằng cách mở rộng quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á và cường quốc đang giữ vai trò ngày càng quan trọng trong bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (Indo-Pacific) là Ấn Độ⁵. Tổng thống Moon Jae-in đồng thời nhấn mạnh cách tiếp cận “Lợi ích quốc gia trên hết” (National Interest First) như là kim chỉ

² Aida Idris - Nurliana Kamaruddin (eds.) (2019), *ASEAN Post-50: Emerging Issues and Challenges*, Palgrave Macmillan, p. 39.

³ Hoàng Minh Hằng (chủ biên) (2015), *An ninh Đông Bắc Á trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự gia tăng can dự châu Á của Hoa Kỳ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 63.

⁴ Dương Minh Tuấn (chủ biên) (2014), *Quan điểm và đối sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Bắc Á về triển vọng hình thành mô hình Cộng đồng Đông Á*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 148-149.

⁵ Seow Bei Yi, “New Southern Policy a commitment for South Korea to prosper with Asean: Moon Jae-in”, *The Strait Times*, tại địa chỉ: <https://www.straitstimes.com/singapore/new-southern-policy-a-commitment-for-south-korea-to-prosper-with-asean-moon-jae-in>, truy cập ngày 4/8/2019.

nam cho chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và khẳng định mối quan hệ liên Triều (inter-Korean relations) là cách tiếp cận tốt nhất để đảm bảo an ninh⁶. Về bản chất, chính sách mới nối dài các cam kết mạnh mẽ hơn về sự năng động của nền ngoại giao Hàn Quốc và mang nhiều hàm ý chiến lược vì phạm vi và tham vọng của nó. Trong mối quan hệ mở rộng, ASEAN là trọng tâm, trực tiếp quy định quỹ đạo chiến lược và các bước đi triển khai chính sách của Hàn Quốc.

Thực tế là, vị trí địa chính trị của Hàn Quốc đặc biệt bởi sự hiện diện của bốn cường quốc tại bán đảo Triều Tiên là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Nga. Với sự bao vây chiến lược đó, Hàn Quốc đã có nhiều nỗ lực để duy trì thế cân bằng động trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Tổng thống Moon Jae-in đã tìm cách mở rộng không gian sinh tồn cho Hàn Quốc, bằng cách tận dụng các đường hướng của một nền ngoại giao cường quốc tầm trung (middle-power diplomacy). Bối cảnh mà Mỹ theo đuổi “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng mở” (FOIP) và tham vọng của Trung Quốc trong việc triển khai “Sáng kiến Vành đai, Con đường” (BRI) đã khiến nhiều quốc gia châu Á cảm thấy ngày càng bị tụt lại phía sau, quan ngại phải “chọn phe”; bối cảnh này đã củng cố nơi Hàn Quốc quyết tâm phải đạt được những thành công có ý nghĩa thực tiễn trong chính sách mới.

2. Các quỹ đạo chiến lược trong quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam

Vì cùng thuộc khu vực có lịch sử chịu ảnh hưởng bởi “thế giới Hán hóa” (Le monde sinisé) với mô hình “sách phong - triều cống” và sau là chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản, Hàn Quốc và Việt Nam đã có nhiều nỗ lực dung hòa các giá trị văn hóa Đông - Tây song song với duy trì sự độc lập, tự chủ để phát triển một bản sắc dân tộc. Từ cái nhìn địa nhân văn, hai dân tộc có những nét tương đồng, tạo thành mạch nguồn cho sự hòa hợp và hợp tác, không chỉ trong quá khứ mà cả hiện tại. Trên thực tế, hai nước không chỉ gần gũi nhau về địa lý mà còn có nhiều điểm tương đồng về tập tục sinh hoạt, phong cách tư duy, tôn giáo, tình cảm dân tộc, di sản văn hóa. Cả hai quốc gia đều có lịch sử lập quốc sớm theo quy luật hình thành của các nhà nước sơ kỳ phương Đông, có chung lịch sử chống lại ách nô dịch và đồng hóa của các đế chế Trung Hoa cổ đại và cùng có lịch sử tiếp thu Phật giáo, sau là đề cao Nho giáo vào việc tuyển chọn quan lại và quản lý đất nước⁷. “Mẫu số chung đó đã sinh trường từ trong quá khứ xa xưa của một nền văn hóa chung mang tính khu vực”⁸. Ngày nay, quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam gặt hái nhiều thành công cũng bao gồm những tác động tích cực từ một số lĩnh vực thuộc quyền lực mềm như

⁶ “South Korea president Moon Jae In’s main policy pledges”, *The Straits Times*, May 9, 2017, tại địa chỉ: <https://www.straitstimes.com/asia/east-asia/south-korean-presidential-shoo-in-moon-jae-ins-main-policy-pledges>, truy cập ngày 4/8/2019.

⁷ Nguyễn Quang Ngọc, “Quản lý xã hội nông thôn theo mô hình Nho giáo – Một cái nhìn so sánh Việt Nam – Hàn Quốc” trong *Lịch sử Việt Nam – Hội Sử học Hàn Quốc – Quỹ Nghiên cứu Lịch sử Đông Bắc Á* (2009), *Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc trong lịch sử*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 223-226.

⁸ Youn Dae-Yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng (2014), *Lịch sử quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc (1862 – 1945)*, NXB Lao động, Hà Nội, tr. 321.

ngoại giao văn hóa, giao lưu trí tuệ, con người. Thậm chí, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên xuất hiện làn sóng ưa chuộng các sản phẩm văn hóa giải trí của Hàn Quốc, mà thịnh hành là các bộ phim truyền hình dài tập và nhạc phim⁹. Mô hình Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại đã thâm nhập vào năng lực thấu cảm văn hóa của giới trẻ Việt Nam, tạo hiệu ứng lan tỏa trên cả ba địa hạt là tiêu dùng, giải trí, truyền thông¹⁰.

Trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, có nhiều thách thức đối với quan hệ, rõ nét là những tác động từ cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc. Dưới áp lực từ các hoạt động cạnh tranh giữa hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc và những hệ lụy mà cạnh tranh này gây ra, Hàn Quốc và Việt Nam đều chia sẻ nhu cầu gắn kết các quan hệ đã được thiết lập song song với mở rộng các quan hệ ngoại giao để đáp ứng lợi ích thương mại và an ninh. Hai quốc gia Đông Á đang ở vào một trong những thời khắc quan trọng của lịch sử kể từ khi Mỹ và Trung Quốc đang cố gắng mở rộng ảnh hưởng để đạt được vị thế bá quyền (hegemony) ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung leo thang, trái với nhiều quốc gia vừa và nhỏ đã áp dụng chính sách “phù thịnh” (bandwagoning) để tìm kiếm các lợi ích kinh tế và sự đảm bảo an ninh thì Hàn Quốc và Việt Nam không lựa chọn “ngả về” Trung Quốc hay Mỹ mà nỗ lực tăng

cường hợp tác để giảm thiểu các tác động tiêu cực.

Cũng cần nói thêm, mặc dù Hàn Quốc là đồng minh truyền thống của Mỹ tại khu vực Đông Bắc Á nhưng nền ngoại giao Hàn Quốc ngày càng khéo léo và linh hoạt để giảm dần khía cạnh phụ thuộc trong quan hệ với Mỹ. Khía cạnh chiến lược được chú ý trong nỗ lực đa dạng hóa các quan hệ là ở phương diện kinh tế vì đây là yếu tố trung tâm trong “chính sách hướng Nam mới”. Trên thực tế, không phải từ khi chính quyền Moon Jae-in khởi động chính sách này thì quan hệ hai nước mới phát triển, mà quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam từ lâu đã được hưởng lợi từ sự hợp tác kinh tế, vốn là đường hướng rõ nét nhất quy định tính chất phát triển của quan hệ.

Năm 2018, Đại sứ Hàn Quốc tại Việt Nam Lee Hyuk khẳng định mối quan hệ bền chặt giữa Hàn Quốc và Việt Nam, “Không có lý do gì để chúng tôi không tiếp tục tăng cường quan hệ với Việt Nam và coi mối quan hệ với Việt Nam là mối quan hệ hình mẫu điển hình trong quan hệ giữa Hàn Quốc và ASEAN”¹¹. Việt Nam có thể hưởng lợi từ chính sách này vì Chính phủ Hàn Quốc đã nhắm đến đa dạng hóa thị trường cùng với việc tập trung vào thị trường các quốc gia thuộc ASEAN. Hơn nữa, để bày tỏ cụ thể hơn về định hướng quan hệ với Việt Nam, Tổng thống Moon Jae-in đã khuyến khích các doanh nghiệp ra nước ngoài và nắm bắt cơ

⁹ Phạm Hồng Thái (chủ biên) (2015), *Sự phát triển của công nghiệp văn hóa ở Nhật Bản và Hàn Quốc*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 180.

¹⁰ Hoàng Minh Lợi (chủ biên) (2013), *Đối sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về sự gia tăng quyền lực mềm*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 207.

¹¹ Quang Đào (thực hiện), “Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc và những bước phát triển thần kỳ”, *Thế giới và Việt Nam*, 22/03/2018, tại địa chỉ: <https://baoquocte.vn/quan-he-viet-nam-han-quoc-va-nhung-buoc-phat-trien-than-ky-68162.html>, truy cập ngày 4/8/2019.

hội tại Việt Nam¹². Trong cuộc gặp Chủ tịch nước Trần Đại Quang vào tháng 3/2018, Tổng thống Moon Jae-in đã nhấn mạnh những tương đồng về các khía cạnh lịch sử, văn hóa, xã hội giữa hai quốc gia và khẳng định Việt Nam và Hàn Quốc là “những người bạn rất đặc biệt của nhau”¹³. Chính sách hướng Nam mới” sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn để các nhà đầu tư Hàn Quốc phát triển các dự án đầu tư vào thị trường Việt Nam, các hoạt động thương mại và đầu tư của phía Hàn Quốc sẽ trở nên thiết thực và có trọng tâm hơn.

Vai trò trung tâm của Việt Nam trong ASEAN và vị thế đang lên của Việt Nam ở Đông Nam Á đã phản ánh sự năng động và hiệu quả trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với ASEAN. Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của nhiều cường quốc, bao gồm cả Hàn Quốc. Hai nước thường xuyên duy trì các chuyến thăm cấp cao, phát triển các trao đổi về những vấn đề kinh tế và an ninh khu vực. Các kinh nghiệm và đóng góp của Việt Nam trong ASEAN là cơ sở quan trọng để Hàn Quốc nhìn nhận đầy đủ hơn về tiềm năng và khả năng phát triển quan hệ. Vào tháng 3/2018, Tổng thống Moon Jae-in nhấn mạnh rằng Việt Nam là trọng tâm của “Chính sách hướng Nam mới” của Hàn Quốc¹⁴. Chính sách thị thực mới của

Hàn Quốc cho công dân Việt Nam cũng có sự điều chỉnh theo hướng có lợi cho công dân Việt Nam.

Tuyên bố tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng đến năm 2030 giữa Bộ Quốc phòng hai nước (năm 2018) cũng khẳng định vị thế và vai trò trung tâm của Việt Nam trong ASEAN. Bộ trưởng Quốc phòng Hàn Quốc Song Young Moo đánh giá Việt Nam là nhân tố kết nối giúp Hàn Quốc thực hiện thành công “Chính sách hướng Nam mới” và bày tỏ ủng hộ lập trường của Việt Nam trong vấn đề thúc đẩy an ninh Biển Đông¹⁵. Vào tháng 9/2018, nhân dịp Diễn đàn Kinh tế thế giới khu vực ASEAN (WEF ASEAN) diễn ra tại Hà Nội, Ngoại trưởng Hàn Quốc Kang Kyung-wha phát biểu: “Quan hệ với ASEAN là tất yếu cho sự thịnh vượng và hòa bình của Hàn Quốc, và Việt Nam nằm ở trung tâm của mối quan hệ đó”¹⁶. Động lực thúc đẩy quan hệ Hàn - Việt nhờ vào thái độ chân thành của hai phía đối với các hoạt động hợp tác.

Bên cạnh đó, lịch sử cũng là nhân tố góp vào sự phát triển của mối quan hệ này. Vào năm 2001, Hàn Quốc và Việt Nam thiết lập “Quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ XXI”. Sang năm 2009, quan

địa chỉ: <http://vovworld.vn/en-US/news/korea-times-vietnam-a-core-country-in-president-moon-jaeins-new-southern-policy-629168.vov>, truy cập ngày 4/8/2019.

¹⁵ “Việt Nam - Hàn Quốc ký Tuyên bố tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng đến năm 2030”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, 25/04/2018, tại địa chỉ: <http://dangcongsan.vn/chinh-tri/viet-nam-han-quoc-ky-tuyen-bo-tam-nhin-chung-ve-hop-tac-quoc-phong-den-nam-2030-481631.html>, truy cập ngày 7/8/2019.

¹⁶ Thành Nguyễn, “Ba chữ 'P' trong chính sách mới của Hàn Quốc hướng tới Việt Nam và ASEAN”, *Tuổi Trẻ*, 12/9/2018, tại địa chỉ: <https://vnexpress.net/the-gioi/ba-chu-p-trong-chinh-sach-moi-cua-han-quoc-huong-toi-viet-nam-va-asean-3807598.html>, truy cập ngày 7/8/2019.

¹² “Korean investors see VN as ‘most important’ SE Asian market”, *Viet Nam News*, 09/05/2019, tại địa chỉ: <https://vietnamnews.vn/economy/talking-shop/519658/korean-investors-see-vn-as-most-important-se-asian-market.html#6CSpxYedSurKfjm.97>, truy cập ngày 4/8/2019.

¹³ Moon Jae-in (2018), *ROK and ASEAN: Partners for Achieving Peace and Co-prosperity in East Asia*, ISEAS – Yusof Ishak Institute, p. 7.

¹⁴ “Korea Times: Vietnam a core country in President Moon Jae-in’s New Southern Policy”, 21/03/2018, tại

hệ hai nước được nâng lên tầm “Đối tác hợp tác chiến lược” - cột mốc quan trọng trong quan hệ song phương và phản ánh quyết tâm đưa mối quan hệ lên tương xứng với tầm vóc để có được một lực đẩy mạnh mẽ hơn. Hai bên đã thảo luận nhiều khía cạnh của các vấn đề chính trị, bao gồm cả an ninh Biển Đông.

Quan hệ Hàn - Việt đang vận động trong bối cảnh căng thẳng leo thang Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, gây ra tình trạng bất ổn chính trị nghiêm trọng ở khu vực Đông Nam Á. Các chuyến thăm ngày càng gia tăng của lãnh đạo Hàn Quốc và Việt Nam không chỉ giúp tăng cường quan hệ song phương mà còn thể hiện cách tiếp cận mới về việc củng cố các liên kết giữa Hàn Quốc và Việt Nam. Các doanh nghiệp Hàn Quốc có thể tận dụng căng thẳng thương mại Mỹ - Trung để đầu tư vào Việt Nam trong bối cảnh nhiều nhà đầu tư chuyển các hoạt động kinh doanh từ thị trường Trung Quốc sang Việt Nam vì giá lao động ở Trung Quốc gia tăng nhanh chóng.

Mặc dù thực tế là lịch sử Hàn Quốc can dự vào chiến tranh Việt Nam vẫn là nội dung không thể không lưu tâm, hai quốc gia đã cố gắng tránh vấn đề nhạy cảm khi Tổng thống Moon Jae-in đã né tránh bày tỏ lời xin lỗi trực tiếp. Ông khẳng định: “Hàn Quốc có một khoản nợ với Việt Nam. Tuy nhiên, hai nước đã trở thành những đối tác kinh tế và bạn bè quan trọng nhất”¹⁷. Ưu tiên hàng đầu của nền ngoại giao Việt Nam là đa dạng hóa

các mối quan hệ đối tác và theo đuổi một chiến lược phòng bị nước đôi (hedging) để cân bằng giữa Trung Quốc và Mỹ. Sẽ có nhiều dư địa cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Hàn Quốc vì Hàn Quốc từ lâu đã nổi tiếng với vị thế là một cường quốc hạng trung; với chính sách mới, Hàn Quốc hy vọng sẽ “làm mới” được nền ngoại giao cường quốc tầm trung. Giờ đây, khi Việt Nam củng cố các mối quan hệ đã thiết lập và nỗ lực phổ biến một nhận thức về nền ngoại giao hòa bình, Hàn Quốc có thể tiếp tục hưởng lợi từ chính sách tiến bộ và thực tế của Việt Nam.

Kinh nghiệm của Việt Nam - vốn từng bị chia rẽ trong quá khứ - giúp Việt Nam đóng vai trò thích hợp trong việc chia sẻ kinh nghiệm với Hàn Quốc để đóng góp vào quá trình chấm dứt những thù địch và chia rẽ trên bán đảo Triều Tiên. Trong nhiều tuyên bố chính thức, Việt Nam đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thống nhất bán đảo Triều Tiên trong hòa bình, đồng thời ủng hộ một bán đảo Triều Tiên phi hạt nhân và giải quyết bất đồng, mâu thuẫn... bằng các biện pháp hòa bình thông qua đối thoại¹⁸. Thúc đẩy quan hệ với Việt Nam giúp Hàn Quốc có thêm kênh tham khảo hữu ích để nghiên cứu về vấn đề thúc đẩy hòa bình trên bán đảo Triều Tiên.

3. Thay lời kết

Sự phức tạp của nền chính trị cường quyền đã khiến các quốc gia phải quan tâm nhiều hơn đến việc tìm kiếm

¹⁷ Choi Ha-young, “Moon’s apology ignored in Vietnam”, *The Korea Times*, tại địa chỉ: http://www.koreatimes.co.kr/www/nation/2017/11/120_239305.html, truy cập ngày 4/8/2019.

¹⁸ Joon-woo Park, “Korea and Vietnam: the Bilateral Relations”, Keynote speech at the 4th Annual Koret Conference on “Korea and Vietnam: The National experiences and foreign Policies of Middle Powers”, March 2, 2012.

một chiến lược ngoại giao mới. Mặc dù Hàn Quốc là quốc gia thuộc nhóm G20, với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao nhưng “việc nâng cao vị thế toàn cầu làm gia tăng trách nhiệm toàn cầu của Hàn Quốc vẫn không đem lại cho Hàn Quốc tầm ảnh hưởng toàn cầu (...) vị thế của Hàn Quốc trong khu vực vẫn chưa có nhiều thay đổi”¹⁹. Các chính sách của Hàn Quốc, dù dựa trên căn bản của động lực kinh tế hay an ninh, đều không tách khỏi việc khắc phục những hạn chế trong sức mạnh quốc gia, tìm kiếm những đường hướng sáng tạo để vượt ra khỏi khung quan hệ đồng minh với Mỹ, để tìm kiếm một địa vị quốc tế bền vững hơn.

“Chính sách hướng Nam mới” không chỉ giúp Hàn Quốc giải quyết những vấn đề thách thức, cả trong nước và quốc tế, mà còn mang lại một động lực mới cho quan hệ Hàn - Việt. Quan hệ song phương tồn tại trong bối cảnh chính trị phức tạp, đặc biệt là trong sự tương tác nhiều chiều với các cường quốc là Mỹ và Trung Quốc. Hàn Quốc, cường quốc tầm trung ở khu vực Đông Bắc Á đã ưu tiên duy trì mối quan hệ đồng minh với Mỹ để đảm bảo khả năng phòng thủ và đảm bảo chiến lược, trong khi nỗ lực phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc. Với Việt Nam, quốc gia giàu tiềm năng ở khu vực Đông Nam Á ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong các tính toán chiến lược của Mỹ, khéo léo tìm kiếm điểm cân bằng để phát triển các

hoạt động thương mại với Trung Quốc cũng như phát huy vai trò của ASEAN - một thực thể có uy tín, đang trên đà phát triển, trong quan hệ với các nước lớn²⁰. Bối cảnh địa chính trị ngày càng phức tạp đã không khiến Hàn Quốc và Việt Nam tụt lại phía sau; hai quốc gia đã tìm đến nhau như những đối tác mà mỗi quan hệ có nhiều thuận lợi để phát triển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aida Idris - Nurliana Kamaruddin (eds.) (2019), *ASEAN Post-50: Emerging Issues and Challenges*, Palgrave Macmillan.
2. Hoàng Minh Lợi (chủ biên) (2013), *Đổi sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á về sự gia tăng quyền lực mềm*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Lịch sử Việt Nam - Hội Sử học Hàn Quốc - Quỹ Nghiên cứu Lịch sử Đông Bắc Á (2009), *Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trong lịch sử*, NXB Thế giới, Hà Nội.
4. Moon Jae-in (2018), *ROK and ASEAN: Partners for Achieving Peace and Prosperity in East Asia*, ISEAS - Yusof Ishak Institute.
5. Nguyễn Bá Dương (chủ biên) (2019), *Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và ứng phó của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Rhee Yeong-Seop (chủ biên) (2016), *Khái luận về kinh tế - chính trị Hàn Quốc*, Biên dịch: Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội, Hiệu đính: Lưu Tuấn Anh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Youn Dae-Yeong, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng (2014), *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862 - 1945)*, NXB Lao động, Hà Nội.

¹⁹ Rhee Yeong-Seop (chủ biên) (2016), *Khái luận về kinh tế - chính trị Hàn Quốc*, Biên dịch: Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội, Hiệu đính: Lưu Tuấn Anh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 522.

²⁰ Nguyễn Bá Dương (chủ biên) (2019), *Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và ứng phó của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 213-227.

Abstract**NEW LOOK SOUTH POLICY OF
KOREA AND STRATEGIC
TRAJECTORIES IN KOREA-VIETNAM
RELATIONS**

The paper explores the strategic dimensions of South Korea's "New Look South Policy", in which the Indian-Pacific context and the US-China strategic competition are considered as important factors promoting Korea to diversify its foreign relations. On the basis of the concerns of Moon Jae-in's government

and the implications of Korea's policies, strategic trajectories in Korea-Vietnam relations and suggestions to deepen this relationship will be clarified. The paper concludes that Korea and Vietnam have many similarities, reinforced by radical awareness of a changing regional context and effort to enhance the relationship to its deserved status.

Keywords: New Look South policy, strategic dimensions, South Korea, Vietnam, Korea - Vietnam relations.

(Tiếp theo trang 28)

8. Hiroshi Minegishi (2018), "South Korea suffers from its alternating approach toward Japan", *Nikkei Asian Review*, <https://asia.nikkei.com/Spotlight/Comment/South-Korea-suffers-from-its-alternating-approach-toward-Japan>

Abstract**THE PROSPECTS OF INTER-KOREAN
RELATION: RECENT SUMMITS'
ANALYSIS**

In 2018, with flexible policy coordination framework based on 3 strategies and a tactic carried out consistently, both Republic of Korea (ROK) and Democratic People's Republic of Korea (DPRK) governments have reached many important achievements in the development of sustainable inter-Korean relations. This coordination frame includes: (i) promoting the strategy of "internationalizing the inter-Korean's will of peace", (ii) engaging other related countries to the strategy of

"Multilateralizing the economic benefits" of the peace process on the Korean peninsula, (iii) pursuing a strategy of "Korean Peninsula of co-prosperity" which is aimed to be irreversible and (iv) the "accumulating public opinion" tactical approach for orientating the requirements of the U.S. governments to the suitable targets in the process of Denuclearization of the Korean Peninsula. This article focuses on analyzing the ROK government's strategy of foreign affairs during President Moon Jae-in's policy of normalizing inter-Korean relations through three summits with the DPRK Supreme Leader Kim Jong-un, thereby clarifying the achievements, limitations and prospects of this process during the upcoming years.

Keywords: Inter-Korea relations, Inter-Korea summits, Korean peninsula, Prospects of inter-Korean relations, Denuclearization

QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC VÀ NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN THẦN KỲ

Võ Minh Hùng*

Tóm tắt

Quan hệ hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đã có một bề dày lịch sử khá lâu đời, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử - văn hoá và ngày nay được nâng lên tầm cao mới toàn diện, cả về quy mô lẫn chất lượng. Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 22/12/1992, quan hệ hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đã không ngừng phát triển với nhiều dấu mốc quan trọng. Năm 2001, quan hệ hai nước đã được nâng lên “Đối tác hợp tác toàn diện” và đến năm 2009 lại được nâng cấp lên quan hệ “Đối tác hợp tác chiến lược”. Do đó, mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, lâu dài và tin cậy giữa 2 nước đang gặt hái được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực hợp tác từ chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng đến giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ... và đang có nhiều bước phát triển thần kỳ trong thời gian tới.

Từ khóa: Quan hệ quốc tế, Hàn Quốc, Việt Nam, Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc

Quan hệ hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đã có một bề dày lịch sử khá lâu đời, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử - văn hoá và ngày nay được nâng lên tầm cao mới toàn diện, cả về quy mô lẫn chất lượng. Quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, lâu dài và tin cậy giữa 2 nước đang gặt hái được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực như Tổng thống Hàn Quốc Ly Myung - Bak đã nói: “*Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc là mối quan hệ đặc biệt*” và nhấn mạnh “*Hàn Quốc là người bạn thân thiết và chân thành nhất*” và là “*đối tác tốt nhất và thực chất*” của Việt Nam¹. Trong cuộc hội đàm giữa Tổng thống Park Geun Hye với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng năm 2013, Bà cũng đã nhận định: “*Quan hệ giữa hai nước đã đạt được sự phát triển đáng chú ý trong suốt 20 năm qua, tôi cho rằng đây là lúc chúng ta chuẩn bị cho tương lai 20 năm tới và tiến tới đưa hợp tác kinh tế phát triển sâu rộng thêm một tầm nữa*”². Và đặc biệt kể từ khi được bầu làm Tổng thống Hàn Quốc, ông Moon Jae - In với chính sách hướng Nam mới của mình đã luôn thể hiện sự coi trọng đặc biệt đối với việc phát triển quan hệ Hàn

*Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

¹ Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh trả lời phỏng vấn báo chí về kết quả chuyến thăm cấp Nhà nước tới Hàn Quốc của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang từ ngày 8 -10/11/2011 (<http://www.mofa.gov.vn>).

² Tổng thống Hàn Quốc trả lời phỏng vấn báo chí Việt Nam (<http://www.vietnamplus.vn>).

Quốc - Việt Nam, xác định Việt Nam là đối tác trọng tâm của Hàn Quốc. Có thể cảm nhận rõ nét điều này khi tháng 3.2018, năm đầu tiên triển khai thực hiện chính sách hướng Nam mới, Tổng thống Moon Jae - in đã thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam, chọn Việt Nam là quốc gia đầu tiên để thảo luận, chia sẻ về những quan điểm, tầm nhìn và chính sách cụ thể trong chính sách hướng Nam mới. Tổng thống Moon Jae - in một lần nữa thể hiện quyết tâm làm sâu sắc hơn nữa và đưa quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược với Việt Nam lên tầm cao mới bởi với ông, *“Việt Nam luôn là người bạn tốt nhất, gần gũi nhất của Hàn Quốc”*³ và ông nhấn mạnh *“Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của chúng tôi ở Đông Nam Á và là quốc gia đối tác cốt lõi cho Chính sách Hướng Nam mới của chúng tôi”*⁴.

Chính vì vậy, chỉ sau chưa đầy 27 năm, một khoảng thời gian không dài so với lịch sử hàng ngàn năm của hai nước, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã phát triển hết sức ngoạn mục, thần kỳ và trở thành một tấm gương điển hình về quan hệ hợp tác song phương kiểu mẫu trong khu vực và quốc tế.

1. Nhìn lại những bước phát triển thần kỳ trong quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc

1.1. Về quan hệ chính trị - ngoại giao

Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam và Hàn Quốc đã thiết lập quan hệ Đối tác Hợp tác chiến lược được 10 năm.

³ Phạm Thúy: từ “phép màu quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc” đến “quan hệ kiểu mẫu hướng tới tương lai” (<http://daibieunhandan.vn>).

⁴ South Korea's President to visit Vietnam and amid the business ties (<http://en.viglaceraip.com/news/south-koreas-president-to-visit-vietnam-amid-strong-business-ties.html>)

Trong 10 năm qua, quan hệ hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc phát triển hết sức mạnh mẽ, đạt được những kết quả hết sức thần kỳ. Quan hệ hai nước không ngừng được tăng cường, mở rộng và phát triển thể hiện qua những chuyến thăm viếng lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước, cụ thể:

Về phía các nhà lãnh đạo cấp cao Việt Nam thăm Hàn Quốc có: Thủ tướng Võ Văn Kiệt (tháng 5/1993); Tổng Bí thư Đỗ Mười (tháng 4/1995); Chủ tịch nước Trần Đức Lương (từ 22-25/8/2001); Thủ tướng Phan Văn Khải (từ 15-19/9/2003); Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (14-16/11/2007); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức từ 28-31/5, dự Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 20 năm quan hệ đối thoại ASEAN-Hàn Quốc từ 31/5-02/6/2009 và nâng cấp lên thành đối tác chiến lược; Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (08 - 10/11/2011); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (26- 29/3/2012); Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (10/2014)...

Về phía các nhà lãnh đạo cấp cao Hàn Quốc thăm Việt Nam có: Thủ tướng Lee Young Dug (8/1994); Tổng thống Kim Young Sam (11/1996); Tổng thống Kim Tae Chung (12/1998) thăm chính thức Việt Nam và dự Hội nghị Cấp cao ASEAN-6); Thủ tướng Lee Han Dong (08-11/4/2002); Tổng thống Roh Mu Hyun (10-12/10/2004); Thủ tướng Lee Hae Chan (19-21/4/2005); Tổng thống Roh Mu Hyun dịp dự Hội nghị APEC-14 tại Hà Nội; Tổng thống Lee Myung Bak (20 - 22 / 10/ 2009); Chủ tịch Quốc hội Cang Chang Hi (13-16/01/2013); Tổng thống Park Geun - Hye (7-11/9/2013); Tổng thống Moon Jea - In (3/2018).

1.2. Về quan hệ kinh tế

Tính đến nay, Hàn Quốc đã trở thành đối tác về thương mại, đầu tư, du lịch, xuất khẩu lao động, viện trợ ODA quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trong thời gian qua, ngoài những tuyên bố chung mà trong đó có đề cập về quan hệ kinh tế, hai nước đã ký nhiều hiệp về kinh tế quan trọng, cụ

thể như: Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư-sửa đổi (9/2003); Hiệp định Hàng không, Hiệp định Thương mại (5/1993); Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần (5/1994); Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam - Hàn Quốc (12/2014)... Những hiệp định trên đã tạo cơ sở pháp lý và cơ hội cho quan hệ kinh tế hai nước phát triển.

- Về quan hệ thương mại:

Kim ngạch thương mại Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2009 - 2013



(Đơn vị: Tỷ USD)

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quan hệ thương mại hai nước trong hơn 20 năm qua đã tăng lên nhanh chóng. Trước khi quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nước được thiết lập, quan hệ thương mại Việt Nam-Hàn Quốc còn ở mức rất thấp. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với Hàn Quốc năm 1983 mới chỉ đạt 22,5 triệu USD, năm 1984 đạt 32,17 triệu USD và tăng dần đến năm 1990 đạt 149 triệu USD. Hiện nay, Hàn Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam và Việt Nam trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 9 của Hàn Quốc. Kim

ngạch thương mại hai chiều năm 2014 đạt hơn 28,9 tỷ USD tăng gấp 95 lần so với năm 1990. Theo thống kê sơ bộ của Tổng Cục Hải quan 7 tháng đầu năm 2015 tổng giá trị kim ngạch hai chiều đạt hơn 20,6 tỷ USD¹. Kể từ năm 2011 đến nay, Hàn Quốc luôn giữ vững ngôi vị là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Năm 2017, kim ngạch thương mại hai nước đạt 64 tỷ USD. Nhờ đó, Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Hàn Quốc.

¹ Hồ sơ thị trường Hàn Quốc (<http://www.vietrade.gov.vn>).

Ngược lại, Hàn Quốc là bạn hàng thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam chỉ sau Trung Quốc². Như vậy, có thể nói quan hệ thương mại giữa hai nước không ngừng tăng lên theo thời gian. Tuy nhiên, trong quan hệ thương mại với Hàn Quốc, Việt Nam luôn nhập siêu từ Hàn Quốc và xu thế nhập siêu của Việt Nam ngày càng lớn, đòi hỏi chúng ta tìm ra những giải pháp để kịp thời khắc phục hạn chế đó.

- Về đầu tư trực tiếp

Sau khi Việt Nam ban hành Luật đầu tư nước ngoài, các công ty Hàn Quốc đã có mặt và hoạt động đầu tư của họ ngày càng trở nên đa dạng và sôi động. Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam đã tăng lên rất nhanh chóng trong 20 năm qua - từ chỗ mới chỉ có 9 dự án với hơn 100 triệu USD vào năm 1992 đã lên tới với 3.287 dự án có hiệu lực, đạt 25.05 tỷ USD tổng vốn đăng ký (tính đến tháng 4/2013), tức là tăng khoảng 250 lần³. Còn theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, trong năm 2014, vốn Hàn Quốc vẫn tiếp tục đổ vào các dự án đầu tư tại Việt Nam, thể hiện qua 505 dự án cấp mới và 179 dự án tăng vốn tại Việt Nam, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng vốn là 7,32 tỷ USD, chiếm 36,2% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam.

Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam

Năm	2009	2010	12/ 2011	12/ 2012	12/ 2013	12/ 2014
Số dự án	2.064	2.621	3.112	3.186	3.546	4.140
Số vốn đăng ký (Tỷ USD)	16,2	22,5	22,9	24,7	29	37,43

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài

² Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc và những bước phát triển thần kỳ (<https://baoquoc.vn/quan-he-viet-nam-han-quoc-va-nhung-buoc-phat-trien-than-ky-68162.html>)

³ Hồ sơ thị trường Hàn Quốc (<http://www.vietrade.gov.vn>).

Các dự án của Hàn Quốc năm 2014 được triển khai trên 18/21 ngành, lĩnh vực nhưng dẫn đầu là lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo với 322 dự án cấp mới và 151 dự án tăng vốn, với tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng vốn của ngành này năm 2014 là 6,58 tỷ USD (chiếm 89% tổng vốn đầu tư), đứng thứ 2 là lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 6 dự án cấp mới và 1 dự án tăng vốn, tổng số vốn là 363,2 triệu USD (chiếm 5% tổng vốn đầu tư). Đứng thứ 3 là lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 2,1% tổng vốn đầu tư, còn lại thuộc về các ngành lĩnh vực khác. Lũy kế hết năm 2014, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam với tổng vốn Hàn Quốc đăng ký đầu tư tại Việt Nam đạt 36,7 tỷ USD và 4.063 dự án đầu tư còn hiệu lực.

Ông Jun Dae Joo, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Hàn Quốc tại Việt Nam cho biết, những năm qua, quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam và Hàn Quốc phát triển ngày càng tốt đẹp và sâu sắc. Với dân số đông, nguồn lao động dồi dào, tăng trưởng kinh tế - xã hội tốt, Việt Nam đang là điểm đầu tư hấp dẫn của nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Hàn Quốc tăng đầu tư vào Việt Nam trong thời gian tới cũng như mở ra cơ hội việc làm cho lao động phổ thông và lao động ở cấp bậc quản lý. Đặc biệt là các du học sinh Việt Nam đã tốt nghiệp tại các trường đại học Hàn Quốc⁴.

- Về viện trợ phát triển (ODA)

Hàn Quốc là nước cung cấp ODA song phương lớn thứ hai của Việt Nam (sau Nhật Bản) và Việt Nam là nước nhận

⁴ Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam năm 2015 (<http://www.korea.info.vn/2015/03/han-quoc-dau-tu-vao-viet-nam-trong-nam.html>).

viện trợ ODA lớn nhất của Hàn Quốc. Việt Nam là nước được Hàn Quốc ưu tiên trong lĩnh vực ODA. ODA của Hàn Quốc triển khai theo 3 trọng tâm là tăng trưởng xanh, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng. Tổng mức ODA của Hàn Quốc giành cho Việt Nam từ 1993 đến 2008 là 471,4 triệu USD. Năm 2011, Hàn Quốc tuyên bố coi Việt Nam là trọng tâm và là 1 trong 26 “đối tác chiến lược về ODA” và cam kết cung cấp cho Việt Nam 1,2 tỷ USD vốn ưu đãi trong giai đoạn 2012-2015, tăng 200 triệu USD so với giai đoạn 2008-2011⁵. Hàn Quốc hiện là nước cung cấp viện trợ phát triển chính thức (ODA) nhiều thứ hai cho Việt Nam (sau Nhật Bản), với số vốn cam kết là 1,5 tỷ USD trong giai đoạn 2016-2020⁶.

1.3. Về hợp tác lao động

Về hợp tác lao động, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu lao động lớn thứ hai của Việt Nam và Việt Nam là nước xuất khẩu lao động lớn thứ hai sang Hàn Quốc. Hoạt động giao lưu nhân dân tiếp tục được thúc đẩy. Hiện tại, có khoảng 170.000 người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Ngược lại, khoảng 150.000 người Hàn Quốc đang sống tại Việt Nam⁷. Đây chính là cầu nối đưa quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc từ láng giềng trở thành quan hệ họ hàng, anh em gần gũi. Hai bên thường xuyên tổ

chức các hoạt động giao lưu hữu nghị tại mỗi nước, góp phần tăng cường sự hiểu biết và tin cậy giữa nhân dân hai nước.

1.4. Về hợp tác văn hoá - giáo dục

Hai nước đã ký Hiệp định hợp tác văn hoá vào tháng 8/1994, Bản ghi nhớ về hợp tác văn hóa nghệ thuật, thể thao và du lịch tháng 10/2008 cùng nhiều thoả thuận hợp tác giao lưu thanh niên và giáo dục khác. Theo đó, hai bên thường xuyên trao đổi các đoàn văn hóa-nghệ thuật, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, nghệ thuật, triển lãm, điện ảnh. Hiện nay có khoảng 5000 lưu học sinh Việt Nam đang học tập tại Hàn Quốc.

Ngoài ra, mối quan hệ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực văn hóa hoặc giao lưu nhân dân cũng ngày càng được mở rộng. Làn sóng văn hóa Hàn Quốc (Hallyu) đã ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc sống đời thường của người dân Việt Nam thông qua các bộ phim điện ảnh, truyền hình hay các sản phẩm âm nhạc K-pop... đang rất được ưa thích tại Việt Nam. Bên cạnh đó, tại Hàn Quốc, các món ăn Việt cũng trở nên gần gũi hơn và được người dân Hàn vô cùng ưa thích. Những nhà hàng Việt Nam như phở và bún chả đang ngày càng xuất hiện nhiều hơn ở Hàn Quốc.

Đặc biệt, về khía cạnh du lịch, năm 2017, Việt Nam là điểm du lịch nổi tiếng nhất với người Hàn Quốc trong khu vực Đông Nam Á khi có khoảng 2,4 triệu người Hàn Quốc đến tham quan và nghỉ dưỡng tại đất nước của các bạn.

Không những vậy, sự giao lưu, hợp tác trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đã giúp đưa nhân dân hai nước gần gũi với nhau hơn. Có thể kể đến một số kết quả hợp tác mà có thể thấy Việt Nam -

⁵ Hồ sơ thị trường Hàn Quốc (<http://www.vietrade.gov.vn>).

⁶ Mạnh Hùng - Hữu Tuyên: Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực (<https://baotintuc.vn/chinh-tri/quan-he-viet-nam-han-quoc-phat-trien-manh-me-tren-nhieu-linh-vuc-20181203080339107.htm>)

⁷ Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc và những bước phát triển thần kỳ (<https://baoquocte.vn/quan-he-viet-nam-han-quoc-va-nhung-buoc-phat-trien-than-ky-68162.html>)

Hàn Quốc chỉ cần bắt tay hợp tác với nhau có thể tạo ra những kết quả rất tốt đẹp. Ví dụ như VĐV bắn súng Hoàng Xuân Vinh giành huy chương vàng tại Olympic Rio de Janeiro (Brazil) dưới sự huấn luyện của chuyên gia người Hàn Quốc Park Chung-gun. Về Bóng đá, dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên Park Hang-seo, cả ba đội bóng U23, Olympic và tuyển quốc gia Việt Nam đều gặt hái được những thành tích tưởng chỉ có trong mơ đó là chức vô địch AFF Cup lần thứ 2; đội tuyển Olympic Việt Nam xuất sắc lọt vào nhóm 4 đội mạnh nhất tại ASIAN Games; Đội tuyển U23 Việt Nam đã giành ngôi Á quân tại Giải vô địch bóng đá U23 châu Á...

Những kết quả như vậy chỉ ra rằng Việt Nam - Hàn Quốc là những đối tác hết sức phù hợp với nhau. Sự hợp tác giữa hai nước có thể được đặt tên là “*Phép màu Việt Nam - Hàn Quốc*”.

2. Những triển vọng cho sự phát triển thần kỳ của quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc trong thời gian tới

Thứ nhất, bối cảnh quốc tế và khu vực tiếp tục phát triển có lợi cho mối quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương chắc chắn sẽ có nhiều thay đổi và biến động khó lường đó là các nước lớn đều có những điều chỉnh chiến lược đối ngoại, trong đó có sự điều chỉnh chính sách đối với châu Á - Thái Bình Dương, do đó chắc chắn quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc sẽ bị tác động và chi phối nhiều mặt. Tuy nhiên, xu thế hóa bình, ổn định, hợp tác để cùng phát triển vẫn là xu thế chủ đạo của dòng chảy thế giới và châu Á sẽ vẫn là trung tâm kinh tế thế giới. Mọi quốc gia

dù giàu hay nghèo, phát triển hay đang phát triển đều phải tăng cường hợp tác, liên kết với nhau theo phương châm “*trong bạn có tôi, trong tôi có bạn*” để cùng phát triển, Việt Nam và Hàn Quốc không là ngoại lệ.

Như vậy, có thể nói tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục tạo cơ hội thúc đẩy quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc tiếp tục phát triển và nâng lên tầm cao mới trong thời gian tới.

Thứ hai, sự bắt gặp lợi ích song trùng trong đường lối đối ngoại của hai nước

Việt Nam vẫn tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại theo phương châm đường lối đối ngoại “*thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*”⁸. Chắc chắn một điều, Hàn Quốc tiếp tục là nước có vị trí hết sức quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Và ngược lại, với chính sách Hướng Nam của Tổng thống Hàn Quốc, Ông Moon Jae - In sẽ tiếp tục xác định Việt Nam là đối tác trọng tâm, là người bạn tốt nhất, gần gũi nhất của Hàn Quốc ở Đông Nam Á, bởi Việt Nam có vị trí, vai trò và tiếng nói ngày càng quan trọng trong khu vực Đông Nam Á nói riêng và châu Á nói chung.

⁸ Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển (<http://www.cpv.org.vn>).

Vì vậy, quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc nhất định sẽ còn bay xa hơn, bay cao hơn, có những bước phát triển thần kỳ hơn nữa trong thập kỷ tới để phù hợp với mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, lâu dài và tin cậy lẫn nhau trên cơ sở của mối quan hệ đối tác chiến lược của hai nước Việt Nam - Hàn Quốc.

Thứ ba, quan hệ hai nước Việt Nam - Hàn Quốc sẽ tiếp tục có những bước phát triển mới đi vào chiều sâu trên nền tảng mối quan hệ hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và đối tác chiến lược.

Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc hiện nay là mối quan hệ “Đối tác hợp tác chiến lược” vì hoà bình, ổn định và phát triển. Như vậy, chẵn chẵn thời gian tới quan hệ Việt Nam và Hàn Quốc sẽ tiếp tục có những bước phát triển chặt chẽ hơn nữa cả chiều rộng lẫn chiều sâu như Tổng thống Park Geun Hye đã nhận định: “Tôi đã chọn Việt Nam là quốc gia đầu tiên trong chuyến công du các quốc gia ASEAN, bởi chúng tôi luôn coi trọng mối quan hệ hữu hảo với Việt Nam, và quyết tâm sẽ phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác này. Quan hệ giữa hai nước đã đạt được sự phát triển đáng chú ý trong suốt 20 năm qua, tôi cho rằng đây là lúc chúng ta chuẩn bị cho tương lai 20 năm tới và tiến tới đưa hợp tác kinh tế phát triển sâu rộng thêm một tầm nữa”⁹.

Thứ tư, triển vọng quan hệ thương mại của hai nước.

Hiện nay, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) đã chính thức được ký kết. Theo cam kết,

hơn 90% dòng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất-nhập khẩu giữa 2 nước sẽ được gỡ bỏ. Theo đó, hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ các cơ hội thị trường có được nhờ cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ từ phía Hàn Quốc. Xuất khẩu các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam sang Hàn Quốc, đặc biệt là hàng nông thủy sản, công nghiệp chế biến, được kỳ vọng sẽ tăng trưởng nhanh chóng trong thời gian tới như Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng, trong buổi gặp gỡ báo chí sau lễ ký kết ngày 5/5/2015 tin tưởng rằng: “Trong thời gian tới, khi hai bên thực thi Hiệp định, chắc chắn quy mô và chất lượng trong hợp tác đối với lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư sẽ có những bước tiến nhảy vọt và chúng ta hoàn toàn có điều kiện để tin rằng mục tiêu kim ngạch xuất nhập khẩu của hai nước đạt 70 tỷ USD vào năm 2020 là khả thi”¹⁰.

Thứ năm, triển vọng về thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Hàn Quốc vào Việt Nam.

Việc thực hiện các cam kết trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ngay trong những ngày đầu tháng 1/2019, tiếp đó là Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (VEFTA)... Chắc chắn, môi trường kinh doanh ở Việt Nam sẽ có thay đổi lớn theo hướng cải cách, mở cửa ngày càng thông thoáng và đang được đánh giá là thị trường đầu tư triển vọng trong tương lai. Vì vậy, Hàn Quốc với lợi thế cạnh tranh, lợi thế là đối tác chiến lược đứng

⁹ Tổng thống Hàn Quốc trả lời phỏng vấn báo chí Việt Nam (<http://www.vietnamplus.vn>).

¹⁰ FTA Việt Nam - Hàn Quốc cơ hội thúc đẩy quan hệ thương mại (<http://www.vietrade.gov.vn/tin-tuc/20-tin-tuc/4987-fta-viet-nam--han-quoc-co-hoi-thuc-day-thuong-mai-hai-chieu.html>).

đầu trong các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với khoảng 7.600 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 63,7 tỷ USD¹¹, triển vọng thu hút đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam trong thời gian tới là rất sáng sủa và chắc chắn đầu tư của Hàn Quốc còn tiếp tục tăng mạnh, tăng nhanh hơn bao giờ hết.

Thứ sáu, lợi thế so sánh và tiềm năng kinh tế của hai nước.

Xét về quan hệ thương mại: Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu trong thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc có tính chất bổ sung rõ rệt, không cạnh tranh trực tiếp. Hàn Quốc là thị trường tiêu thụ quan trọng đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như thủy sản, dệt may, giày dép, đồ gỗ và hàng nông sản. Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ Hàn Quốc máy móc, trang thiết bị, nguyên phụ liệu, hóa chất, phương tiện vận tải. Và như vậy, quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc hiện nay vẫn chưa phù hợp với tiềm năng và lợi thế của hai nước đang có. Vì vậy, triển vọng quan hệ hợp tác kinh tế hai nước thời gian tới sẽ còn phát triển hơn nữa để phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của mỗi bên.

Thứ bảy, triển vọng về hợp tác văn hóa - giáo dục.

Hai nước Việt - Pháp có mối quan hệ truyền thống lâu đời, yếu tố văn hóa tương đồng và đặc biệt là văn hoá của Hàn Quốc đã và đang ảnh hưởng sâu sắc vào trong đời sống của từng người dân Việt Nam từ lời ăn, tiếng nói cho đến cách sinh hoạt, ăn mặc. Và quan hệ hai nước ngày nay đang phát triển mạnh mẽ, Hàn Quốc

là nước luôn coi trọng yếu tố văn hóa, quảng bá nền văn hóa của mình. Việt Nam luôn là đối tác ưu tiên trong hợp tác văn hóa của Hàn Quốc ở châu Á, đặc biệt trên các lĩnh vực như đào tạo đội ngũ nhân lực, đào tạo tiếng Hàn, hợp tác nghe nhìn, biểu diễn nghệ thuật, cung cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam. Theo thống kê Việt Nam hiện đang là quốc gia đứng 2 về số lượng du học sinh học tập tại nước này (trước đó, năm 2014 VN đứng vị trí thứ 3 trong tổng số 91.332 sinh viên nước ngoài học tập tại đây). Vì vậy, quan hệ hợp tác hai nước Việt Nam - Hàn Quốc sẽ tiếp tục được tăng cường và phát triển trong thời gian tới.

3. Kết luận

Như vậy, kể từ sau chiến tranh lạnh đến nay, quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc với những bước phát triển thần kỳ đã nhanh chóng trở thành hình mẫu cho mối quan hệ giữa các quốc gia từng ở hai chiến tuyến, nay đã trở thành đối tác chiến lược, hướng về tương lai và đạt được những thành tựu rực rỡ. Và ngày nay, mối quan hệ hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đã được nâng lên tầm cao mới với những nấc thang cao hơn và nhất định hai nước sẽ còn vươn xa hơn nữa trong mối quan hệ quốc tế như nhận định của tờ báo Thế giới và Việt Nam: “*Quan hệ Việt-Hàn (trong 20 năm tới) không phải là tiếp tục phát triển như 20 năm vừa qua, nó không phải là phép cộng của 20 năm tới mà nó là phép nhân, phát triển theo cấp số nhân. Không phải là 20+20 mà là 20x20 hoặc gần như thế. Hai mươi năm nữa nếu theo đà quan hệ này, theo ý chí của lãnh đạo và nguyện vọng của nhân dân hai nước như thế này, thì Việt Nam và Hàn Quốc nhất định sẽ trở thành*

¹¹ Làn sóng đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam ngày càng tăng (<https://baomoi.com/lan-song-dau-tu-tu-han-quoc-vao-viet-nam-ngay-cang-tang/c/30073035.epi>)

đôi bạn, đôi anh em phồn vinh và hùng mạnh trên bờ Thái Bình Dương”¹².

Vì vậy, theo đà phát triển mạnh mẽ của quan hệ hai nước trong 28 năm qua, chúng ta có thể tin tưởng vững chắc rằng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và sâu sắc hơn trong thời gian tới để phù hợp với nguyện vọng của Chính phủ và nhân dân hai nước vì mục tiêu hoà bình, hợp tác, phát triển ở khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Đông Phương học, 10 năm đào tạo và nghiên cứu hàn Quốc tại Việt Nam; Kỷ yếu hội thảo quốc gia kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc, Nxb Đại học Quốc gia.
2. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Đông Phương học; Thúc đẩy hàn Quốc học ở Việt nam; Kỷ yếu Hội thảo quốc tế; Nxb thế giới.
3. Nguyễn Hoàng Giáp (chủ biên) Hàn Quốc với khu vực Đông Á sau chiến tranh lạnh và quan hệ Việt Nam- Hàn Quốc, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2009, tr.153.
4. Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh trả lời phỏng vấn báo chí về kết quả chuyến thăm cấp Nhà nước tới Hàn Quốc của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang từ ngày 8 -10/11/2011 (<http://www.mofa.gov.vn>).
5. Tổng thống Hàn Quốc trả lời phỏng vấn báo chí Việt Nam (<http://www.vietnamplus.vn>)
6. Hồ sơ thị trường Hàn Quốc [<http://www.vietrade.gov.vn>].

¹² Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh trả lời phỏng vấn báo chí về kết quả chuyến thăm cấp Nhà nước tới Hàn Quốc của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang từ ngày 8 -10/11/2011 (<http://www.mofa.gov.vn>).

7. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển (<http://www.cpv.org.vn>)
8. FTA Việt Nam - Hàn Quốc cơ hội thúc đẩy quan hệ thương mại (<http://www.vietrade.gov.vn>).
9. Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam trong năm 2015. (<http://www.korea.info.vn>).
10. Milestone for South Korea-Vietnam relations (<http://www.koreatimes.co.kr>)
11. South Korea's President to visit Vietnam and amid the business ties (<http://en.viglaceraip.com>).

Abstract

Vietnam bilateral relations and South Korea has a relatively long history of life, there are many similarities in history - and today's culture is raised to new heights comprehensive, both in size and quality. Since the establishment of diplomatic relations on 22/12/1992, Vietnamese and Korean relations have been constantly evolving with many important milestones. In 2001, the two-country relationship was raised to the "full cooperation partner" and in 2009 was upgraded to the "Strategic partnerships partner". Therefore, the relationship of traditional friendship, comprehensive cooperation, long-term and reliable between the two countries are reaping important achievements across all fields of cooperation from politics-economic, cultural-social , security-Defense to education-training, science-technology and the two-country exchange people and are many magic steps in the coming time.

Key words: International relations, Vietnam - Korea relation

TRIỂN VỌNG QUAN HỆ LIÊN TRIỀU QUA CÁC LẦN HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH

Bùi Hải Đăng - Lục Minh Tuấn*

Tóm tắt

Trong năm 2018, bằng khung phối hợp chính sách linh hoạt dựa trên 3 chiến lược và một chiến thuật được thực hiện xuyên suốt và nhất quán, chính phủ Hàn Quốc và Triều Tiên đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong tiến trình bình thường hoá quan hệ hai miền trên bán đảo Triều Tiên. Khung phối hợp này bao gồm: (i) chiến lược “quảng bá quốc tế ý chí hai miền” khi sử dụng ngoại giao văn hoá và một loạt các sự kiện chính trị quan trọng của tiến trình hoà giải để truyền tải thông điệp hoà bình đến dư luận quốc tế, (ii) chiến lược “kinh tế hoá lợi ích đa phương” của tiến trình hoà bình trên bán đảo Triều Tiên để hướng các cường quốc liên quan đến một mẫu số chung về kinh tế (xây dựng một cộng đồng kinh tế mới kết nối toàn Đông Á) có lợi cho tất cả các bên thay vì mẫu số chung về chính trị có hữu dẫn đến cạnh tranh quyền lực truyền thống trên bán đảo này giữa tam giác Mỹ - Nga - Trung, (iii) chiến lược tạo “thế đã rồi” trong việc thúc đẩy hiện thực hoá “kỷ nguyên hoà bình” giữa hai miền để thúc đẩy làn sóng hợp tác chủ đạo trong khu vực với hi vọng các cường quốc có liên quan không thể đảo ngược xu hướng này,

và (iv) là chiến thuật “tích tụ dư luận” nhằm thu hút các nhà đàm phán kênh 1 và học giả kênh 2 vào một vài trọng tâm cố định thay vì phân tán theo các yêu cầu khó lường trong đàm phán phi hạt nhân hoá của chính phủ Tổng thống D. Trump - một nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến các bước phát triển của đàm phán liên Triều. Bài viết tập trung phân tích cách thức triển khai chiến lược đối ngoại của chính phủ Hàn Quốc thời Tổng thống Moon Jae-in trong tiến trình bình thường hoá quan hệ liên Triều qua ba lần Hội nghị Thượng đỉnh với Lãnh đạo Kim Jong-un của Triều Tiên trong năm 2018, từ đó làm rõ các thành tựu cũng như hạn chế và triển vọng của tiến trình này trong giai đoạn sắp tới.

Từ khóa: Quan hệ liên Triều, Hội nghị thượng đỉnh liên Triều, Bán đảo Triều Tiên, Triển vọng quan hệ liên Triều, Phi hạt nhân

Trong năm 2018, bằng khung phối hợp chính sách linh hoạt dựa trên 3 chiến lược được thực hiện xuyên suốt và nhất quán, chính phủ Hàn Quốc và Triều Tiên đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong tiến trình bình thường hoá quan hệ hai miền trên bán đảo Triều Tiên. Khung phối hợp này bao gồm: (i) chiến lược “quảng bá quốc tế ý chí hai miền” khi sử

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

dụng ngoại giao văn hoá và một loạt các sự kiện chính trị quan trọng của tiến trình hoà giải để truyền tải thông điệp hoà bình đến dư luận quốc tế, (ii) chiến lược “đa phương hoá lợi ích kinh tế” của tiến trình hoà bình trên bán đảo Triều Tiên để hướng các cường quốc liên quan đến một mẫu số chung về kinh tế (xây dựng một cộng đồng kinh tế mới kết nối toàn Đông Á) có lợi cho tất cả các bên thay vì mẫu số chung về chính trị cố hữu dẫn đến cạnh tranh quyền lực truyền thống trên bán đảo này giữa tam giác Mỹ - Nga - Trung, (iii) chiến lược tạo “thế đã rồi” trong việc thúc đẩy hiện thực hoá “kỷ nguyên hoà bình” giữa hai miền để thúc đẩy làn sóng hợp tác chủ đạo trong khu vực với hi vọng các cường quốc có liên quan không thể đảo ngược xu hướng này. Cả 3 chiến lược này đều có mục tiêu nhằm thu hút các nhà đàm phán kênh 1 và học giả kênh 2 vào một vài trọng tâm cố định thay vì phân tán theo các yêu cầu khó lường trong đàm phán phi hạt nhân hoá của chính phủ Tổng thống D. Trump - một nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến các bước phát triển của đàm phán liên Triều.

1. Từ vai trò ngày càng quan trọng của vấn đề Triều Tiên ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cho đến Hội nghị Thượng đỉnh liên Triều lần thứ 3 (4/2018)

Vấn đề quan hệ liên Triều không chỉ có tác động rất lớn đến lợi ích của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương thời điểm hiện tại, mà còn đóng vai trò trọng yếu liên quan đến an ninh quốc gia của một loạt các cường quốc láng giềng như Trung Quốc, Nga và Nhật Bản, cũng như các quốc gia nhỏ hơn ở khu vực Đông Á (vì chính sách phát triển vũ khí hạt nhân

của Triều Tiên, cũng như các động thái chạy đua vũ trang của Hàn Quốc - một quốc gia đồng minh do Mỹ nắm quyền tổng chỉ huy quân đội thời chiến). Đây rõ ràng là giao điểm của một loạt các vùng ảnh hưởng giữa các cường quốc lớn, do đó, tiến trình hoà giải giữa hai miền Triều Tiên không tránh khỏi khả năng bị quốc tế hoá cao độ. Điều này được thể hiện rõ qua điều kiện tiên quyết mà phía Hàn Quốc đưa ra với Triều Tiên tại cuộc gặp lịch sử vào ngày 10/2 vừa qua, đó là yêu cầu *Triều Tiên phải đối thoại với Mỹ*¹. Một minh chứng khác đó là ảnh hưởng của các lệnh cấm vận thắt chặt của Liên Hợp Quốc do Mỹ đề xướng đã buộc Hàn Quốc phải duy trì một số lệnh trừng phạt riêng với Triều Tiên mà bản thân chính phủ Hàn Quốc cũng không thể linh hoạt điều chỉnh, dẫn đến việc không thể cung cấp nguyên liệu cho tàu chở vận động viên Triều Tiên trong kỳ Thế vận hội lần này².

Tuy nhiên, *Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in với vai trò là người đang tiến hành “ngoại giao con thoi” giữa tất cả các bên liên quan, đã cố gắng bác bỏ các quan điểm can thiệp từ các quốc gia khác đối với vấn đề liên Triều*³, nhưng vẫn phải

¹ David Caplan - Clark Bentson (2018), “Kim Jong Un invites South Korean President Moon Jae-in to a summit in the North”, ABC News,

<http://abcnews.go.com/International/kim-jong-invites-south-korean-president-moon-jae/story?id=52979427>, truy cập ngày 06/09/2019

² “Triều Tiên rút lại đề nghị cung cấp nhiên liệu cho tàu Mangyongbong-92”, Vietnam Plus, <https://www.vietnamplus.vn/trieu-tien-rut-lai-de-nghi-cung-cap-nhien-lieu-cho-tau-mangyongbong92/488079.vnp>, truy cập ngày 07/09/2019

³ “Moon rejects Abe’s call to resume Korea-U.S. military drills”, Yonhap News Agency, <http://english.yonhapnews.co.kr/news/2018/02/10/02000000000AEN20180210004200315.html>, truy cập ngày 10/08/2019

công nhận ảnh hưởng của Mỹ như một ngoại lệ đặc biệt⁴. Ngay trong kỳ Thế vận hội Mùa Đông lần này, Tổng thống Moon cũng xác nhận lần nữa với Phó Tổng thống Mỹ M. Pence về việc ủng hộ những đóng góp của Mỹ khi đã góp phần gia tăng sức ép tối đa (nhờ các lệnh trừng phạt Triều Tiên) buộc Triều Tiên phải chủ động thúc đẩy đối thoại liên Triều và cử phái đoàn cấp cao sang Hàn Quốc⁵. Đây cũng là một thử thách rất lớn cho tiến trình hoà giải hai miền khi lập trường chung của cả Triều Tiên và Hàn Quốc đều hướng đến: “vấn đề liên Triều chỉ do người Triều Tiên quyết định”, căn cứ vào các Tuyên bố chung từ Hội nghị Thượng đỉnh liên Triều (năm 2000⁶, 2007⁷) và thông cáo báo chí chung của hai miền sau đối thoại liên Triều ngày 9/1⁸. Trong khi Mỹ - một quốc gia có chủ trương khiêu khích chia rẽ hai miền để duy trì hiện

diện quân sự tại khu vực - lại là nhân tố mang tính thù địch với Triều Tiên. Do đó, khác với những ảnh hưởng của Nga, Trung (hậu thuẫn cho Triều Tiên) hay Nhật, Úc (hậu thuẫn cho Hàn Quốc), thì *nhân tố Mỹ vừa là vật cản rất lớn, vừa là chủ thể bên ngoài bắt buộc phải tính đến* - đã tạo nên thế lưỡng nan khi tiến hành hoà giải giữa hai miền Triều Tiên. Thế lưỡng nan này càng khó giải quyết hơn khi bản thân Mỹ cũng không thể cùng một lúc đạt được tất cả các mục tiêu của họ tại Triều Tiên (theo lý thuyết về “bộ ba nan giải”⁹).

2. Từ kết quả Thượng đỉnh liên Triều lần 3 (4/2018) cho đến chiến lược kiến tạo “kỷ nguyên hoà bình” của hai miền

Chuyến thăm lịch sử của ông Kim Jong-un sang khu vực phi quân sự của Hàn Quốc để tiến hành Hội nghị Thượng đỉnh với Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in ngày 27/4 đã diễn ra trong sự quan tâm sát sao của cả dư luận khu vực và dư luận quốc tế. Để chuẩn bị cho sự kiện này, cả hai phía Triều Tiên và Hàn Quốc đã tiến hành một loạt các hoạt động “vận động hành lang” đến tất cả các nước có ảnh hưởng trên trường quốc tế ngay từ sau khi vừa kết thúc Thế vận Hội Mùa Đông PyeongChang vào cuối tháng 2/2018. Trong đó, có thể thấy rõ cả hai miền đều hướng đến việc tách biệt nhóm các “vấn đề liên Triều” (Nhóm 1) ra khỏi các “vấn đề trong quan hệ Mỹ - Hàn” (Nhóm 2) và “các vấn đề trong quan hệ Mỹ - Triều” (Nhóm 3).

⁴ Joohee Cho (2018), “South Korea's Moon credits Trump for 'big' role in North Korea talks”, *ABC News*, <http://abcnews.go.com/International/south-koreas-moon-credits-trump-big-role-north/story?id=52252753>, truy cập ngày 08/08/2019

⁵ Christine Kim - Cynthia Kim (2018), “Pence says South Korea President Moon supports U.S. additional sanctions on North Korea”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/us-olympics-2018-northkorea-usa/pence-says-south-korea-president-moon-supports-u-s-additional-sanctions-on-north-korea-idUSKBN1FT0OY>, truy cập ngày 11/08/2019

⁶ United States Institute of Peace (2000), “South-North Joint Declaration”, *Peace Agreements Digital Collection*, https://www.usip.org/sites/default/files/file/resources/col/lections/peace_agreements/n_skorea06152000.pdf, truy cập ngày 10/08/2019

⁷ The National Committee on North Korea (2007), “2007 Declaration on the Advancement of South-North Korean Relations, Peace and Prosperity”, *NCNK*, <https://www.ncnk.org/resources/publications/North-South%20Declaration.doc>, truy cập ngày 11/08/2019

⁸ Đức Dũng (2018), “Triều Tiên, Hàn Quốc ra tuyên bố chung liên Triều”, *Infonet*, <http://infonet.vn/trieu-tien-han-quoc-ra-tuyen-bo-chung-lien-trieu-post251015.info>, truy cập ngày 07/08/2019

⁹ Nicholas D. Anderson (2018), “‘Bộ 3 nan giải’ của Mỹ trong vấn đề hạt nhân Triều Tiên”, *Nghiên cứu Biển Đông*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/6851-bo-3-nan-giai-cua-my-trong-van-de-hat-nhan-trieu-tien>, truy cập ngày 10/08/2019

Nghĩa là, Hội nghị Thượng đỉnh của hai miền lần 3 chỉ tập trung bàn về các vấn đề liên Triều, nhưng khi vận động dư luận các nước thì cả Triều Tiên và Hàn Quốc đều rất khéo léo dùng các vấn đề của hai nhóm còn lại, đặc biệt là sự thành công khi dùng vấn đề “phi hạt nhân hóa” (do đích thân Tổng thống Hàn Quốc¹⁰ và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình¹¹ đứng ra đảm bảo cho Triều Tiên) và sự “thấu hiểu” về hiện diện quân sự của Mỹ trên đất Hàn (do đích thân lãnh đạo Triều Tiên thừa nhận¹²) để đạt được sự ủng hộ đông đảo của dư luận quốc tế.

Từ sự kết hợp “tuy hai mà một” của Triều Tiên và Hàn Quốc, dư luận quốc tế đã gây sức ép rất lớn lên các kịch bản có thể gây bất lợi cho tiến trình hòa bình trên bán đảo Triều Tiên, mà chủ thể có khả năng tạo ra kịch bản này lớn nhất chính là Mỹ. Do đó, sự nhân nhượng của Mỹ trong việc giảm nhẹ quy mô tập trận với phía Hàn Quốc¹³ và việc Tổng thống Mỹ D. Trump chấp nhận đàm phán

Thượng đỉnh sớm với Triều Tiên vào cuối tháng 5 và đầu tháng 6 cho thấy sự thành công của “ngoại giao thông minh” từ phía Triều Tiên (dùng vũ khí hạt nhân kết hợp với tên lửa đạn đạo cùng với sự mềm dẻo trong cách tiếp cận trao đổi các đoàn văn hóa và vận động viên với phía Hàn Quốc) và “ngoại giao con thoi” từ phía Hàn Quốc.

Diễn biến thực tế của Tuyên bố chung Hội nghị Thượng đỉnh Liên Triều lần thứ 3 ngày 27/4/2018 cho thấy rõ ràng mục tiêu chung của cả hai miền chỉ nhằm hướng đến các yếu tố kỹ thuật của các vấn đề “liên Triều” (nhóm 1), *hoàn toàn không có nội dung chi tiết nào nói cụ thể về các nội dung liên quan đến nhóm 2 và 3*. Trong tuyên bố chung, vấn đề “phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên” chỉ được nhắc đến như một “mục tiêu chung” được ghi nhận mang tính định hướng¹⁴ về việc xây dựng hòa bình trên bán đảo này, hoàn toàn không có bất kỳ cột mốc thời gian nào được đưa ra và để ngỏ cho các nỗ lực hợp tác quốc tế của cộng đồng - một chỉ dấu cho Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều. Tuyên bố chung cũng cho thấy sự đồng thuận của hai miền trong việc chấp nhận một cấu trúc 3 bên Mỹ - Triều - Hàn hoặc 4 bên Mỹ - Triều - Hàn - Trung cùng ngồi đàm phán cho các điều khoản cuối cùng nhằm kết thúc tình trạng chiến tranh hiện tại (đây cũng là khó khăn về kỹ thuật cho hai miền vì thực tế lịch sử ghi nhận Hiệp định đình chiến năm 1953 chỉ do 3 bên ký kết là Mỹ - Triều - Trung nên về lý

¹⁰ Joyce Lee (2018), “South Korea's Moon says North seeking 'complete denuclearization'”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/us-northkorea-missiles-moon/south-koreas-moon-says-north-seeking-complete-denuclearization-idUSKBN1HQ119>, truy cập ngày 06/08/2019

¹¹ Lincoln Feast (2018), “China says North Korea's Kim pledged commitment to denuclearization”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/us-northkorea-missiles-china/china-says-north-koreas-kim-pledged-commitment-to-denuclearization-idUSKBN1H305W>, truy cập ngày 01/08/2019

¹² Thông tấn xã Việt Nam (2018), “Lãnh đạo Triều Tiên bày tỏ thấu hiểu về tập trận quân sự Hàn-Mỹ”, *Vietnam Plus*, <https://www.vietnamplus.vn/lanh-dao-trieu-tien-bay-to-thau-hieu-ve-tap-tran-quan-su-hanmy/491120.vnp>, truy cập ngày 03/08/2019

¹³ Franz-Stefan Gady (2018), “US, South Korea Kick Off Annual Military Drill Without US ‘Strategic Assets’”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2018/04/us-south-korea-kick-off-annual-military-drill-without-us-strategic-assets/>, truy cập ngày 04/08/2019

¹⁴ “Declaration of North and South Korean summit”, *CNN*, <https://edition.cnn.com/2018/04/27/asia/read-full-declaration-north-south-korea/index.html?no-st=1524827319m>, truy cập ngày 04/08/2019

thuyết thì Hàn Quốc chưa hề ký kết hiệp định đình chiến nào với Triều Tiên¹⁵).

Như vậy, Hội nghị Thượng đỉnh Liên Triều lần này đã đạt được mục tiêu khởi động lại các hoạt động đàm phán hòa bình giữa hai miền và khởi tạo một cấu trúc mới giữa 3 bên hoặc 4 bên để bàn về “hòa bình vĩnh cửu” trên bán đảo này, khác với cấu trúc đàm phán 6 bên sẵn có trước đó. Nga và Nhật Bản xem như chính thức đứng ngoài phạm vi ảnh hưởng đến hòa bình tại bán đảo này (theo mong muốn của hai miền). Mặc dù phía Nhật đang vận động rất mạnh để duy trì ảnh hưởng trong vấn đề này, thậm chí Thủ tướng Nhật còn làm rõ lập trường này trong 4 điểm gửi đến Tổng thống D. Trump trong chuyến thăm ngay trước đó (mà phía Mỹ có khả năng giúp được 3 trong 4 điểm trên¹⁶) và trong cuộc điện đàm với Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in ngay trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh¹⁷. Việc chính thức xác nhận sự suy giảm ảnh hưởng của Nhật Bản trong vấn đề Triều Tiên là một trong những nhân tố khiến cho Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều sau đó trở nên nặng nề hơn. Về phía Nga thì có lẽ nước này chấp nhận một cách tiếp cận “ngầm” đối với vấn đề Triều

Tiên hơn, và các hoạt động ngoại giao nhộn nhịp giữa cả hai miền Triều Tiên với Nga¹⁸ gần đây đã chứng tỏ kịch bản đang diễn ra là phù hợp.

Mối quan ngại được đặt ra sau Hội nghị Thượng đỉnh Liên Triều lần này là những phản ứng của phía Mỹ. Vì cả hai miền đã bộc lộ bản chất là chỉ chú trọng vào nhóm 1, thậm chí nhân nhượng các vấn đề nhóm 2 (thậm chí Triều Tiên chấp nhận việc không yêu cầu Mỹ rút quân khỏi Hàn Quốc¹⁹), mà hoàn toàn không có những đóng góp kỹ thuật cụ thể (biểu hiện bằng một lộ trình phi hạt nhân từng bước hoặc tương tự trong Tuyên bố chung của Thượng đỉnh ngay lúc này) với các vấn đề nhóm 3 (không giống như những gì đã vận động hành lang rất mạnh trước đó). Một kịch bản hai miền Triều Tiên hợp tác hòa bình sẽ rất bất lợi cho phía Mỹ vì sẽ khiến cho nhu cầu đảm bảo an ninh của Hàn Quốc giảm đi, và quân Mỹ sẽ mất dần vị trí hiện diện hợp pháp trên bán đảo này. Trong khi đó, Nga và Trung Quốc sẽ càng có cơ sở gia tăng ảnh hưởng tại Đông Bắc Á qua các dự án hợp tác ba bên với cả hai miền Triều Tiên²⁰.

¹⁵ Amanda Macias (2018), “South Korea faces technical roadblock in any peace treaty with North Korea”, CNBC, <https://www.cnbc.com/2018/04/17/south-korea-faces-technical-roadblock-in-any-peace-treaty-with-north-korea.html>, truy cập ngày 05/08/2019

¹⁶ Daniel Bob (2018), “The Prime Minister, the President, and North Korea”, The Henry L. Stimson Center, <https://www.38north.org/2018/04/dbob042318/>, truy cập ngày 05/08/2019

¹⁷ “Moon Jae In vows to address Japanese abduction issue with Kim Jong Un”, Kyodo News, <https://english.kyodonews.net/news/2018/04/6efabdc6c1-8d-update1-abe-moon-confirm-cooperation-over-n-korea-before-inter-korea-summit.html>, truy cập ngày 06/08/2019

¹⁸ Anthony V Rinna (2018), “Can Russia and South Korea coerce cooperation on the Peninsula?”, East Asia Forum, <http://www.eastasiaforum.org/2018/04/27/can-russia-and-south-korea-coerce-cooperation-on-the-peninsula/>, truy cập ngày 06/08/2019

¹⁹ Euan McKirdy (2018), “North Korea drops withdrawal of US forces as condition of denuclearization, Moon says”, CNN, <https://edition.cnn.com/2018/04/19/asia/north-korea-us-forces-korean-peninsula-intl/index.html>, truy cập ngày 06/08/2019

²⁰ Thông Tấn xã Việt Nam (2018), “Nga sẵn sàng thúc đẩy các dự án ba bên với sự tham gia của Triều Tiên và Hàn Quốc”, Báo Tin Tức, <https://baotintuc.vn/the-gioi/nga-san-sang-thuc-day-cac-du-an-ba-ben-voi-su-tham-gia-cua-trieu-tien-va-han-quoc-20180410180056743.htm>, truy cập ngày 06/08/2019

3. Nâng tầm chiến lược “quốc tế hoá ý chí hai miền Triều Tiên” làm cốt lõi xuyên suốt các kỳ Thượng đỉnh liên Triều lần 4 (5/2018) và lần 5 (9/2018)

Các nỗ lực ngoại giao con thoi của Tổng thống Moon Jae-in nhận được sự hậu thuẫn của tất cả các bên liên quan trong vấn đề Triều Tiên. Khác với vị thế của Trung Quốc (nước thứ 3 trực tiếp có ký kết vào Hiệp định đình chiến Bàn Môn Điểm năm 1953, hiện đang có nhiều dấu hiệu phải thoả hiệp thực thi các biện pháp cấm vận Triều Tiên dưới áp lực xung đột thương mại leo thang từ phía Mỹ nên chỉ duy trì quan hệ mang tính kỹ thuật ở mức tối cần thiết và phụ thuộc vào sự chủ động ngoại giao từ phía Triều Tiên), Nhật Bản (quốc gia bị đặt ra bên lề của cả hai Hội nghị Thượng đỉnh Triều - Hàn và Mỹ - Triều vừa qua, mặc dù về kỹ thuật quá trình hoà giải trên bán đảo Triều Tiên có liên quan mật thiết đến sự tồn tại của các cơ sở gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc và căn cứ quân sự của Mỹ đặt ở Nhật Bản²¹) và ASEAN (vốn đóng vai trò trung lập với nhiều nỗ lực kêu gọi sự tham gia tích cực hơn của Triều Tiên vào tiến trình kinh tế khu vực nhưng chưa được Triều Tiên hồi đáp tương xứng), *Hàn Quốc hiện đang tích cực triển khai ngoại giao đa phương trên cơ sở “quốc tế hoá ý chí thống nhất Liên Triều” nhằm gây sức ép quốc tế tới đa lên tất cả các dư luận quan ngại hoặc cản trở cho tiến trình này.*

Chiến lược “quốc tế hoá ý chí” của Hàn Quốc được thể hiện song hành cùng với những biện pháp đối ứng của phía

Triều Tiên: (i) thông qua một loạt hoạt động chung hai miền trong các sự kiện văn hoá thể thao từ kỳ Thế vận hội Mùa Đông ở Hàn Quốc đến Kỳ Olympic Asiad ở Indonesia - một bước tiếp nối với sự tăng tiến đáng kể của chiến lược “ngoại giao văn hoá” mà hai miền đã từng thực hiện ở những thời điểm quyết định cho các nỗ lực hoà giải hai miền trong quá khứ, (ii) đẩy mạnh truyền thông quảng bá sự nghiêm túc trong các hoạt động kết nối liên Triều từ cả hai miền và (iii) triển khai các hoạt động giúp tăng cường nhận thức của các nước ở các cơ chế đa phương về “sự nghiêm túc tuyệt đối của hai miền” (như việc phái bộ hai miền cùng đề nghị Liên Hợp Quốc lưu hành Tuyên bố Panmunjom như văn kiện chính thức)²². Nỗ lực của Hàn Quốc được phía Triều Tiên hậu thuẫn cao độ, thể hiện không chỉ qua các hành động phối hợp song phương với phía Hàn mà còn bằng các hành động đơn phương nhất quán của phía Triều Tiên (như việc Hãng Thông tấn Trung ương KCNA ra Nghị quyết cấp quốc gia về Thống nhất đất nước ngày 15.8 nhấn mạnh ý chí chung của cả quốc gia, hay việc Triều Tiên không trình diễn các tên lửa hành trình có thể mang đầu đạn hạt nhân trong cuộc diễu binh mừng 70 năm Quốc Khánh của Triều Tiên vào 8.9 vừa qua²³, cũng như việc phía Triều Tiên nghiêm túc hoàn trả nhiều bộ hài cốt của

²¹ Jeffrey W. Hornung (2018), “Success with North Korea Still Needs Japan”, *The RAND Blog*, <https://www.rand.org/blog/2018/06/success-with-north-korea-still-needs-japan.html>, truy cập ngày 07/08/2019

²² Thông tấn xã Việt Nam (2018), “Đề nghị LHQ lưu hành Tuyên bố Panmunjom như văn kiện chính thức”, *Vietnam Plus*, <https://www.vietnamplus.vn/de-nghi-lhq-luu-hanh-tuyen-bo-panmunjom-nhu-van-kien-chinh-thuc/523485.vnp>, truy cập ngày 07/08/2019

²³ “Mỹ hoan nghênh Triều Tiên không phô diễn ICBM trong lễ diễu binh”, *Báo Quốc tế*, <http://baoquocte.vn/my-hoan-nghe-nh-trieu-tien-khong-pho-dien-icbm-trong-le-dieu-binh-77587.html>, truy cập ngày 08/08/2019

binh sĩ Mỹ trong cuộc chiến tranh Triều Tiên cho phía Mỹ (đánh trúng vào tâm lý tích cực của dư luận Mỹ như kinh nghiệm của việc giải quyết “hội chứng Việt Nam”). Từ cuối tháng 8.2018, dự án 38 độ Bắc của Mỹ cũng đang ghi nhận ngày càng ít các hoạt động của Triều Tiên ở các khu vực thử nghiệm hạt nhân cũ, và nhận định Triều Tiên đã chuyển sang đầu tư cho các hoạt động ở các bãi phóng vệ tinh lên vũ trụ (thực tế đây cũng là một vỏ bọc để duy trì kho tên lửa hành trình rất khéo léo của phía Triều, kết hợp với tương lai phát triển điện hạt nhân thì Triều Tiên nhiều khả năng vẫn được duy trì một lượng uranium vừa đủ - một nội dung quan trọng trong quá trình đàm phán về sau với Nhật Bản - cường quốc về điện hạt nhân và cũng là thành viên quan trọng của IAEA)²⁴.

Chiến lược “quốc tế hoá ý chí” này không chỉ xuất phát từ việc mong muốn nâng cao các yếu tố cảm tính (irrational factor) thể hiện tinh thần chung của dân tộc Triều Tiên ở cả hai miền, mà còn được hậu thuẫn bởi một nhân tố hoàn toàn lý tính (rational factor) chính là vực dậy “điểm kết nối”²⁵ của khu vực Đông Bắc Á với lục địa Á - Âu mà trọng tâm chính là tuyến đường sắt liên Triều giúp kết nối Hàn Quốc với cả Nga và Trung Quốc bằng đường bộ, cũng như tạo cho Nga một lựa chọn kết nối khác xuống Đông Á mà không phải phụ thuộc vào các tuyến

đường đi qua Trung Quốc²⁶. Việc thiết lập thành công tam giác hợp tác kinh tế Nga - Hàn - Triều đang được thúc đẩy²⁷ song hành với hành lang kinh tế từ phía Nga xuống Nhật Bản²⁸, dẫn đến kịch bản khả thi tạo nên tứ giác Nga - Hàn - Triều - Nhật như một kiến trúc trụ cột cho việc hình thành cộng đồng kinh tế khu vực²⁹ mà không có ảnh hưởng mang tính xung đột từ cả Mỹ và Trung Quốc. Nói cách khác, với các chính sách chuyển hướng đầu tư sang khu vực Đông Á của Nga, cả hai miền Triều Tiên đều có lợi ích thiết thực hơn trong việc “kinh tế hoá vấn đề chính trị của bán đảo”, thay thế cho các động lực hàn gắn trước đây đều chỉ vì các lý do chính trị đầy cảm tính mà dừng lại (do lợi nhuận kinh tế tuy rất lớn nhưng không có sự đảm bảo từ các nước bên ngoài) - trên thực tế đây cũng chính là nguyên lý cơ bản trong cách tiếp cận vấn đề Triều Tiên của Tổng thống D. Trump ở một góc nhìn khác.

Do đó chiến lược “quốc tế hoá ý chí” của Hàn Quốc khiến cho vấn đề “bán đảo Triều Tiên” lúc này có sự cộng

²⁴ Joseph S. Bermudez Jr., Frank V. Pabian - Jack Liu (2018), “Update on North Korea’s Sohae Satellite Launching Station”, *The Henry L. Stimson Center*, <https://www.38north.org/2018/08/sohae082218/>, truy cập ngày 08/08/2019

²⁵ 9-BRIDGE Strategy, *Presidential Committee on Northern Economic Cooperation*, http://www.bukbang.go.kr/bukbang_en/vision_policy/9-bridge/, truy cập ngày 08/08/2019

²⁶ Hồng Anh (2018), “Tuyến đường sắt liên Triều mở ra trang sử mới trên Bán đảo Triều Tiên?”, <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/tuyen-duong-sat-lien-trieu-mo-ra-trang-su-moi-tren-ban-dao-trieu-tien-801059.vov>, VOV, truy cập ngày 08/08/2019

²⁷ Hoàng Lê (2018), “Hàn Quốc muốn cơ chế hợp tác kinh tế 3 bên với Triều Tiên và Nga”, VOV, <https://vov.vn/the-gioi/han-quoc-muon-co-che-hop-tac-kinh-te-3-ben-voi-trieu-tien-va-nga-777141.vov>, truy cập ngày 08/08/2019

²⁸ Presidential Executive Office (2017), “Press statements following talks with Prime Minister of Japan Shinzo Abe”, *The Kremlin*, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/55555>, truy cập ngày 08/08/2019

²⁹ Minh Phương (2018), “Hàn Quốc muốn cùng Triều Tiên lập cộng đồng kinh tế kiểu EU”, *Dân Trí*, <https://dantri.com.vn/the-gioi/han-quoc-muon-cung-trieu-tien-lap-cong-dong-kinh-te-kieu-eu-2018081515100268.htm>, truy cập ngày 08/08/2019

hưởng của cả các nhân tố cảm tính và lý tính, khiến cho rủi ro của bất kỳ quốc gia nào muốn cản trở đều trở nên quá lớn. Điều này khiến cho cả Mỹ, Nhật Bản và cả Trung Quốc đều đang từng bước điều chỉnh lập trường của mình trên cơ sở chấp nhận vai trò trọng tâm của Hàn Quốc trong tiến trình bình thương hoá quan hệ Triều - Mỹ³⁰, cũng như tích cực hơn trong việc công nhận những nỗ lực của Triều Tiên³¹ và từng bước chủ động gia tăng kết nối với phía Triều³². Trong bối cảnh này, thì nhân tố Trung Quốc hoàn toàn giảm đi vai trò của mình ở bán đảo và đang phụ thuộc hoàn toàn vào sự chủ động ngoại giao từ phía Triều Tiên. Việc Chủ tịch Tập Cận Bình khước từ việc sang tham dự Lễ mừng Quốc khánh lần thứ 70 vừa rồi của Triều Tiên cũng cho thấy phía Trung Quốc hiện giờ đang chấp nhận giảm đi vai trò trong vấn đề Triều Tiên. Bản thân việc Triều Tiên có kế hoạch tiến hành Hội nghị Thượng đỉnh với Hàn Quốc lần thứ 3, Thượng đỉnh đầu tiên với Nhật Bản và sang thăm Nga

(khả năng cao không phải tham dự Diễn đàn Kinh tế Phương Đông tại Vladivostok từ 11 - 13/9 vì Tổng thống Hàn Quốc đã không tham dự lần này³³) chứng tỏ họ vẫn còn nhiều lựa chọn khác, và chiến lược đa phương hoá quan hệ ngoại giao sẽ từng bước hạn chế cơ hội gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Bình Nhưỡng.

Trên thực tế, ngoài Nga và Trung Quốc (là hai quốc gia có ảnh hưởng truyền thống đến Triều Tiên) nay đang gặp nhiều khó khăn khi can thiệp vào bán đảo này do nhân tố Mỹ, thì Nhật Bản lại nổi lên như một quốc gia có thể hậu thuẫn (một cách độc lập và công khai) tốt nhất cho phía Hàn Quốc khi: (i) Nhật Bản đang nỗ lực liên lạc với Triều Tiên để mong duy trì lợi ích an ninh giai đoạn hậu phi hạt nhân hoá bán đảo, (ii) Nhật Bản cũng được lợi về yếu tố kết nối khu vực khi tuyến đường sắt liên Triều được hình thành, đặc biệt là hậu thuẫn cho tiến trình gia tăng các dự án hợp tác năng lượng Nga - Nhật cũng như các lợi ích khác về an ninh truyền thống khi “điểm nóng” Triều Tiên nguội đi và (iii) Nhật Bản có đủ năng lực tài chính để hỗ trợ cho quá trình tái thiết Triều Tiên hội nhập khu vực như một thị trường mới, đồng thời cũng có (iv) đủ năng lực để cân bằng ảnh hưởng với Mỹ trong tiến trình mở cửa thị trường Triều Tiên về sau (bằng việc tăng cường mua vũ khí của Mỹ từ tháng 9/2018³⁴ mỗi khi Mỹ gây thêm áp

³⁰ Edward Howell (2018), “Why South Korea needs help reining in the North, despite the promise of a third summit between Moon Jae-in and Kim Jong-un”, SCMP,

<https://www.scmp.com/news/china/diplomacy/article/2161914/why-south-korea-needs-help-reining-north-despite-promise-third>, truy cập ngày 09/08/2019

³¹ Doha Madani (2018), “Trump Tweets ‘Thank You’ to Kim Jong Un After North Korean Military Parade”, The Huffington Post,

https://www.huffingtonpost.com/entry/donald-trump-north-korea-parade_us_5b958d01e4b0511db3e391e4, truy cập ngày 09/08/2019

³² John Hudson - Josh Dawsey (2018), “‘I remember Pearl Harbor’: Inside Trump’s hot-and-cold relationship with Japan’s prime minister”, The Washington Post, https://www.washingtonpost.com/world/national-security/i-remember-pearl-harbor-inside-trumps-hot-and-cold-relationship-with-japans-prime-minister/2018/08/28/d6117021-e310-40a4-b688-68fdf5ed2f38_story.html?noredirect=on, truy cập ngày 09/08/2019

³³ “PM to visit Russia’s Vladivostok for economic forum”, Yonhap News Agency, <http://english.yonhapnews.co.kr/news/2018/09/05/0200000000AEN20180905006300315.html>, truy cập ngày 09/08/2019

³⁴ Tim Kelly (2018), “Japan picks \$1.2 billion Lockheed radar for Aegis Ashore batteries”, Reuters, <https://www.reuters.com/article/us-northkorea-usa->

lực trong cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Nhật). Và cùng với Hàn Quốc, hiện Nhật Bản vẫn nằm trong hai cơ chế Mỹ - Nhật - Hàn và Trung - Nhật - Hàn có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thống nhất hành động quanh vấn đề Triều Tiên.

Thay lời kết

Như vậy, khác với cấu trúc mà chính phủ D. Trump mong muốn ở khu vực Đông Bắc Á, tình hình hiện giờ ở bán đảo Triều Tiên đang có xu hướng chuyển dịch trọng tâm điều phối vào vai trò chủ động của Hàn Quốc thời chính phủ Tổng thống Moon Jae-in. Từ sự phụ thuộc vào ảnh hưởng của trục Hàn - Nhật nhưng nghiêng về trọng tâm kết nối từ phía Trung Quốc, nay vấn đề Triều Tiên tuy vẫn giữ cùng sự liên kết của trục Hàn - Nhật nhưng nghiêng về trọng tâm kết nối từ phía Nga - cấu thành trật tự mới từng bước định hình một cục diện liên kết sâu rộng giữa Đông Bắc Á với lục địa Á - Âu. Đây được xem như kết quả từ sự kết hợp linh hoạt trong khung hành động chung của hai miền Triều Tiên với chiến lược “quảng bá quốc tế ý chí liên Triều” làm cốt lõi, chiến lược “kinh tế hoá lợi ích đa phương” làm định hướng và chiến lược “thế đã rồi” nhằm kiến tạo một “kỷ nguyên hoà bình” làm mục tiêu. Việc kết hợp linh hoạt cả ba chiến lược này và sự điều phối của chính phủ Hàn Quốc đã giúp cho tiến trình bình thường hoá quan hệ liên Triều đạt được nhiều tiến triển cụ thể qua ba lần Hội nghị Thượng đỉnh Hàn - Triều trong năm 2018./

japan-aegis/japan-picks-1-2-billion-lockheed-radar-for-aegis-ashore-batteries-idUSKBN1KK0AV, truy cập ngày 09/08/2019

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiroshi Minegishi (2018), “South Korea suffers from its alternating approach toward Japan”, *Nikkei Asian Review*, <https://asia.nikkei.com/Spotlight/Comment/South-Korea-suffers-from-its-alternating-approach-toward-Japan>
2. Colum Lynch (2018), “U.N. Report Details How North Korea Evades Sanctions”, *Foreign Policy*, <https://foreignpolicy.com/2018/09/20/un-report-details-how-north-korea-evades-sanctions/>
3. John Hudson - Josh Dawsey (2018), “‘I remember Pearl Harbor’: Inside Trump’s hot-and-cold relationship with Japan’s prime minister”, *The Washington Post*, https://www.washingtonpost.com/world/national-security/i-remember-pearl-harbor-inside-trumps-hot-and-cold-relationship-with-japans-prime-minister/2018/08/28/d6117021-e310-40a4-b688-68fdf5ed2f38_story.html?noredirect=on
4. Joseph S. Bermudez Jr., Frank V. Pabian - Jack Liu (2018), “Update on North Korea’s Sohae Satellite Launching Station”, *The Henry L. Stimson Center*, <https://www.38north.org/2018/08/sohae082218/>
5. Daniel Bob (2018), “The Prime Minister, the President, and North Korea”, *The Henry L. Stimson Center*, <https://www.38north.org/2018/04/dbob042318/>
6. Franz-Stefan Gady (2018), “US, South Korea Kick Off Annual Military Drill Without US ‘Strategic Assets’”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2018/04/us-south-korea-kick-off-annual-military-drill-without-us-strategic-assets/>
7. Nicholas D. Anderson (2018), “‘Bộ 3 nan giải’ của Mỹ trong vấn đề hạt nhân Triều Tiên”, *Nghiên cứu Biển Đông*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/6851-bo-3-nan-giai-cua-my-trong-van-de-hat-nhan-trieu-tien>

(Xem tiếp trang 10)

VÀI NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA PHẬT GIÁO THIỀN HÀN QUỐC VÀ VIỆT NAM: DỰA TRÊN TƯ TƯỞNG CỦA THIỀN SƯ CHINUL VÀ VUA TRẦN THÁI TÔNG

La Duy Tân*

Tóm tắt

Bài viết xem xét các khía cạnh về lịch sử, nhất là quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo Thiền ở hai nước Hàn Quốc và Việt Nam. Do những yếu tố lịch sử và hình thái xã hội trong thời gian du nhập mà Phật giáo dòng thiền ở hai nước có những khác biệt đặc thù. Để làm rõ những đặc thù đó, bài viết xem xét hệ tư tưởng - cách hai nhà tư tưởng Thiền lớn của Hàn Quốc - nhà sư Chinul và Việt Nam - vua Trần Nhân Tông thông qua các phân tích lịch sử và cốt lõi trong kinh điển để đời của hai nhà tư tưởng Thiền.

Từ khoá: Phật giáo Thiền Hàn Quốc, Phật giáo Thiền Việt Nam, Chinul, Trần Thái Tông, tư tưởng Phật giáo thiền

1. Khái quát về Phật giáo Thiền

1.1. Cốt lõi của thực hành Thiền trong Phật giáo

“Thiền (Zen) có thể được ví như một chiếc máy giặt”¹. Triết lý Phật giáo Thiền dựa trên sự rèn luyện tâm trí, không có bất kỳ sự phân biệt đối với nền tảng của người tu tập. Thiền loại bỏ sự hiểu

biết mang tính khái niệm - cách hiểu biết cơ bản phụ thuộc vào văn bản cổ điển, trong khi cung cấp các bài học sâu sắc về trau dồi tâm trí. Ngày nay, trong hiện thực thế giới nhiều sự phức tạp, nhiều người sở hữu các điều kiện vật chất bên ngoài đủ để được “hạnh phúc” vẫn đi tìm sự giải thoát tâm lý trong triết học và thực hành Thiền. “Với sự thực hành Thiền đúng đắn, con người trở nên rộng rãi hơn, không ích kỷ và tự nhiên có khuynh hướng sống hòa thuận với những người khác”². Khi mọi người hiểu và thực hành Thiền với hai nền tảng cơ bản của nó, ba điều sẽ xảy ra với họ. Đầu tiên, nếu đạt được trạng thái “không chiếm hữu” thực sự trong tâm trí, họ sẽ không so đo thiệt hơn vì biết rằng mọi thứ về bản chất là bình đẳng, mặc dù hình thức bên ngoài của vạn vật có thể khác nhau. Thứ hai, họ sẽ đánh giá cao giá trị và ý nghĩa của công việc họ đang làm. Biết giá trị và ý nghĩa của nó, mọi người sẽ tận hưởng công việc của họ, hết lòng vì nó. Thứ ba, những người hiểu về sự “vô vi” và “vô ngã”, sẽ trở nên độc lập và tự chủ. Không một ham muốn riêng tư hay bất kỳ cảm dỗ bên ngoài nào có thể làm họ phân khích; họ sống cuộc đời mình với sự tự tin và vì lợi ích cộng đồng (Great Master Gou 2010, 393-95).

*Trường Đại học Đà Lạt

¹ Great Master Gou, 2010. “The aim of Son practice”, *Ganhwa Illuminating the World Vol.1*, (paper presented at Dongguk University Academy of Buddhist Studies conference Ganhwa Illuminating the world, Seoul, 2010: p. 390

² Great Master Gou: 2010, 400.

1.2. Khái quát quá trình phát triển và du nhập của Phật giáo Thiền

Phật giáo đầu tiên được truyền bá vào Trung Quốc khoảng thế kỷ thứ nhất SCN. Ở giai đoạn đầu, Trung Quốc với nền tảng văn hóa và triết học của riêng mình - Nho giáo và Đạo giáo, khó chấp nhận Phật giáo một cách dễ dàng. Bằng cách tích hợp với Đạo giáo dựa trên sự tương đồng giữa hai hệ tư tưởng (thực hành Thiền gọi là “dhyana” tại Ấn Độ và các bài tập rèn tinh thần, thể chất của Đạo giáo Trung Quốc), Phật giáo chứng minh được những yếu tố mê hoặc đối với người thuộc tầng lớp thấp trong xã hội, tương tự như những thành quả mà nó đạt được ở nơi khởi nguồn. Thiền tông bấy giờ được biết đến là sản phẩm của tư tưởng Phật - Đạo, được định nghĩa là hệ thống các bài tập tinh thần và kỹ thuật “gây sốc trị liệu” (shock-therapeutic) (Shim 1999, 6-7). Mãi đến khoảng thế kỷ thứ VII, các nhà sư, học giả trí thức Trung Hoa mới hiểu được những điều “Tối cao” của giáo lý Đại thừa. Cùng với việc thành lập Thiền tông vào thế kỷ thứ VII, Phật giáo chia thành hai tông phái đối đầu nhau; nhánh phía Bắc dưới sự dẫn dắt của nhà sư Shen-hsui (mất năm 706) và phía Nam do nhà sư Hui-neng (638-713) dẫn đầu. Nhánh của nhà sư Shen-hsui không phổ biến, vẫn còn gắn liền với việc nghiên cứu kinh điển và hiểu biết mang tính khái niệm, trong khi nhánh do nhà sư Huineng (Huệ Năng) từ chối dứt khoát việc tu tập phụ thuộc vào kinh điển, chủ trương truyền bá chuẩn mực về “sự giác ngộ đột ngột” (sudden awakening). Tông phái này đánh dấu sự hình thành của Phật giáo Thiền Trung Quốc.

2. Phật giáo Thiền ở Việt Nam và Hàn Quốc

2.1. Phật giáo Thiền Hàn Quốc

Có ba yếu tố quan trọng thúc đẩy sự ra đời của Thiền tông tại Hàn Quốc. Thứ nhất là vai trò định hướng của Trung Quốc trên khía cạnh văn hóa, cùng hệ thống triết học Trung Hoa có ảnh hưởng lớn đến các quốc gia lân cận, đặc biệt là Hàn Quốc. Yếu tố thứ hai, thiền định - đặc điểm quan trọng nhất của thiền là yếu tố đưa người tu tập đến gần cảnh giới giác ngộ của Đức Phật. “Thiền” nghĩa là duy trì sự tĩnh tại của tâm trí, giúp người thực hành thoát khỏi những tư tưởng vụn vặt, đạt được tâm bình an, tránh xa những hành vi sai trái xấu xa; do đó, kéo con người đến gần trạng thái giác ngộ. Yếu tố thứ ba, không kém phần quan trọng, là việc thực hành du hành tín ngưỡng mang tính bắt buộc đối với các nhà sư. Đây là một phần của con đường dẫn tới giác ngộ vì các nhà sư đạt được kiến thức trong chuyến chu du tôn giáo của mình. Busswell nhấn mạnh hành hương để rèn luyện tư chất, phục vụ việc truyền giáo từ lâu đã là một phần không thể thiếu của Phật giáo từ giai đoạn đầu hình thành của tôn giáo này³. Bằng cách du hành đến đất Phật, trong đó có nhiều địa điểm tại Trung Quốc, các sư thời Silla có cơ hội tiếp xúc với Phật giáo Thiền tông Trung Quốc. Do đó, hành hương đến Ấn Độ và Trung Quốc đóng một vai trò quan trọng trong việc kết nối Phật giáo Hàn Quốc nền tảng văn hóa Phật giáo rộng lớn hơn (Robert E, Busswell, Jr, 2009, 1063). Ngoài ra, việc dịch chuyển (remapping) các địa điểm

³ Robert E, Busswell, Jr. 2009, “Presidential Address: Korean Buddhist Journeys to Lands Wordly and Otherwordly,” *Journal of Asian Studies* 68-4, p. 1055.

linh thiêng của Phật giáo về Bán đảo Triều Tiên cũng là một bằng chứng rõ ràng cho truyền thống Phật giáo này. Khi các địa điểm linh thiêng được địa phương hoá tại Bán đảo, các nhà sư dần ít có nhu cầu thực hiện các chuyến đi dài, nguy hiểm ra nước ngoài đến các địa điểm linh thiêng của Phật giáo. Bằng sự địa phương hoá (relocalization) này, Thiền tông Hàn Quốc dần tạo ra những đặc trưng bởi nỗ lực “đồng hóa” Phật giáo với những tư tưởng bản địa đã thống trị từ trước như Shamanism (Shaman giáo) và các tín ngưỡng dân gian khác. Các nhà sư Hàn Quốc, nhờ đó, được tự do soạn thảo văn tự hành hương liên quan đến địa danh Phật giáo thiêng liêng tại chính quê hương mình.

Sự du nhập và phát triển lớn mạnh của Phật giáo tại Hàn Quốc còn nhờ vào sự bảo hộ của dòng họ Kim thời Silla ở thời đại kế tiếp. Vào thời đó, trong dòng phát triển của Phật giáo, từ lâu đã là nền tảng tư tưởng của xã hội thời Tam Quốc, xuất hiện các trường phái Đại thừa, tập trung vào Vinaya, Yogacara, v.v., đóng một vai trò quan trọng trong xã hội thống nhất về sau (Ko Ik-Chin 1991, 169). Trước khi Thiền Tông du nhập vào Hàn Quốc, Phật giáo Hàn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tông phái Hwa-om (Hoa Nghiêm). Hwa-om coi trọng việc tu dưỡng dựa trên kinh viện, xa lạ với tầng lớp bình dân (Ko Ik-chin. 1991, tr.172); trong khi đó, Thiền Tông hứa hẹn cách tiếp cận mới mẻ, phù hợp hơn cho nhiều tầng lớp trong xã hội. Thiền và Hwa-om ở một khía cạnh nào đó có cách tiếp cận Phật pháp khác nhau, nhưng lại không loại trừ nhau. Có thể nói, Phật giáo của Silla thời hậu kì và sơ kì Koryo được đặc trưng bằng sự cộng sinh của hai tôn giáo này, và cũng tạo nên sự

độc đáo của Phật giáo tại Hàn Quốc so với các quốc gia khác.

Như vậy Thiền Tông Hàn quốc tuân theo những cốt lõi nào? Các nhánh Phật giáo Thiền của Hàn Quốc hầu như đều đi theo triết lý của phái Nam Tông; tại đó, các nền tảng giáo lý và thoát ly trần thế trên con đường Phật pháp có liên quan mật thiết với đệ tử của nhà sư Huineng được du nhập vào Bán đảo Triều Tiên. Các đặc điểm chính có thể được gọi tên như “sự giác ngộ đột ngột” (sudden enlightenment), “phương thức truyền tải tách biệt vượt ngoài phạm vi kinh điển”, “một ngày không tu tập là một ngày không có thức ăn”, và hơn hết là triết lý “tâm ta là Phật” (mind is Buddha).⁴

Phật giáo Hàn Quốc đánh dấu bước phát triển mới về hệ thống tư tưởng từ nhà sư uyên bác Chinul (1158-1210). Ông là người có công phát triển Thiền Tông Hàn Quốc, là nhân vật có sức ảnh hưởng đến sự phát triển của Thiền tông cả về sau này. Sau khi được bản địa hoá, nhận được sự bảo trợ của triều đình, Phật giáo dần khẳng định vai trò chi phối về chính trị, kinh tế và tư tưởng, cụ thể là vào thời kì Koryo (937-1392). Phật giáo đóng vai trò là lá chắn bảo vệ cho sự tồn vong của vương triều trước sự xâm lược của ngoại bang, thảm hoạ thiên nhiên, và hàn gắn các rạn nứt xã hội từ thời kì xã hội trước. Mối quan hệ cộng sinh giữa Phật giáo và triều đình là sự minh chứng về sự phổ biến của nó vào thời kì đó (Buswell 1983, 2). Tuy nhiên, đến giai đoạn trung kì Koryo, chùa chiền trở thành trung tâm thương mại ở các vùng nông thôn, sa lầy vào các hoạt động thế tục, quyền uy; Phật

⁴ Robert E. Buswell, Jr. 2009, 1056

giáo trở thành công cụ lợi dụng để trục lợi cá nhân và chính trị. Đây là giai đoạn xã hội đề thiên sư Chinul phổ biến những triết lý tu đạo của mình. Sự bất tín của ông đối với tình hình xã hội hiện tại là động cơ khiến ông muốn cải cách hệ thống tu tưởng Phật giáo tại Bán đảo Triều Tiên.

2.2. Phật giáo Thiền Việt Nam

Việt Nam là quốc gia nằm ở Đông Nam Á, láng giềng với Trung Quốc về phía nam. Trong lịch sử bốn ngàn năm dựng và giữ nước của mình, Việt Nam trải qua một ngàn năm dưới ảnh hưởng của Trung Quốc. Nhiều nghiên cứu kết luận Phật giáo Việt Nam là sự kế thừa của Phái Nam Tông Trung Quốc. Thiền được du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ mười; tuy có nhiều người tu tập nhưng ở giai đoạn đầu vẫn chưa có trường phái và người sáng lập tư tưởng cụ thể mãi cho đến khi vua Trần Thái Tông biên tập *Khoá Hư Lục* (課虛錄). Khi nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, các học giả hiện đại thường dựa vào ghi chép trong bộ *Thuyền Uyển Tập* (禪苑集) như nguồn tham khảo cơ bản về lịch sử và triết học của Phật giáo Việt Nam. *Thuyền Uyển Tập* là tác phẩm sâu sắc được một tác giả sống ở thời nhà Trần (1225-1400) biên soạn theo phong cách của bộ *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục* (景德傳燈錄) Trung Quốc. Tuyển tập này ghi chép thông tin về các tông phái và tiểu sử của các thiền sư nổi tiếng Việt Nam kéo dài từ thời nhà Đường (618-907), Tống (960-1279) cho đến thời kỳ Trần - Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009) và Lý (1010-1225).

Theo ghi chép của *Thuyền Uyển Tập*, dòng Phật giáo chiếm ưu thế trong thế kỷ thứ X là “Phật giáo mới” được du nhập trực tiếp từ Trung Quốc, mang bản

sắc khác với dòng Phật giáo vốn có trước đó, được gọi là “Phật giáo cổ”. “Phật giáo cổ”, ở đây, được hiểu là dòng Phật giáo du nhập từ Ấn Độ thông qua các nước Đông Nam Á. Theo *Thuyền Uyển Tập*, Phật giáo Việt Nam được chia thành hai nhánh khác nhau. “Phật giáo mới” được du nhập và địa phương hoá tại Việt Nam cho đến khi giành được độc lập chính trị từ Trung Quốc vào thế kỷ thứ X. “Phật giáo mới” phân biệt và khác với “Phật giáo cũ” ở chỗ “Phật giáo cũ” dường như “chưa bao giờ vượt khỏi thế giới quan vật linh”.⁵ “Phật giáo mới” du nhập vào Việt Nam và phát triển mạnh ở thế kỷ thứ X là dòng Thiền Tông. Đến thế kỷ thứ XIII, có ba trường phái Thiền tông được ghi nhận tại Việt Nam: Vinitaruci, Vô Ngôn Thông, và Thảo Dương (Nguyễn Tú Cường 1997, 21). Bộ *Việt Điện U Linh Tập* (tập hợp những mẫu chuyện về linh hồn ở đất Việt) ghi chép chuyện nhà sư Chí Thanh đến cư ngụ tại chùa Kiến S làng Phù Đổng. Ông dựng một ngôi đền thờ cúng một vị thần ở bên phải cổng chùa. Ngôi đền cũng được sử dụng làm nơi để các nhà sư ngồi thiền và tụng kinh. Điều này cho thấy thực hành thiền đã trở nên phổ biến và đóng vai trò quan trọng trong việc tu tập của các nhà sư Việt Nam thời trung cổ.

Trong số các nhà sư Thiền tông, Trần Thái Tông (1218-1277), vị vua đầu tiên nhà Trần (1225-1400) là một trong những nhà tư tưởng nổi bật của Thiền tông Việt Nam. Vào thời điểm đó, cùng với sự hưng thịnh của Phật giáo tại Việt Nam, văn hóa và văn học cổ điển Trung

⁵ Nguyen Tu Cuong, 1997, *Zen in Medieval Vietnam*, University of Hawaii, pp. 13-14

Quốc trở nên phổ biến nhưng chỉ giới hạn ở tầng lớp tinh hoa của xã hội. Triều đình và các tầng lớp quý tộc là tầng lớp tiếp cận và nắm vững kinh điển Trung Hoa. Do đó, họ đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Phật giáo tại Việt Nam. Phật giáo Hàn Quốc có sự cộng sinh mật thiết giữa quyền lực chính trị Phật giáo và quyền uy của hoàng tộc, trong đó nhà vua đóng vai trung gian giữa cõi tâm linh và thế giới thế tục. Ngược lại, hầu hết các vị vua Trần sống một cuộc đời thế tục xuyên suốt sự nghiệp của họ. Chỉ sau khi thoái vị để trở thành “hoàng đế ẩn cư”, họ mới lui về núi Yên Tử để thực hành Phật giáo và trở thành lãnh đạo tinh thần của người dân (Nguyen Tu Cuong 1997, 20). Tiếp nối truyền thống đó, Trúc Lâm Yên Tử (竹林安子) là trường phái Thiền Tông được sáng lập bởi vua Trần Nhân Tông (陳仁宗; 1258-1308), vị vua thứ ba thời nhà Trần.

Phật giáo Thiền Việt Nam là sự tiếp nối của Nam Thiền Tông Trung Quốc. Tuy nhiên, nó lại không phát triển thành một trường phái độc lập như ở các quốc gia láng giềng trong cùng nền văn hoá Hán văn - Nhật Bản hoặc Hàn Quốc. Thiền Tông Việt Nam, mặt khác, lại trở thành một yếu tố trong nền Phật học mang tính tổng hợp. Phật giáo Việt Nam cho thấy sự pha trộn linh hoạt giữa các nguyên tắc và triết lý hỗn hợp của Thiền tông của Đại thừa, Phật giáo Tiểu Thừa, tín ngưỡng dân gian và thậm chí cả Nho giáo, v.v. Ở Việt Nam dễ dàng thấy các ngôi chùa xây dựng theo kiến trúc chùa của Phật giáo Tiểu Thừa, ở đó giới tăng ni mặc Phật phục màu vàng nhưng lại tu tập theo các nguyên tắc và thực hành là của Phật giáo Đại Thừa. Một điểm đáng chú ý khác là tượng Phật không phải là tượng duy nhất

được thờ trong chùa. Tượng của Ngài còn được đặt giữa tượng Khổng Tử (Nho giáo) và Lão Tử (Đạo giáo). Một số các tượng mang yếu tố vật linh cũng được tìm thấy ở nhiều chùa Việt Nam khiến Phật giáo Việt Nam mang dáng dấp gần với một tôn giáo đa thần.

3. Vài đặc trưng của Thiền Tông Việt Nam và Hàn Quốc

Do có cùng khởi nguồn là Thiền tông Trung Quốc, Phật giáo Thiền Việt Nam và Hàn Quốc chia sẻ nhiều nét tương đồng khi xem xét tư tưởng của thiền sư Chinul và vua Trần Thái Tông. Ta có thể kể đến cốt lõi triết lý như “tâm” (mind), “giác ngộ đột ngột” (sudden awakening), “tu dưỡng dần dần” (gradual cultivation), v.v. .

Khác với Hàn Quốc, việc truyền tải Thiền tông tại Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với tầng lớp tinh hoa trong xã hội thời bấy giờ. Hầu hết các thiền sư là thành viên của gia đình ưu tú hoặc hoàng tộc, các tác phẩm của họ chủ yếu liên quan đến dịch thuật kinh điển, thuyết giảng và phổ biến Phật pháp trên khắp đất nước. Tuy nhiên, Thiền tông Việt Nam trước thời vua Trần Thái Tông vẫn chưa được hệ thống về mặt triết lý, tư tưởng và không thể phủ nhận vẫn còn là một phần của Nam Thiền Tông Trung Quốc. Tác phẩm của các thiền sư được ghi chép bằng bài thơ, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của Phật giáo, cũng như cách suy nghĩ của về đất Phật hay bài giảng Phật Pháp.

Trong giai đoạn chiến tranh, Phật giáo Việt Nam đã đóng góp vào tinh thần chống sự xâm lược từ phương bắc. Một trong những bài thơ yêu nước, đồng thời là tuyên ngôn độc lập đầu tiên của Việt Nam phổ biến nhất được biết đến từ thời

Lý (1010-1225) được cho là do một nhà sư biên soạn để cổ vũ cho sức mạnh của quân Việt Nam, mặc dù bài thơ được ghi nhận là sáng tác của Lý Thường Kiệt (Nguyễn Tu Cuong. 1997, 18):

*Nam quốc sơn hà nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Trước sự ra đời của *Khoá Hư Lục*, Thiền tông ở Việt Nam vẫn chưa tìm được sắc riêng của nó, cũng như định hướng được phương hướng phát triển riêng của nó và chưa thoát khỏi những yếu tố siêu hình vật linh. *Khoá Hư Lục* do vua Trần Thái Tông biên soạn là tập hợp có hệ thống đầu tiên của tác phẩm về Phật giáo tại Việt Nam. Tư tưởng của ông phản ánh trong tác phẩm đánh dấu một kỉ nguyên phát triển mới của Thiền Tông tại Việt Nam. Cuốn sách còn là kết tinh của mười thế kỷ về sự hiện diện của Phật giáo và sự phát triển Phật giáo trong khoảng thời gian đó. Tư tưởng cốt lõi mà Trần Thái Tông phản ánh trong cuốn sách đưa Phật giáo Thiền của Việt nam tiến gần hơn với giá trị cốt lõi của Thiền tông ở khu vực.

Trần Thái Tông không phủ định giáo lý của phái Tịnh Độ mà thể hiện lại theo quan điểm triết học của chính mình. Nhà vua tiếp nhận giáo lý Tịnh Độ về phương pháp khấn nguyện tên Phật A Di Đà như một phương thức chống lại lý thuyết phân biệt chúng sinh thành những người có năng lực tu tập và những người có cơ duyên thấp kém hơn. Trần Thái Tông giảng: “Những người có năng lực thấp kém, siêng năng cầu khẩn danh Phật bằng miệng, tâm trí họ khao khát được nhìn thấy Đức Phật, thân xác họ nguyện được tái sinh ở cõi Phật. Ngày

đêm họ tu tập không chút nhác lười. Sau khi chết, bằng những nghiệp lực tốt, họ được tái sinh về đất Phật để nhận được sự dẫn đường về Phật thực sự của chư Phật. Cuối cùng họ sẽ đạt được giác ngộ và công thành chính quả (Nguyễn Tú Cường 2003, 115). Là một vị thiền sư phái Thiền tông Việt Nam, Trần Thái Tông dành nhiều thời trên núi Yên Tử để nghiên cứu và thực hành Phật Pháp, coi mình là lãnh đạo tôn giáo hơn là một nhà lãnh đạo về chính trị. Mặc dù vậy, mối quan hệ cộng sinh giữa nhà nước và chùa chiền lại là một đặc điểm tiêu biểu thể hiện tính “thực tiễn” của nó thông qua bài học vào thời Trần: “Cởi áo cà sa, mặc vào chiến giáp”. Đây là một khía cạnh hoàn toàn xa lạ đối với Thiền Tông thế ngoại, vốn khá thờ ơ với thực tại cuộc sống do thiền sư Chinul xây dựng tại Hàn Quốc.

Trong bộ *Định Tuệ Kiết Xã Văn* (정혜결사문定慧結社文), Chinul nhấn mạnh mục đích thực hành các Phật giáo cơ bản, chống lại các quan niệm sai lầm của phái Hwa-om. Để trau dồi phương pháp tu tập đúng đắn, Chinul hướng dẫn các môn đồ của mình các quy tắc đúng đắn trong tông phái của ông. Không giống như Trần Thái Tông - vốn có cái nhìn bao dung hơn với triết lý và thực hành của phái Tịnh Độ, Chinul kịch liệt từ chối cách hiểu và diễn giải sai lầm dẫn đến tu tập không đúng đắn của phái Tịnh Độ. Vị thiền sư còn khuyến khích học trò của mình “sống ẩn dật trong rừng núi sâu xa” (Buswell, 1983, 21).

Trong các tác phẩm của Chinul, người ta không thấy vị thiền sư nhấn mạnh đến vai trò và chức năng triết học của sự ăn năn mặc dù lễ lạy 108 lần trong Thiền Tông được cho là để sám hối. Trong khi ở

Khoá Hư Lục, Trần Thái Tông tuyên bố sám hối về thể xác và tinh thần đóng vai trò quan trọng trong con đường tu tập Phật Pháp. Nhà vua đặc biệt quan tâm đến thực trạng suy đồi của Pháp (Dharma) dẫn đến các căn nguyên tội lỗi của chúng sinh.

Khi soi xét triết lý của Chinul, ta cũng không bắt gặp các diễn giải của ông về “nhân quả” (karmar) - khái niệm chỉ mối liên hệ không ngừng giữa quá khứ - hiện tại - tương lai như một vòng xoay của vạn vật vũ trụ. Mặt khác, Chinul khuyến khích chúng sinh thực hành thiền vì ai cũng có tiềm năng trở thành Phật. Bởi ông tin, “tâm ta là tâm Phật” (my mind is Buddha mind) và bản chất tự nhiên của con người vốn không khác với tính Phật về bản chất. Khác với Chinul, Trần Thái Tông cho rằng chính ác nghiệp tạo ra bởi sáu giác quan đã trở thành phiền não bao trùm tâm thanh tịnh nguyên thủy của con người. Cho nên, sám hối là phương tiện để tịnh hóa những phiền não và gia hộ người tu tập khỏi “đánh mất tâm trí nguyên thủy” của họ (Nguyễn Tử Cường, 2003, 121-22).

KẾT LUẬN

Một trong những đặc điểm dễ thấy nhất của Thiền tông tại Việt Nam là tính linh hoạt của nó khi được du nhập và địa phương hoá vào “Phật giáo cổ” vốn có trước đó tại Việt Nam. Ngoại trừ việc tu tập thuần về Thiền ở Thiền Viện Yên Tử thì thực hành thiền cũng trở thành một phần không thể thiếu đối với tu tập Phật giáo tại Việt Nam. Mặc dù tính phổ biến của Thiền trong Phật giáo Việt Nam, Thiền Tông không hội đủ yếu tố để trở thành một tông phái riêng biệt như Thiền Tông tại Hàn Quốc. Có thể thấy Thiền

Tông Việt Nam mang đặc điểm thể tục nhiều hơn Thiền Tông Hàn Quốc. Tính nhập thế của Thiền Tông Việt Nam chủ yếu xuất phát từ sự tham gia của nhiều thành viên hoàng tộc sau khi buông bỏ cuộc sống thế tục của mình. Những nét đặc thù về cách tiếp cận Phật giáo Thiền tại Việt Nam và Hàn Quốc quả thật được phản ánh sâu sắc trong triết lý được thiền sư Chinul và Trần Nhân Tông biên soạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Buswell. Robert E, Jr.** 1983, *The Korean Approach to Zen: Collected Works of Chinul*, University of Hawaii Press.
2. **Ko Ik-Chin.** 1991, “Introduction of Ch’an in the later Silla”, *In assimilation of Buddhism in Korea*, edited by Lewis R. Lancaster and C.S Yu. Barkerley, California: Asian Humanities Press,
3. **Henrik H. Sorensen**, “Son Buddhism in Korea during the Unified Silla Dynasty (c. 700- 935)”, *The Ancient Korean Kingdom of Silla: Political Development and Religious Ideology*, Academy of Korean Studies, Gyeonggi, Korea.
4. **Nguyen Tu Cuong**, “Sudden Enlightenment and Southern Chan in Medieval Vietnam”, *Enlightenment and Its Cultural Aspects in the Modern Perspective*, 2003
5. -----, 1997, *Zen in Medieval Vietnam*, University of Hawaii.
6. **Great Master Gou.** 2010, “The aim of Son practice”, *Ganhwa Illuminating the World Vol.1*, (paper presented at Dongguk University Academy of Buddhist Studies conference Ganhwa Illuminating the world, Seoul, Korea.
7. **Shim, Jae-Ryong**, 1999, *Korean Buddhism: Tradition and Transformation*. Jinmoondang Publishing Company, Korea.

(Xem tiếp trang 41)

LỜI CHÀO THƯỜNG NHẬT TRONG TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Hồng Hạnh*

Tóm tắt

Qua tìm hiểu về các công trình nghiên cứu khoa học tại Việt Nam và Hàn Quốc, có khá nhiều đề tài nghiên cứu về lời chào của Hàn Quốc và các nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Anh Quốc... Tuy nhiên, việc nghiên cứu về lời chào trong cuộc sống thường nhật của người Hàn và người Việt chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức. Bài viết tập trung so sánh lời chào trong cuộc sống thường nhật của hai ngôn ngữ này nhằm tạo hứng thú học tập cho người Việt học tiếng Hàn và người Hàn học tiếng Việt; giúp cho người học đạt hiệu quả trong giao tiếp.

Từ khóa: Lời chào tiếng Hàn, lời chào tiếng Việt, cuộc sống thường nhật

1. Dẫn nhập

Người Việt và người Hàn rất xem trọng việc chào hỏi: “lời chào cao hơn mâm cỗ”,: “인사가 인생을 좌우한다” (Chào hỏi xoay chuyển cuộc đời). Trong xã hội hiện đại, đôi khi vì quá bận rộn mà nhiều người quên đi tầm quan trọng của việc chào hỏi khiến cho các mối quan hệ trở nên xa cách, hoặc xấu đi. Bài viết tìm hiểu trên phương diện ngôn ngữ và văn hóa của

lời chào nhằm giúp người Hàn và người Việt hiểu nhau một cách sâu sắc hơn và giao tiếp đạt hiệu quả, góp phần gìn giữ những nét đẹp trong ngôn ngữ, văn hóa Hàn và Việt.

2. So sánh lời chào của tiếng Hàn và tiếng Việt trong cuộc sống thường nhật

Bài viết tập trung vào hai phạm trù cơ bản nhất gồm lời chào khi gặp nhau và khi chia tay của người Hàn và người Việt với các tình huống khác nhau.

2.1. Lời chào khi gặp nhau

Thông thường, người Hàn khi gặp nhau, không phân biệt sáng trưa chiều tối, đều có thể chào bằng câu “안녕하십니까?/안녕하세요?” (Xin chào) và đáp lại là “네/예,안녕하십니까?/안녕하세요?” (Vâng, xin chào). Tương tự như thế, Việt Nam cũng có cách chào điển hình “Cháu chào ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/thím/thầy/cô/anh/chị ạ” và đáp lại là “Chào cháu/chào con/chào em”. Tùy thuộc vào mối quan hệ thân sơ hay quan hệ vị thế giữa những người tham gia giao tiếp mà có sự phân ngôi rõ ràng. Người Việt sử dụng tình thái từ “ạ” vào cuối câu chào để tăng thêm sự kính trọng. Đặc biệt trong tiếng Hàn, có cách chào giống nhau khi gặp cũng như khi chia tay giữa những người ngang hàng là “안녕”. Tùy vào thời điểm mà có những cách chào khác.

*Trường Đại học Đà Lạt

2.1.1. Lời chào buổi sáng

Ví dụ	Tiếng Hàn (K)	Tiếng Việt (V)
(1)	가: 안녕히 주무셨습니까?/ 안녕히 주무셨어요? (Ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/thím/thầy/cô/anh/chị ngủ ngon không ạ?) 나: 응, 잘 잤어./ 네/예, 잘 잤습니다. (Ừ, ngủ ngon./ Vâng, tôi ngủ ngon.)	A: Ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/thím/thầy/cô/anh/ chị ngủ ngon không/ngủ được không ạ? B: Ừ, ngủ ngon lắm/ngủ được.
(2)	가: 좋은 아침입니다. (Chúc buổi sáng tốt lành.) 나: 네/예, 좋은 아침입니다. (Chúc buổi sáng tốt lành.)	A: Chúc anh buổi sáng tốt lành. B: Chúc anh buổi sáng tốt lành.
(3)		A: Chào cháu/con/em. B: Cháu/con/em chào ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/ thím/thầy/cô/anh/chị.

Ví dụ (1) được dùng với người lớn trong gia đình hoặc họ hàng thân tộc của cả ngôn ngữ Hàn và Việt. Câu này cũng được dùng để vấn an sớm trước bữa ăn sáng. Việc ứng đáp đối với những câu chào hỏi như thế này chủ yếu là tiếp nhận như một

hình thức hỏi thăm. Ví dụ (2) của tiếng Hàn và tiếng Việt đều là cách chào có ảnh hưởng của tiếng Anh, kiểu phương Tây. Ví dụ V(3) là cách chào chủ động của người lớn tuổi đối với người nhỏ tuổi. Tuy nhiên, trường hợp này không phổ biến.

2.1.2. Lời chào buổi trưa

Ví dụ	Tiếng Hàn (K)	Tiếng Việt (V)
(1)	가: 점심 잡수셨습니까?/ 점심 드셨어요?/ 식사하셨어요? (Anh/chị ăn cơm trưa chưa?) 나: 네, 먹었습니다./ 먹었어요./ 먹었어. (Vâng, tôi ăn rồi/ Ăn rồi.)	A: Ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/thím/thầy/cô/anh/ chị ăn trưa chưa ạ? B: Ừ, ăn rồi.
(2)	가: 점심 먹었어? (Ăn cơm trưa chưa?) 나: 네, 먹었습니다./ 먹었어요. (Vâng em/con/cháu ăn rồi.)	A: Ăn cơm chưa? B: Dạ, con/cháu/em ăn rồi ạ.

Trong ví dụ (1) là cách chào vào thời gian ăn trưa, thể hiện sự quan tâm khi gặp nhau. Đối với người lớn tuổi, vị thế cao hơn thì sử dụng “점심 잡수셨습니까?”, “점심 드셨어요?”, ngược lại với người nhỏ tuổi hơn, vị thế thấp hơn thì sử dụng “점심 먹었어?”. Ví dụ (2) là cách chào của người lớn chủ động chào người nhỏ trước.

Trong tiếng Hàn, sử dụng hình thức đuôi câu trang trọng, lịch sự và kính ngữ để phân biệt mức độ trang trọng, tôn kính. Trong tiếng Việt, sử dụng cách thêm tình thái từ “ạ” vào biểu thức chào để thể hiện sự kính trọng của mình đối với người lớn tuổi hơn.

2.1.3. Lời chào buổi tối

Ví dụ	Tiếng Hàn (K)	Tiếng Việt (V)
(1)	가: 안녕히 주무십시오. (Chúc ngủ ngon.) 나: 네, 안녕히 주무십시오. (Vâng, chúc ngủ ngon)	A: Chúc anh/chị ngủ ngon. B: Chúc anh/chị ngủ ngon.
(2)	가: 안녕히 주무십시오. (Chúc ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/thím/thầy/cô/anh/chị ngủ ngon ạ.) 나: 잘 자. (Ngủ ngon.)	A: Chúc ông/bà/chú/bác/cô/dì/cậu/mợ/thím/thầy/cô/anh/chị ngủ ngon ạ. B: Chúc cháu/con/em ngủ ngon.
(3)	가: 평안한 밤 보내세요. (Chúc một đêm bình an.) 나: 네, 평안한 밤 보내세요. (Chúc một đêm bình an.)	A: Chúc anh/chị một đêm ngon giấc/bình an. B: Vâng, chúc anh/chị ngủ ngon.

Trong tiếng Hàn và tiếng Việt có cách chào hỏi buổi tối khá giống nhau. Ví dụ K(1) và V(1) là cách chào lịch sự, trang trọng. K(2), V(2) là kiểu chào chủ động của người nhỏ tuổi, vị thế thấp hơn đối với

người lớn tuổi, vị thế cao hơn và đáp lại cũng tương tự cách chào. Ví dụ K(3), V(3) tương đương nhau, là kiểu chào trang trọng, dành cho những người có quan hệ ngang hàng hoặc quan hệ xã giao.

2.2. Lời chào khi chia tay, tạm biệt

2.2.1. Người ở lại

Ví dụ	Tiếng Hàn (K)	Tiếng Việt (V)
(1)	안녕히 가십시오./안녕히 가세요. (Chúc anh đi bình an.)	Chúc anh thượng lộ bình an./ Chúc anh lên đường bình an nhé./ Chúc anh đi bình an nhé.
(2)	내일 뵙겠습니다. (Hẹn ngày mai gặp lại anh.)	Anh đi ạ./ Chào anh ạ.
(3)	조심해서 가세요./ 조심해서 들어가세요. (Anh đi cẩn thận nhé.)	Anh đi cẩn thận nhé.
(4)	잘 가세요. (Chúc anh đi mạnh giỏi.)	Chúc anh đi mạnh giỏi.
(5)	수고하셨습니다./수고하십시오. (Anh làm rất tốt./ Anh vất vả rồi ạ.)	Anh giữ gìn sức khỏe nhé.
(6)	조심해서 가./ 잘가./다음에 보자./나중에 보자. (Đi cẩn thận nhé./ Đi mạnh giỏi./ Gặp lại sau.)	Đi cẩn thận nhé./ Đi mạnh giỏi./ Gặp lại sau.

K(1) là cách chào thông thường khi chia tay của người Hàn Quốc, kiểu chào tôn kính được sử dụng trong gia đình hoặc quan hệ xã giao. K(2) là cách chào tôn kính đối với cấp trên ở nơi làm việc nếu chắc chắn ngày mai gặp lại. K(3), K(4) là cách chào thể hiện sự quan tâm, nhắc nhở đối phương đi trên đường phải cẩn thận với giao thông hoặc người xấu, ngày nay, cách chào này đã được điển hình hóa. Đặc biệt, K(5) là trường hợp chào đặc trưng của người Hàn, nhưng chỉ được sử dụng đối với người ngang hàng hoặc cấp dưới, tuyệt đối không được dùng với cấp trên. Vì “수고” (thụ khổ) có nghĩa là “nhận lấy

nỗi khổ đau”, chứa đựng ý nghĩa tiêu cực, gây cảm giác không thoải mái. K(6) tương tự ý nghĩa với K(3) tương tự ý nghĩa với K(1). Tuy nhiên, K(1), K(3) là dạng kính ngữ, K(6) là chào trống không.

Trong tiếng Việt, V(1), V(4), V(5) là lời chào tạm biệt phổ biến khi chia tay người đi xa, thể hiện sự cầu mong cho người đi được mạnh khỏe, bình an. V(2) là cách chào xã giao hoặc chào ngắn gọn tiễn khách đến chơi nhà hoặc khách hàng đến giao dịch. V(3) là cách chào thể hiện sự quan tâm, V(6) là cách chào trống không, dành cho những người ngang hàng hoặc nhỏ tuổi hơn, vị thế thấp hơn.

2.2.2. Người đi

Ví dụ	Tiếng Hàn (K)	Tiếng Việt (V)
(1)	안녕히 계십시오./안녕히 계세요. (Chúc anh ở lại bình an.)	Anh ở lại mạnh giỏi nhé.
(2)	내일 뵙겠습니다. (Hẹn gặp lại anh ngày mai.)	Anh giữ gìn sức khỏe nhé.
(3)	먼저 가겠습니다. (Tôi đi trước nhé.)	Anh đi trước nhé.
(4)	먼저 실례하겠습니다. (Tôi xin phép đi trước.)	Em/con/cháu xin phép đi trước ạ.
(5)	그럼 이만 가보겠습니다. (Vây tạm biệt nhé, bây giờ tôi đi đây.)	Giờ anh đi đây.
(6)	내일 봐./다음에 보자./ 나중에 보자./가 볼게요./먼저 갈게 (Mai gặp./ Gặp sau./ Đi trước đây.)	Mai gặp nhé./ Gặp nhau sau./ Đi trước đây.

K(1) là cách chào điển hình và thông dụng nhất trong tiếng Hàn dành cho người đi chào người ở lại, nếu cả hai người cùng đi thì cùng chào là “안녕히 가십시오/안녕히 가세요”. K(2) là cách chào dùng cho cả người đi và người ở. K(3), K(4) là cách chào được sử dụng khi có việc bận phải đi trước người khác. K(5) cũng tương tự ý nghĩa K(3), K(4) nhưng mang hình thức khẩu ngữ rõ ràng hơn vì có từ “그럼”. K(6), cũng tương tự ý nghĩa với K(2), K(3),

K(4), K(5) nhưng là kiểu nói trống không, chỉ dành cho người lớn tuổi, cấp bậc cao hơn chào người nhỏ tuổi cấp bậc thấp hơn hoặc quan hệ ngang hàng, bạn bè.

Trong tiếng Việt, V(1), V(2) là cách chào khi đi xa của người đi chào người ở lại. V(3) là cách chào khi tan sở, tan ca hoặc sau khi gặp gỡ giao dịch xong, cần phải đi trước đối phương. V(4) là cách nói khiêm nhường của người nhỏ tuổi, cấp dưới chào người lớn tuổi cấp trên khi

xong việc và xin phép đi trước. V(5) là cách chào mang tính thủ tục, thông báo ý định di chuyển cho đối phương biết. V(6)

là cách chào của người lớn tuổi, cấp bậc cao với người nhỏ tuổi, cấp bậc thấp hoặc ngang hàng, bạn bè.

2.2.3. Lời chào khi đi ra ngoài và quay trở về

Ví dụ	Tiếng Hàn (K)	Tiếng Việt (V)
(1)	가: 다녀오겠습니다./갔다 오겠습니다. (Tôi đi rồi về) 나: 예, 잘/안녕히 다녀 오십시오. (Vâng, anh/chị đi rồi về ạ)	A: Em đi đây một chút ạ. B: Ủ.
(2)	가: 다녀왔습니다. (Tôi đã về) 나: 어서 들어오십시오. (Anh/chị nhanh vào đi ạ)	A: Anh/Chị mới về ạ? B: Ủ.
(3)	가: 다녀올 게. (Tớ đi rồi về nhé) 나: 응, 다녀와. (Ừ, cậu đi rồi về nhé)	A: Thưa ba mẹ con mới về ạ. B: Nhanh vào nhà đi con./ Có một không con?
(4)	가: 할머니, 전 다녀왔습니다. (Bà ơi, cháu đã về rồi ạ) 나: 오늘 좀 늦었구나. 가서 쉬어라. (Hôm nay cháu về trễ quá, đi nghỉ đi)	A: Thưa ba mẹ con đi học ạ. B: Đi học giỏi nha con.

Ở Hàn Quốc, việc chào hỏi khi đi ra ngoài và quay trở về dường như đã trở thành phép tắc. “다녀오겠습니다” là câu chào khi đi ra ngoài và đáp lại bằng câu “다녀왔습니다”. Ngày nay, K(1), K(2) là cách chào phổ biến ở nơi làm việc. K(3) là cách chào của bạn bè hoặc những người ngang hàng thân thiết. Đặc biệt, trường hợp K(4), khi con cháu về đến nhà vào đêm muộn, lúc này bà hoặc bố mẹ đang ở trong phòng thì người Hàn đứng bên ngoài cửa và chào “Bà ơi, cháu đã về rồi ạ” (할머니, 전 다녀왔습니다) và bà ở trong phòng đáp lại bằng câu “Hôm nay cháu về trễ quá, đi nghỉ đi” (오늘 좀 늦었구나. 가서 쉬어라).

Trong tiếng Việt, V(1), V(2) là cách chào hỏi phổ biến ở nơi làm việc của người nhỏ tuổi khi người lớn tuổi đi ra ngoài hoặc rời vị trí làm việc một lúc rồi quay lại. V(3), V(4) là cách chào thường được sử dụng trong gia đình.

3. Kết luận

Về điểm chung, người Hàn Quốc và người Việt Nam sử dụng rất nhiều câu chào đa dạng trong cùng một phạm trù, tùy thuộc vào mối quan hệ tuổi tác, thân sơ, vị thế. Trong tiếng Hàn và tiếng Việt đều có cách chào điển hình khi gặp nhau, không phân biệt sáng, trưa, chiều, tối. Lời chào điển hình thông thường là khẩu ngữ quán dụng được điển hình hóa. Lời chào khi gặp nhau của người Hàn và người Việt thể hiện sự quan tâm lẫn nhau qua việc hỏi thăm về sức khỏe, gia đình, công việc, hành tung...

Về điểm khác biệt, trong tiếng Hàn, khi chào hỏi, tùy thuộc vào quan hệ tuổi tác và quan hệ cấp bậc để sử dụng hình thức kính ngữ bằng cách gắn thêm hậu tố kính ngữ “-님” vào sau đại từ nhân xưng, gắn “-(으)시” vào sau động từ, tính từ, và đuôi câu được chia ở hình thức trình trọng, lịch sự “-(스)바니까?”, “-(스)바니다, 아/어요”. Dù là người lớn tuổi nhưng khi giao tiếp với

người nhỏ tuổi có chức vụ cao hơn bản thân thì vẫn phải sử dụng các biểu hiện kính ngữ. Điều này cho thấy rõ đặc trưng văn hóa Hàn Quốc rất coi trọng thân phận và năng lực. Khác với tiếng Hàn, trong tiếng Việt, quan hệ tuổi tác và quan hệ vai vế là hai yếu tố làm căn cứ cho việc xưng hô khi chào hỏi và các đại từ nhân xưng có sự phân ngôi rõ ràng. Trong gia đình, tình thái từ “ạ” chỉ dùng với người lớn tuổi, vai vế lớn hơn, không dùng với người nhỏ tuổi hoặc người có chức vụ, địa vị cao hơn. Đặc điểm văn hóa của Hàn Quốc là trọng tuổi tác và vị thế nhưng đặc điểm văn hóa Việt Nam thì trọng tuổi tác hơn. Dù là chức vụ cao hơn nhưng khi gặp những người lớn tuổi hơn bản thân cũng phải dùng kính ngữ, tuyệt đối không được nói trống không. Ở Việt Nam, thỉnh thoảng vẫn có trường hợp người lớn tuổi chủ động đối với người nhỏ tuổi, tuy nhiên, trường hợp này không phổ biến còn đối với Hàn Quốc, rất hiếm có trường hợp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tân Việt (1999), *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*, NXB. Văn hóa dân tộc.

(Tiếp theo trang 35)

Abstract

A COMPARATIVE ANALYSIS ON THE UNIQUE FEATURES OF ZEN BUDDHISM IN KOREA AND VIETNAM: FOCUSING ON CHINUL AND TRAN NHAN TONG ZEN MASTER'S THOUGHTS

This paper is designed on three main parts as explicated below: In part one, the reader will be given with a brief introduction into the history of Zen Buddhism within the East Asian area. In the second part, the writer will pinpoint particular historical aspects of Zen

2. 김보인 (2006), *한일 의례성 인사말의 대조 사회언어학적 연구*, 중앙대학교 대학원, 석사학위논문.
3. 임태섭 (1998), *한국인의 커뮤니케이션가치관*, 커뮤니케이션북스서울.

Abstract

GREETINGS IN DAILY LIFE BETWEEN KOREAN AND VIETNAMESE

Upon reviewing research works in Vietnam and Korea, there are quite a few topics about greetings in Korea and other countries such as China, Japan, UK... However, the research about greetings in daily life between Korean and Vietnamese have not been adequately researched. This essay focuses on the comparison between greetings in daily life to inspire both Korean learners in learning Vietnamese and Vietnamese with Korean language to enhance the effectiveness of communication.

Key words: greetings in Korean, greetings in Vietnamese, daily life

Buddhism in Korea and Vietnam in order to exhibit the predominant forces that drove the transmission and development process. Based on the previous first and second part of this essay, the writer will attempt to draw out what the unique features of Zen Buddhism in each country should be in comparison with other local Buddhist thoughts in Korea and Vietnam.

Key words: Korean Zen Buddhism, Vietnamese Zen Buddhism, Chinul, Chan Thai Tong, Thoughts of Zen Buddhism

TÌM HIỂU LỜI CHÀO HỎI CỦA NGƯỜI HÀN THEO TÌNH HUỐNG ỨNG DỤNG VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG HÀN

Phạm Thị Thuỳ Linh*

Tóm tắt

Chào hỏi là một trong những hành vi ngôn ngữ dùng trong giao tiếp thường nhật, diễn ra một cách tự nhiên, không thể thiếu trong bất kỳ một ngôn ngữ nào. Chào hỏi còn thể hiện đặc trưng văn hóa và xã hội của mỗi dân tộc. Một lời chào thích hợp ứng với tình huống nào đó không chỉ tạo ấn tượng tốt với đối phương mà còn là khởi đầu cho một giao tiếp thành công. Theo đó, trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung, lời chào hỏi luôn là những kiến thức căn bản và quan trọng nhất cần được đưa vào nội dung giảng dạy cho sinh viên.

Việc tìm hiểu cách chào hỏi của người Hàn trong một số tình huống để đưa vào giảng dạy tiếng Hàn có thể giúp sinh viên nắm được những đặc trưng ngôn ngữ, tâm lý, xã hội, văn hóa, v.v. của hành động chào hỏi trong tiếng Hàn, từ đó ứng dụng vào thực tế để nâng cao năng lực và hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ đích.

Từ khoá: hành vi ngôn ngữ, hành vi chào, tình huống chào hỏi, văn hóa ngôn ngữ

1. Dẫn nhập

Chào hỏi là một trong những hành vi ngôn ngữ dùng trong giao tiếp thường nhật, diễn ra một cách tự nhiên, không thể thiếu trong bất kỳ một ngôn ngữ nào. Trong tiếng Hàn, lời chào được xem là một cách ứng xử giao tiếp quan trọng mà tất cả mọi người đều phải thuần thục. Lời chào thể hiện mối quan hệ xã hội của người tham gia giao tiếp được diễn ra bằng lời một cách có chủ đích. Theo đó, việc hiểu, tiếp nhận và sử dụng được các lời chào hỏi một cách phù hợp và có chủ đích là điều không dễ dàng đối với người học ngoại ngữ. Đặc biệt, tiếng Hàn là ngôn ngữ chú trọng yếu tố kính ngữ, ứng xử giao tiếp theo thứ bậc, tuổi tác hay địa vị xã hội nên việc thực hiện hành vi chào một cách phù hợp với đối tượng tham gia giao tiếp mang ý nghĩa quan trọng. Tùy theo mức độ thân thiết giữa người nghe và người nói mà cùng một lời chào có thể có nhiều cách thể hiện. Những cách thể hiện ở đây là yếu tố kính ngữ trong câu, đuôi kết thúc câu dạng trang trọng hay thân thiện trung hoà; cách kết thúc câu cho thấy các đối tượng tham gia giao tiếp có mối quan hệ cấp trên và cấp dưới, quan hệ thân thiết hay quan hệ giao tiếp giữa người lớn nói với người nhỏ. Chẳng hạn như ta có những câu chào “안녕하십니까?”, “안녕하셨습니다?”, “안녕하세요?”, “안녕하시죠”,

*Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM

“안녕?”, v.v. đều cùng một nghĩa là “Xin chào (ông/bà, thầy/cô, anh/chị, v.v.) / Chào!” nhưng lại khác nhau ở hình thức đuôi kết thúc câu chào. Sự khác nhau này chính là cách thức thể hiện được mối quan hệ, mức độ thân mật hay thứ bậc của các đối tượng giao tiếp.

Ngoài ra, cũng còn có nhiều cách nói của người Hàn khiến người Việt cảm thấy bị lúng túng, không phân biệt được đó là một câu hỏi hay một lời chào, dẫn đến trường hợp không biết hỏi đáp thế nào cho phù hợp. Ví dụ, với câu “어디가요?” (Đi đâu đó?), “차한잔하고가요” (Uống một ly trà rồi về), “나중에내가맛난거사줄게” (Bữa sau mình sẽ mời bạn món thật ngon), v.v.. Để giúp người học khắc phục những khó khăn trong giao tiếp, chúng tôi thử tiến hành tổng hợp, phân tích, phân loại những cách chào hỏi của người Hàn trong một số tình huống. Đồng thời với những tài liệu thu thập được, nghiên cứu này sẽ đưa ra một số cách chào hỏi phù hợp để đưa vào giảng dạy nhằm nâng cao khả năng sử dụng tiếng Hàn cho người học.

2. Tìm hiểu cách chào hỏi của người Hàn trong một vài tình huống

2.1. Vai trò của lời chào trong văn hóa giao tiếp của người Hàn

Trong Từ điển quốc ngữ của Hàn Quốc (표준국어대사전, 1999), lời chào được định nghĩa “là cách thể hiện phép lịch sự khi gặp hay tạm biệt; lời chào còn là sự giới thiệu bản thân giữa những người lần đầu gặp mặt thông qua tên” (dẫn theo Yun Sang Ho, 2012, tr. 9). Trong Từ điển quốc ngữ của Hàn Quốc xuất bản năm 1991, lời chào được định nghĩa “là hành vi thể hiện phép lịch sự nhằm biểu đạt sự tôn trọng hay dùng để thăm hỏi; là

việc thể hiện phép lịch sự giữa những người chưa biết nhau qua việc giới thiệu tên; lời chào còn là nguyên tắc lễ nghi cần phải được thực hiện giữa người với người” (dẫn theo Li Chen, 2010, tr. 3). Tuy nhiên, trong Từ điển quốc ngữ của Hàn Quốc xuất bản năm 1996 thì lời chào còn được định nghĩa thêm là “việc thể hiện phép lịch sự với ý biểu đạt sự cung kính khi gặp mặt hay chào tạm biệt” (dẫn theo Li Chen, 2010, tr. 4). Với các định nghĩa trên, ta thấy được vai trò cốt yếu của lời chào là thể hiện phép lịch sự trong các hoàn cảnh giao tiếp như với người lần đầu gặp, chào khi gặp mặt và chia tay, chào để thể hiện phép lịch sự trong xã giao. Thực hiện lời chào tức là đã sẵn sàng cho một cuộc giao tiếp trong xã hội.

Trong công trình nghiên cứu năm 2006 của Kim Bo In, lời chào được xem là “một hành vi ngôn ngữ thể hiện rõ đặc trưng văn hóa trong một nhóm riêng hay tập thể xã hội, lời chào đóng vai trò xã giao để gắn kết các mối quan hệ trong đời sống hằng ngày” (Kim Bo In, 2006, tr. 4). Trong khi đó, với Bang Hei Sook (2007) thì lời chào là “một công cụ giữ vai trò là hành vi ngôn ngữ để liên kết các mối quan hệ giữa người và người mang đặc trưng ngôn ngữ lẫn văn hóa” (Bang Hei Sook, 2007, tr. 161). Như vậy với những nhận định như trên, ta thấy lời chào giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống giao tiếp của người Hàn, là hành vi ngôn ngữ thể hiện phép lịch sự trong giao tiếp nhằm duy trì và gìn giữ mối quan hệ hữu hảo trong xã hội.

2.2. Phân loại một số tình huống trong chào hỏi của người Hàn

Các nghiên cứu phân loại lời chào trong tiếng Hàn đã được nhiều học giả nêu

ra thảo luận, trong đó có thể kể đến kết quả phân loại của Hwang Byeong Sun (1999, tr. 5). Hwang Byeong Sun đã chia các tình huống chào thành hai nhóm: chào trong đời sống hằng ngày và chào trong một số tình huống đặc biệt. Nhóm lời chào trong đời sống hằng ngày bao gồm chào khi gặp mặt và chia tay. Lời chào trong các tình huống đặc biệt được chia nhỏ thành chào thăm hỏi, chào thăm bệnh, chào trong các dịp chúc mừng (nhập học, kết hôn, xin việc, sinh nhật, mừng thọ, v.v..).

Theo Gim Bo In (2007, tr.19), lời chào trong tiếng Hàn được phân loại theo các tình huống như: lời chào liên quan đến bữa ăn, lời chào khi gặp mặt (lần đầu gặp gỡ, chào khi gặp lại), chào khi chia tay, chào khi ra ngoài và trở về, chào khi đối tượng giao tiếp phải chờ lâu và một số lời chào trong vài tình huống khác. Trong nghiên cứu của mình, Mun Keum Hyun (2009, tr.95) phân chia các kiểu câu chào dựa trên nội dung của lời chào như thăm hỏi (hỏi thăm sức khỏe của đối tượng cùng tham gia giao tiếp và hỏi thăm về người thân của họ), chào hỏi liên quan đến bữa ăn, chào hỏi về cuộc sống hiện tại, chào hỏi gắn với yếu tố thời tiết, chào hỏi gắn với các dịp lễ tết, chào hỏi đề cập đến ngoại hình của đối tượng giao tiếp.

Như vậy, với những cách phân loại trên, ta có thể thấy các lời chào có thể được thực hiện trong các phát ngôn mang tính chất nghi thức (là những phát ngôn phục vụ cho những hành vi ứng xử mang tính nghi thức) và phát ngôn trong giao tiếp hằng ngày (là những cách chào trong thường nhật).

2.3. Những lời chào theo tình huống trong tiếng Hàn

2.3.1. Chào khi gặp mặt

Trong bất kì tình huống giao tiếp nào, lời chào khi gặp mặt cũng luôn đóng vai trò quan trọng. Lời chào trong tình huống này không chỉ thể hiện phép lịch sự trong giao tiếp mà còn thể hiện cho người đối thoại biết được là bản thân đã sẵn sàng cho một cuộc trò chuyện. Câu chào căn bản trong tiếng Hàn mà người học được tiếp cận đầu tiên là “안녕하세요?” tức là “Xin chào (ông/bà, thầy/cô, anh/chị, v.v.). Tuy nhiên, người học cũng cần phải hiểu là câu chào này còn có nghĩa như “How are you?” trong tiếng Anh. Chính vì vậy, câu “안녕하세요?” có thể được thể hiện bằng cách nói lịch sự và trang trọng là “안녕하십니까?” (hình thức câu nghi vấn) hay ở dạng quá khứ thành “안녕하셨습니다?” (Thời gian qua ông/bà, thầy/cô, anh/chị... vẫn khỏe chứ ạ?) hoặc có thể là dạng kết hợp hỏi xác nhận - đồng tình “안녕하십니까?” (Ông/bà, thầy/cô, anh/chị... khỏe phải không ạ?).

Lời chào khi gặp mặt có thể được thể hiện bằng câu hỏi “잘주무셨습니까?/ 잘주무셨어요?” có nghĩa “Đêm qua ngủ có ngon không ạ?”. Đây là câu chào thường được nói vào buổi sáng, câu hỏi không mang nghĩa tò mò mà thể hiện sự quan tâm của người nói đối với người nghe. Bên cạnh đó, câu chào “어디가세요?/ 어디가요? 어디가?” có nghĩa là “Đi đâu đấy ạ?/ “Bạn đi đâu đấy?” cũng được sử dụng như một lời chào rất phổ biến của người Hàn. Ở những cách chào này, người đón nhận lời chào có thể chọn cách chào lại thông thường như “안녕하세요?” tức là “Xin chào ạ!” mà không nhất thiết phải trả

lời là bản thân đang đi trên đường di chuyển đến đâu đó. Trong trường hợp người nghe đang trong tình huống phải đi ngay thì ta có thể trả lời đại khái là “저어디좀가요/ 저어디좀가야해요” nghĩa là “Tôi (phải) đi đây chút” để kết thúc hội thoại mà không ảnh hưởng đến tâm trạng của người mở lời chào. Ngoài những cách nói trên, các câu chào trong tiếng Hàn ở một số tình huống khác sẽ được chúng tôi tổng hợp và trình bày cụ thể dưới đây.

2.3.2. Chào thể hiện sự vui mừng

Lời chào thể hiện sự vui mừng có thể được sử dụng trong trường hợp lần đầu tiên gặp gỡ ai đó hoặc tình cờ gặp lại người quen, bạn bè. Câu chào phổ biến nhất mà người học có thể sử dụng sau những bài học đầu tiên là “만나서반갑습니다/ 만나서반가워요” tức là “Rất vui được gặp quý vị/ông/bà, thầy/cô, anh/chị,...”). Ngoài những cách chào hỏi này, người Hàn còn có cách biểu đạt khác như “말씀많이들었습니다 / 이야기를많이들었어요” có nghĩa là “Tôi đã nghe nói rất nhiều về quý vị/ông/bà, thầy/cô, anh/chị,...”.

Trong trường hợp lâu ngày gặp lại người quen, câu chào “오래간만입니다/ 오랜만이에요/ 오랜만이야”(Lâu rồi không gặp) được người học sử dụng khá thuần thục. Tuy nhiên để biểu đạt thêm sự vui mừng trong tình huống này thì người ta có thể sử dụng các câu như “이게얼마만이야?”, “웬일이야? / 뭐야여기” có nghĩa “Bao lâu rồi (đã không gặp nhau) nhỉ?”, “Chuyện gì đây (sao lại gặp nhau ở đây nhỉ)?” hay “되게반갑다” (“(Gặp lại) vui quá”). Những câu như thế đều là những câu dùng để chào khi vô tình gặp lại những người bạn thân thiết.

2.3.3. Dùng câu hỏi “Ăn cơm chưa?” thay lời chào

Người Việt khi gặp nhau cũng có khi dùng câu hỏi “Ăn cơm chưa?” để chào. Đây là dấu vết của một thời khó khăn, được ăn đầy đủ là một nhu cầu thiết yếu khi ấy, cho nên người quan tâm hỏi nhau đã dùng bữa hay chưa. Tương tự, người Hàn cũng dùng những câu như “식사하셨어요? (Dùng cơm chưa ạ?)” để chào người ở vị trí cao hay đồng nghiệp, dùng “밥먹었어요?” để chào người thân quen và “밥먹었어?” trong trường hợp là bạn bè, người nhỏ tuổi hơn. Trong tình huống nhận được những lời chào dạng này, người nói có thể đáp lại một cách xã giao như “네, 먹었어요.” (Vâng/ Dạ, tôi đã ăn rồi) hay “아니요, 아직못먹었어요.” (Dạ chưa, tôi vẫn chưa ăn) - điều này khác với người Việt. Đôi khi người Hàn cũng dùng những câu dạng mời mọc như “이리와서같이식사나하시죠?” (Đến đây cùng ăn nào!), “이것좀드세요” (Dùng thử cái này nhé!),... thay cho lời chào.

2.3.4. Chào thể hiện ý khen

Lời chào thể hiện ý khen là một trong những cách chào có yếu tố ngữ dụng phổ biến của cả người Việt và người Hàn. Tuy nhiên đối với người học tiếng Hàn, lời chào kết hợp ý khen lại ít được sử dụng đến. Phần lớn người học thường quen với lời chào cơ bản là “안녕하세요?” tức là “Xin chào (ông/bà, thầy/cô, anh/chị, v.v.)”. Nguyên do của việc này là vì họ cho rằng mối quan hệ giữa bản thân với cấp trên hay khách hàng chưa đến mức độ thân thiết đủ để thực hiện các lời khen. Tuy nhiên trên thực tế đối với người Hàn, một lời khen có thể giúp không khí của buổi gặp mặt mang tính chất công việc sẽ giảm bớt

căng thẳng, có được sự tương tác và thể hiện sự quan tâm đến người đối thoại.

Một số lời chào kèm theo ý khen ngoại hình, trang phục của đối tượng giao tiếp có thể kể đến như “머리스타일을바꾸셨네요” (Ông/bà, thầy/cô, anh/chị... đã đổi kiểu tóc rồi à?), “오늘머리가잘어울리시네요” (Kiểu tóc hôm nay hợp với ông/bà, thầy/cô, anh/chị quá), “넥타이멋지신데요.” (Cà vạt trông đẹp quá!), “얼굴이좋아보이시네요” (Hôm nay trông nét mặt ông/bà, thầy/cô, anh/chị phần khởi quá!). Trong trường hợp người giao tiếp là bạn bè thân thiết hay người nhỏ tuổi hơn, người ta có thể sử dụng những câu có ý khen như “살빠졌네?” (Gầy hơn rồi nhỉ?), “옷이예쁘다” (Áo đẹp quá!), “오늘너무멋지다” (Hôm nay trong bảnh ghê!), v.v.. Xét trên khía cạnh tâm lý, những câu chào như vậy luôn làm cho người tiếp nhận có cảm giác vui vẻ và tạo ra sự hứng thú để mở đầu cuộc thoại.

2.3.5. Chào thăm hỏi sức khỏe, cuộc sống

Trong nhóm những lời chào gắn liền với sự thăm hỏi sức khỏe phổ biến và được nhiều người học ứng dụng vào thực tế giao tiếp bằng tiếng Hàn là “잘지내세요?” (Ông/bà, thầy/cô, anh/chị... có khỏe không ạ?) hay “어떻게지냈어요?” (Thời gian qua sống thế nào ạ?). Tùy theo đối tượng giao tiếp ở thứ bậc cao hay thấp, già hay trẻ mà người học có thể thay đổi các dạng kết thúc câu nghi vấn cho phù hợp. Ngoài ra, còn có một số cách chào hỏi dành cho đối tượng là những người có quan hệ thân thiết mà ta có thể đưa ra để người học tham khảo thêm như “요즘어때?” (Dạo này thế nào?), “별일없지?” (Không có chuyện gì (đặc biệt) chứ?),... Đặc biệt là đối với những

người có quan hệ thân thiết, người Hàn còn hỏi thăm đến gia đình như “아버님잘계시지?” (Bố bạn vẫn khỏe chứ?), “어머니는안녕하시죠?” (Mẹ bạn cũng khỏe chứ?). Lưu ý là đối với những trường hợp này, người nói cần phải biết sử dụng yếu tố kính ngữ một cách chuẩn xác vì người được đề cập đến trong câu là ông, bà, bố, mẹ, ...nên cần phải cẩn trọng để tránh được sự thất lễ.

2.3.6. Lời chào cũng là lời hỏi thăm

Trong các mối quan hệ xã hội, việc nắm được thông tin của người đối thoại mang một yếu tố quan trọng nhằm duy trì, thắt chặt mối quan hệ. Mong muốn tìm nhiều những thông tin liên quan đến người đối thoại thể hiện sự quan tâm, thành ý muốn duy trì và phát triển mối quan hệ trở nên tốt đẹp hơn. Do đó, lời chào kết hợp hỏi thăm những thông tin liên quan đến đối tượng giao tiếp cũng được người Hàn sử dụng rất nhiều trong đời sống. Chẳng hạn, người ta có thể chào bằng câu “출장잘다녀오셨어요?” (Ông/bà, thầy/cô, anh/chị... đã đi công tác về rồi à?), “주말에많이아팠다면서요?” (Nghe nói là ông/bà, thầy/cô, anh/chị... đã bị bệnh hồi cuối tuần à?), “오늘좀괜찮으세요?” (Hôm nay thì thế nào rồi?/ Đã khỏe hơn chưa?),.... Ở nhóm này, ta có thể thấy được những cách chào tương đồng trong tiếng Việt.

2.3.7. Chào kết hợp an ủi, động viên

Loại chào hỏi kết hợp an ủi, động viên thường được sử dụng trong tình huống người nói và người nghe biết nhau và thường xuyên có sự trao đổi thân mật. Với các đối tượng giao tiếp này, do mối quan hệ đạt ở mức thân thiết nên những câu chào hỏi không có tính khách sáo mà

là thể hiện sự quan tâm qua cách an ủi, động viên. Những câu chào dạng này sử dụng rất nhiều thông tin có tính hàm ngôn, không diễn đạt bằng ngôn ngữ dài dòng. Đó là những câu như “많이힘들지?” (Cậu mệt lắm, đúng không?), “지쳤지?” (Mệt lắm rồi đúng không?), “요즘바쁘지?” (Dạo này bạn lắm phải không?), “밥꼭챙겨먹고다녀!” (Nhớ ăn uống đầy đủ nhé!), v.v.. Những cách chào này thường gây ấn tượng tốt đối với người nghe, chuyển tải được tình cảm của người mở lời chào.

2.3.8. Chào gắn liền với yếu tố thời tiết

Một trong những cách chào hỏi thú vị trong tiếng Hàn là gắn liền với yếu tố thời tiết. Những kiểu chào riêng biệt với bốn mùa trong năm không chỉ thể hiện trên văn bản viết như thư điện tử, thư ngỏ hay trong các bài diễn văn hội nghị hội họp mà còn xuất hiện trong văn nói. Sự thay đổi của thời tiết theo từng mùa mang lại ảnh hưởng riêng đến đời sống của người Hàn nên yếu tố này thường được lồng vào câu nói “cửa miệng” mỗi khi họ gặp nhau. Một số cách chào mà chúng ta có thể giới thiệu đến người học để tham khảo và sử dụng như “좋은아침입니다” (Buổi sáng tốt lành), “날씨참좋은데요” (Thời tiết hôm nay đẹp quá!). Hai câu chào này thường được người Hàn sử dụng nhiều nơi công sở. Đây là cách để chào toàn thể đồng nghiệp trong văn phòng, hay những người hiện đang có mặt mà không phải tất tả chạy đi chào từng người một. Bên cạnh đó, gắn với thời tiết còn có những câu chào cho các mối quan hệ thân thiết như “춥지?” (Lạnh lắm không?), “오늘날씨정말춥다” (Hôm nay lạnh thật),

“더운데고생이많다” (“Trời nóng thế này, bạn cực (vất vả) quá!”), “완전히한여름이네요” (Đúng là giữa hè!), “비가많이오네요.” (Trời mưa to quá!), v.v.. Với kiểu chào này, người học có thể ứng dụng một cách linh hoạt, tạo nên hiệu quả giao tiếp và giúp bản thân trau dồi được khả năng nói tiếng Hàn tự nhiên như người bản xứ.

2.4. Chào khi chia tay

Lời chào khi chia tay đóng vai trò kết thúc một cuộc hội thoại. Đó có thể là một lời nói chào người đi, một lời chúc sức khỏe hay có khi là một lời hứa hẹn với đối tượng đang thực hiện giao tiếp. Bên cạnh hai cách chào tạm biệt cơ bản trong tiếng Hàn là “안녕히가세요!” (dành cho người đi) và “안녕히계세요!” (dành cho người ở lại) thì vẫn còn vô số cách chào hỏi ta có thể giới thiệu đến người học mà nghiên cứu này đã tổng hợp và đề cập ở dưới đây.

2.4.1. Chào kết thúc cuộc gặp

Những lời chào kết thúc cuộc gặp thường mang ý nghĩa tổng kết lại những nội dung đã trao đổi và cũng là tạo sự mong đợi cho những lần gặp tiếp theo. Một lời chào kết thúc phù hợp với tình huống sẽ khiến cho cả hai bên cảm thấy hài lòng hơn và thêm động lực để duy trì mối quan hệ này. Một số câu chào người Hàn thường sử dụng khi kết thúc cuộc gặp gỡ như “오늘즐거웠습니다.” (Hôm nay thật là vui!), “좋은말씀많이들었습니다” (Tôi đã được nghe nhiều điều hay), “유익한시간이었습니다” (Quả là một khoảng thời gian thật hữu ích), “덕분에오늘모임정말재미있었어요.” (Nhờ (các) bạn mà cuộc gặp mặt thật thú vị), v.v.. Trong tình huống là chào tạm biệt

sau khi kết thúc bữa tiệc thì ta có câu “오늘잘먹었습니다” (Hôm nay tôi đã ăn rất ngon miệng), hay “덕분에별식을먹게되었습니다” (Nhờ ông/bà, thầy/cô, anh/chị mà tôi đã được ăn một món thật đặc biệt). Người nói những câu này còn muốn biểu đạt ý cảm ơn đến đối tượng giao tiếp vì đã dành thời gian cho cuộc gặp mặt hay đã mời (hoặc cùng ăn) một bữa ngon. Với ý nghĩa kết thúc cuộc gặp gỡ, lời chào khi tạm biệt còn đi kèm với những lời chúc như “조심해서들어가요” (Về cẩn thận nhé), “편안한저녁시간보내세요” (Chúc (bạn) một buổi tối tốt lành), “잘자요.” (Ngủ ngon nhé), v.v..

2.4.2. Chào kết hợp hứa hẹn

Lời chào kết hợp lời hứa hẹn hay mời mọc của người Hàn thường được sử dụng phổ biến nhất là “나중에같이식사해요.”/ “언제한번밥먹자” có nghĩa “Sau này (khi nào đó) cùng ăn một bữa nhé!”. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu đây là những lời chào mang ý nghĩa xã giao nên không nhất thiết phải hỏi lại cụ thể ngày giờ của cuộc gặp lần sau. Lời chào thuộc nhóm này còn xuất hiện thêm nhiều kiểu câu khác như “차한잔하고가” (Làm ly trà rồi hãy đi nhé!), “나중에보자” (Lần sau gặp nha!), “언제한번술한잔하자” (Khi nào đó đi làm một ly (một chén) nhé), v.v.. Có một số cách chào kết thúc mang tính chất hứa hẹn mà chúng ta không cần phải chờ đợi người nói thực hiện ngay trong thời gian gần như “내가전환할게”, “내가전화할게” (Minh sẽ liên lạc/ gọi điện thoại), v.v..

3. Tạm kết

Chúng ta có thể thấy được chào hỏi là một trong những hành vi ngôn ngữ

không thể thiếu trong bất kỳ một ngôn ngữ nào. Chào hỏi còn thể hiện đặc trưng văn hóa và xã hội của mỗi dân tộc. Một lời chào thích hợp với tình huống giao tiếp không chỉ tạo ấn tượng tốt với người tham gia đối thoại mà còn là khởi đầu cho một giao tiếp thành công. Theo đó, trong giảng dạy ngoại ngữ, lời chào hỏi luôn là những kiến thức căn bản và quan trọng nhất cần được đưa vào nội dung giảng dạy cho người học.

Đưa lời chào thông qua các tình huống vào giảng dạy tiếng Hàn không chỉ giúp người học nắm được những đặc trưng ngôn ngữ, tâm lý, xã hội, văn hóa, v.v. qua hành vi chào hỏi mà còn hỗ trợ nhiều cho việc học ngôn ngữ Hàn. Cụ thể như việc sử dụng linh hoạt các câu chào hỏi cho từng đối tượng theo từng ngữ cảnh nhất định giúp người học tiếng Hàn biết cách lựa chọn từ ngữ phù hợp, phân biệt và sử dụng thành thạo các cấu trúc ngữ pháp tương ứng (đặc biệt là các yếu tố kính ngữ trong câu chào) và phát âm đúng theo một cách thức nhất định.

Trong quá trình thực hiện hành vi chào hỏi bằng ngôn ngữ đích, do ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ nên rất dễ xảy ra trường hợp người học chuyển dịch các câu chào hay không biết cách hồi đáp phù hợp. Do vậy, để khắc phục được những điều này, người dạy cần giúp người học ý thức được những ý nghĩa qua cách thức thể hiện lời chào. Đồng thời người dạy cũng cần giới thiệu những cách chào hỏi sát với thực tế của ngôn ngữ đích giúp người học dễ dàng ứng dụng để nâng cao năng lực và tạo hiệu quả giao tiếp bằng tiếng Hàn.

(Xem tiếp trang 63)

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH E-LEARNING TẠI KHOA HÀN QUỐC HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN TP.HCM

Mai Kim Chi*

Tóm tắt

E-learning đang trở thành xu thế phát triển tất yếu trong thời đại công nghệ ngày nay. Khoa Hàn Quốc học trường đại học KHXH&NV Tp. HCM đã triển khai giảng dạy E-learning từ năm 2015 theo chương trình “KF Global e-School Program”. Bài nghiên cứu này trình bày cụ thể hệ thống E-learning đang áp dụng tại khoa Hàn Quốc học, cách thức tiến hành, yêu cầu về cơ sở hạ tầng, phân tích những ưu-nhược điểm của mô hình và đánh giá hiệu quả của hệ thống. Nghiên cứu dùng kết quả khảo sát người học để đánh giá hiệu quả đào tạo, thế mạnh cũng như khuyết điểm của mô hình E-learning tiến hành tại khoa. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên hài lòng với nội dung giảng dạy, kiến thức và kỹ năng thu được qua môn học. E-learning là giải pháp tốt để giải quyết vấn đề thiếu nhân lực giảng dạy các môn chuyên ngành về Hàn Quốc học và tiếng Hàn mà Việt Nam còn thiếu. Cơ sở vật chất, cách thức tổ chức lớp học, kênh liên lạc giữa người dạy và người học, ... là những vấn đề cần được cải thiện hơn nữa để nâng cao chất lượng dạy và học theo mô hình hiện đại này.

Từ khóa: E-learning, học tập kết hợp, mô hình học tập kết hợp, lớp học đảo ngược.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, trước tác động mạnh mẽ của cách mạng 4.0, bên cạnh mô hình dạy và học truyền thống, hình thức đào tạo trực tuyến hay E-learning ra đời như một xu thế phát triển tất yếu của giáo dục trong thời đại công nghệ [9,10]. Tuy đề tài giảng dạy trực tuyến được khá nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, nhưng đa phần các bài viết chỉ dừng lại ở việc giới thiệu về E-learning, cấu tạo hệ thống, nhận định tích cực về hiệu quả cũng như xu thế tất yếu của việc áp dụng công nghệ giảng dạy trực tuyến trên quan điểm của người viết mà chưa khảo sát ý kiến người học. Bài nghiên cứu này trình bày thực trạng hệ thống E-learning đang áp dụng tại khoa Hàn Quốc học, cách thức tiến hành, yêu cầu về cơ sở hạ tầng, phân tích những ưu-nhược điểm của mô hình và đánh giá hiệu quả của hệ thống. Điểm khác biệt của nghiên cứu này là dùng kết quả khảo sát người học, phân tích ưu khuyết điểm cũng như hiệu quả của mô hình giảng dạy trực tuyến dựa trên trải nghiệm thực tế và đánh giá của sinh viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu ‘đề xuất một vài giải pháp để có thể nâng cao chất lượng giảng dạy trực tuyến tại khoa Hàn Quốc học nói riêng. Đề tài có thể trở thành tài liệu tham khảo, kinh nghiệm hữu ích cho các đơn vị đào tạo khác đang và có ý định triển khai giảng dạy trực tuyến.

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm E-learning

Giáo dục trực tuyến hay E-learning là viết tắt của Electronic Learning. Thuật ngữ E-learning xuất hiện lần đầu tiên vào tháng 10/1999 trong một hội nghị Quốc tế về CBT (Computer - Based Training). Trong đó, người học có thể tương tác với môi trường học tập trực tuyến thông qua Internet hoặc các phương tiện truyền thông điện tử khác [5]. Hiện nay, có rất nhiều cách hiểu về E-learning. Một cách tổng quát, E-learning là việc sử dụng công nghệ thông tin và máy tính trong học tập (William Horton) [4]. Cụ thể hơn, E-Learning là sự phân phát các nội dung học sử dụng các công cụ điện tử hiện đại như máy tính, mạng vệ tinh, mạng Internet, Intranet trong đó nội dung học có thể thu được từ các website, đĩa CD, băng video, audio thông qua một máy tính hay TV; người dạy và người học có thể giao tiếp với nhau qua mạng dưới các hình thức như: e-mail, thảo luận trực tuyến (chat), diễn đàn (forum), hội thảo video (Atkins, 2016; Docebo, 2014) [1, 2, 3].

Trong nghiên cứu này, khái niệm E-learning được hiểu là việc sử dụng công nghệ thông tin trong việc soạn thảo nội dung giảng dạy, phân phát nội dung giảng dạy, tương tác qua mạng giữa người dạy và người học. Công nghệ thông tin cũng được áp dụng trong công tác đăng ký - chiêu sinh, quản lý lớp học cũng như kiểm tra đánh giá người học qua hệ thống phần mềm quản lý. Ứng dụng của công nghệ số và đặc biệt là công nghệ thông tin trong giảng dạy E-learning là vô cùng to lớn.

2.2. Thành phần của hệ thống E-learning

Một hệ thống E-learning bao gồm 3 thành phần chính là Hạ tầng truyền thông và mạng; Hạ tầng phần mềm quản lý và cuối cùng là nội dung đào tạo (hạ tầng thông tin) [11].

- Hạ tầng truyền thông và mạng: Bao gồm các thiết bị đầu cuối (người dùng), thiết bị tại các cơ sở cung cấp dịch vụ, mạng truyền thông,...

- Hạ tầng phần mềm quản lý: Gồm các phần mềm hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System), và phần mềm hệ thống quản lý nội dung học tập LCMS (Learning Content Management System) [4]. Hệ thống LMS quản lý cơ sở dữ liệu người dùng bao gồm giảng viên và học viên, quản lý việc đăng nhập. Đối với nhóm người dùng là giảng viên, hệ thống cung cấp dịch vụ đăng nhập, các công cụ soạn bài giảng hoặc lấy bài giảng từ ngân hàng nội dung, công cụ quản lý lớp học, ra bài tập, công cụ chat - giao tiếp với người học,... Đối với nhóm người dùng là học viên, hệ thống cho phép học viên đăng nhập, tìm kiếm thông tin khóa học, các công cụ hỗ trợ học tập, làm bài tập, kiểm tra đánh giá, công cụ chat - giao tiếp với người dạy và người học khác,... Hệ thống LCMS hiểu đơn giản là đóng vai trò phát triển, quản lý, phân phối nội dung đào tạo.

- Nội dung đào tạo (hạ tầng thông tin) có vai trò quan trọng trong E-learning, là nội dung các khóa học, các chương trình đào tạo và các phần mềm dạy học.

2.3. Các mô hình giảng dạy E-learning

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, E-learning không chỉ được khai thác trên nền tảng web mà còn được

triển khai trên các ứng dụng di động như điện thoại di động, máy tính bảng. Việc dạy và học trực tuyến trở nên đa dạng ở nhiều không gian và phương tiện khác nhau, kết hợp với hình thức lớp học truyền thống (học giáp mặt) tạo ra nhiều mô hình học tập phong phú. Có thể kể đến các dạng tiêu biểu như: mô hình học tập kết hợp - Blended learning, mô hình học tập giao lưu và phối hợp - Social and Collaborative Learning, mô hình học tập nhỏ - micro learning, học tập qua video - Video Learning và học tập qua trò chơi - Gamification [5, 6, 7, 12].

2.4. Đặc thù mô hình E-learning áp dụng tại khoa Hàn Quốc học

Chương trình “KF Global e-School Program” do Quỹ Giao lưu Quốc tế Hàn Quốc tài trợ cho Khoa Hàn Quốc học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM được triển khai từ năm 2015. Đây là chương trình Quỹ Giao lưu Quốc tế Hàn Quốc là đơn vị chủ quản, phối hợp với một trường đại học Hàn Quốc đảm nhận về chuyên môn giảng dạy, cung cấp các môn học E-learning về lĩnh vực Hàn Quốc học và tiếng Hàn cho sinh viên của khoa.

2.4.1. Thành phần hệ thống E-learning tại khoa Hàn Quốc học

Xét về 3 thành phần là Hạ tầng truyền thông và mạng; Hạ tầng phần mềm và cuối cùng là nội dung đào tạo (hạ tầng thông tin) như đã giới thiệu bên trên thì hệ thống E-learning tại khoa Hàn Quốc Học bao gồm:

- Về hạ tầng truyền thông và mạng: Để thực hiện giảng dạy E-learning, phòng học cần trang bị các thiết bị căn bản: Máy vi tính để bàn hoặc laptop; Camera - Thu tín hiệu hình ảnh full HD; Micro - Thu

âm; Bộ Codec- Xử lý mã hóa nhận và truyền tín hiệu âm thanh và hình ảnh qua đường truyền; Màn hình hiển thị: Hiện thị hình ảnh cuộc gọi, nội dung cuộc họp, tài liệu chia sẻ; Loa- Phát tín hiệu âm thanh cuộc gọi; Internet yêu cầu băng thông cho cả hai chiều, upload phải bằng download. Tốc độ đường truyền tối thiểu đạt 1.25Mbps cho chất lượng HD.

Với điều kiện cơ sở vật chất phòng học còn hạn chế, không có thiết bị chuyên dụng để giảng dạy trực tuyến, khoa Hàn Quốc học dùng giải pháp phần mềm hội nghị trực tuyến để thay thế. Ứng dụng Skype và 4nb được sử dụng để thực hiện các cuộc gọi truyền hình khi giảng dạy trực tuyến. Skype khá thông dụng tại Việt Nam, tuy nhiên khi sử dụng phần mềm miễn phí để gọi video, ở một vài thời điểm, chất lượng cuộc gọi không ổn định. Đối với ứng dụng 4nb, điểm thuận tiện của ứng dụng là có chức năng White board. Chức năng White board hỗ trợ việc ghi chép, ghi chú hoặc chia sẻ tài liệu đồng thời trên màn hình trong khi thực hiện cuộc gọi video. Giảng viên có thể chia sẻ file bài giảng đã chuẩn bị dưới dạng Powerpoint, Word, Excel, HWP, hình ảnh (Jpeg, gif, bmp) và văn bản.

Một số vấn đề về kỹ thuật phát sinh trong thực tế khi áp dụng hệ thống tại khoa Hàn Quốc học: Hạn chế lớn nhất là về chất lượng âm thanh cuộc gọi, âm thanh lẫn tạp âm, tiếng ồn, tiếng vọng. Thứ hai là chất lượng đường truyền internet không đảm bảo. Thứ ba, webcam không đủ bao quát lớp học có sức chứa 60 - 80 sinh viên. Thứ tư, hạ tầng mạng và phòng học không đáp ứng cuộc gọi truyền hình đa điểm (kết nối nhiều điểm truyền hình cùng một lúc).

▪ Hạ tầng phần mềm: Đối với hình thức E-learning tiến hành tại Khoa Hàn Quốc học, chương trình không sử dụng phần mềm hệ thống quản lý học tập LMS cũng như phần mềm hệ thống quản lý nội dung học tập LCMS như các mô hình E-learning điển hình khác. Chương trình E-learning tận dụng hệ thống website sẵn có của trường và khoa trong việc thông báo thông tin khóa học, đăng ký học phần online. Giảng viên trợ giảng người Việt Nam đóng vai trò quản lý lớp học, điểm danh, trợ giảng và hỗ trợ sinh viên khi học trực tuyến. Vấn đề liên lạc trao đổi thông tin giữa giảng viên và sinh viên phần lớn được thực hiện qua email và mạng xã hội như Facebook, Kakao Talk, Zalo,...

Việc không sử dụng ứng dụng phần mềm quản lý học trực tuyến như hình thức giảng dạy E-learning truyền thống vừa là ưu điểm nhưng cũng là khuyết điểm của hệ thống E-learning tại khoa Hàn Quốc học. Ưu điểm lớn nhất của hệ thống này là đơn giản, không cần đầu tư cho việc phát triển phần mềm, không đòi hỏi nhiều về mặt công nghệ đối với hệ thống. Đối với người dạy và người học không đòi hỏi phải có tài khoản đăng nhập khóa học, các nội dung giảng dạy được chia sẻ qua hình thức truyền hình hội nghị, tài liệu có thể chia sẻ qua email và mạng xã hội. Tuy nhiên mô hình này quản lý người học còn mang tính chất truyền thống, chưa tiện lợi và đòi hỏi khá nhiều nhân lực. Đồng thời việc giao tiếp, tương tác qua mạng giữa giảng viên và sinh viên còn nhiều hạn chế, không có kênh tương tác chính thức mà phải sử dụng một phương tiện trung gian chủ yếu qua email và qua một mạng xã hội khác như Kakao Talk hay Zalo.

▪ Nội dung học tập (hạ tầng thông tin): Môn học theo hình thức E-learning được Khoa Hàn Quốc học thảo luận trực tiếp với đối tác là trường Hàn Quốc để xếp thời khóa biểu, xây dựng kế hoạch giảng dạy, thiết kế nội dung môn học phù hợp với chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra. Giảng viên Hàn Quốc chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy, cung cấp tư liệu học tập cho sinh viên. Phần lớn tư liệu học tập được cung cấp qua email cho sinh viên dưới dạng tài liệu số (như file ppt hoặc pdf). Giảng viên ra bài tập cho sinh viên dưới hai hình thức, hoặc tiến hành ra bài tập trực tiếp khi học trực tuyến, hoặc ra bài tập về nhà làm và nộp qua email. Việc kiểm tra đánh giá cũng được tiến hành tại lớp thông qua giảng viên người Việt Nam hoặc trợ giảng chứ không áp dụng hình thức thi trực tuyến.

2.4.2. Cách tổ chức giảng dạy E-learning tại khoa Hàn Quốc học

Các môn học E-learning của Khoa Hàn Quốc học được tiến hành theo mô hình học tập kết hợp - Blended learning. Lớp học được tiến hành theo hình thức kết hợp, 70% tiết học trực tuyến qua phương thức truyền hình hội nghị và 30% học giáp mặt theo kiểu truyền thống.

Ở các tiết học trực tuyến, sinh viên vẫn phải đến lớp học tập trung vào khung thời gian cố định, nghe giảng viên Hàn Quốc dạy trực tiếp qua cuộc gọi truyền hình hội nghị. Lớp học được quản lý và tổ chức bởi một giảng viên người Việt Nam và một trợ giảng của khoa. Bài giảng được giảng dạy trực tiếp bởi giảng viên tại Hàn Quốc qua Video Conference (truyền hình hội nghị). Đối tượng học những môn E-learning thường là sinh viên năm 3, năm 4 đã có trình độ giao tiếp tương đối để có

thể hiệu bài giảng trực tiếp bằng tiếng Hàn. Sinh viên có thể hỏi đáp trực tiếp với giảng viên Hàn Quốc trong giờ học.

Ngoài các buổi học trực tuyến (online) với giảng viên người Hàn Quốc, sinh viên sẽ có những buổi học giáp mặt (offline) theo kiểu lớp học truyền thống với giảng viên người Hàn Quốc.

Ở học kì gần nhất áp dụng E-learning năm học 2018-2019, ngoài khoa Hàn Quốc học, lớp học còn có sự tham gia đồng thời vào video conference của một đại học khác tại Việt Nam cùng đăng ký học trực tuyến môn học này với trường Hàn Quốc đối tác.

3. Kết quả nghiên cứu hiệu quả của mô hình E-learning tại Khoa Hàn Quốc học - Trường ĐH KHXH&NV Tp. HCM

Mô hình E-learning của khoa Hàn Quốc học thể hiện hiệu quả trong vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết vấn đề thiếu đội ngũ giảng viên, cập nhật kiến thức mới và xu thế học tập hiện đại. Đối với người học, về mặt lý thuyết, dạy và học theo mô hình E-learning được kì vọng giúp sinh viên khoa Hàn Quốc học được tiếp cận với một mô hình dạy học tiên tiến, tạo hứng thú học tập, khuyến khích tinh thần tự lập và chủ động trong học tập của sinh viên [8].

Để kiểm chứng hiệu quả của mô hình E-learning theo kết quả giả định trên, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của 35 sinh viên lớp Ngữ Văn học môn Biên phiên dịch tiếng Hàn nâng cao trong học kỳ I năm học 2018-2019. Trong 35 phiếu khảo sát phát ra có 3 phiếu trả lời không hợp lệ do tỉ lệ tham dự lớp của sinh viên không đủ 80% trở lên.

Độ hài lòng của sinh viên về môn học tiến hành theo hình thức E-learning

dùng thang đo gồm 5 mức từ mức 1 là hoàn toàn không đồng ý đến mức 5 là hoàn toàn đồng ý. Sinh viên có độ hài lòng khá cao về hoạt động giảng dạy của giảng viên, với điểm trung bình 4.19/5 điểm. Với điểm trung bình lần lượt 3.88 và 3.81 cho thấy sinh viên khá hài lòng về kiến thức tiếp thu từ môn học cũng như các kỹ năng được rèn luyện qua môn học. Tuy nhiên sinh viên hoàn toàn không hài lòng về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy - học qua điểm trung bình 1.41/5, mức độ hài lòng rất thấp. Như đã trình bày ở trên về những vấn đề phát sinh về âm thanh, hình ảnh, đường truyền trong quá trình tiến hành giảng dạy trực tuyến, phản hồi này của sinh viên phản ánh sát với thực tế.

Tìm hiểu sâu hơn về các yếu tố làm sinh viên hài lòng khi học theo hình thức E-learning, hơn 87.5% sinh viên cho biết điều làm sinh viên thích nhất là giảng viên người Hàn Quốc đang giảng dạy tại các trường đại học của Hàn Quốc trực tiếp giảng dạy. Kế đến là sự hào hứng vì được trải nghiệm hình thức học tập hiện đại với 68.8% sinh viên trả lời. Thứ ba là nội dung môn học hay, kiến thức cập nhật với tỉ lệ 62.5%. Kết quả khảo sát này không nằm ngoài dự đoán khi triển khai dạy - học theo hình thức E-learning tại khoa Hàn Quốc học.

Một hiệu quả lý thuyết luôn được đề cao của E-learning là khuyến khích khả năng tự học tại nhà, tính học tập chủ động của người học. Tuy nhiên khi được hỏi bạn có tự học ở nhà và chuẩn bị bài trước khi đến lớp hay không thì chỉ có 56.3% sinh viên trả lời có, 43.8% sinh viên trả lời không. Tỉ lệ chỉ hơn một nửa sinh viên tự học tại nhà và chuẩn bị bài trước khi đến

lớp phản ánh sinh viên còn khá thụ động, thiếu tính độc lập và chủ động trong học tập. Đây là một kết quả cần cải thiện trong tương lai. Giải pháp được đề xuất là áp dụng phương thức lớp học đảo ngược, khuyến khích sinh viên tự học tại nhà trước khi đến lớp, giúp cho việc hiểu bài giảng trên lớp tốt hơn. Ngoài ra, khi áp dụng phương thức lớp học nghịch đảo [7], thay vì nghe giảng nhiều, sinh viên được thực hành nhiều hơn cũng hạn chế được phần nào lỗi đường truyền internet không đảm bảo làm gián đoạn lớp học trực tuyến.

Một hiệu quả khác về mặt lý thuyết của E-learning là tạo hứng thú cho người học. Khi được hỏi sinh viên có hứng thú với hình thức đào tạo E-learning hiện tại hay không, kết quả khảo sát thực tế khá bất ngờ khi 31.3% sinh viên được hỏi tỏ ra không mấy hứng thú hoặc hoàn toàn không hứng thú với mô hình đào tạo hiện đại này. Chỉ 31.3% sinh viên có phản hồi tích cực, cho biết khá hứng thú với mô hình E-learning; còn lại 37.5% cho là bình thường. Như vậy, xét về mức độ hấp dẫn, lôi cuốn, mô hình tổ chức E-learning hiện tại chưa tạo được sức hút lớn đối với sinh viên. Qua phỏng vấn sâu, sinh viên cho biết hình thức dạy - học E-learning hiện tại chỉ bổ sung các tiết học trực tuyến qua hình thức truyền hình hội nghị, đường truyền internet lại không ổn định ảnh hưởng hiệu quả môn học. Mô hình này cũng không tiện lợi cho người học, người học vẫn phải đến lớp học tập trung, chưa chủ động được thời gian học. Mô hình cũng không có các ứng dụng để theo dõi tình hình học tập, các trò chơi tương tác nên nhìn chung cách tổ chức dạy - học không khác mấy so với hình thức dạy - học giáp mặt truyền thống, thậm chí hiệu

quả tiếp thu còn thấp do ảnh hưởng bởi chất lượng internet và âm thanh, hình ảnh cuộc gọi.

Khi được hỏi điều gì làm bạn cảm thấy bất tiện khi học theo mô hình E-learning, đa phần các ý kiến thiên về *hạ tầng truyền thông - mạng*, phòng học không đảm bảo. Trong đó tỉ lệ cao nhất là 87.5% cho rằng internet là yếu tố bất tiện, làm ảnh hưởng nhất đến hiệu quả học tập. Thứ hai là yếu tố *hạ tầng phần mềm*, 62.5% sinh viên thấy bất tiện khi thiếu ứng dụng và phần mềm quản lý lớp học. Về hình thức tổ chức lớp học, 43.8% sinh viên cảm thấy bất tiện khi học trực tuyến đồng thời với trường khác, do đối tượng học có trình độ tiếng Hàn khác nhau, nói mạng kém ổn định gây mất thời gian trên lớp. Ngoài ra khoảng 1/3 số sinh viên cảm thấy bất tiện khi học E-learning là do các yếu tố cá nhân như thời gian, địa điểm môn học, không có hứng thú với môn học hay năng lực tiếng Hàn của bản thân. Yếu tố *hạ tầng nội dung* có tỉ lệ gây bất tiện thấp nhất.

Khi được hỏi về mức độ cần thiết tạo một kênh tương tác chung cho giảng viên và tất cả sinh viên để có thể chia sẻ tài liệu, làm bài tập, nhắn tin trao đổi, thảo luận, giải đáp thắc mắc,... thì 87.5% sinh viên đánh giá là cần thiết. Trong đó, 50% sinh viên cho là rất cần thiết, 37.5% trả lời khá cần thiết. Kết quả khảo sát cho thấy tuy có lợi thế đơn giản, dễ áp dụng do không sử dụng phần mềm quản lý lớp học và phân phối nội dung giảng dạy như các hệ thống E-learning phổ biến hiện nay, nhưng hệ thống hiện tại thiếu chức năng tương tác, nhắn tin, thảo luận trực tuyến giữa giảng viên - sinh viên và giữa sinh viên với nhau.

Một cách tổng thể, kết quả khảo sát người học đánh giá chung về hiệu quả của mô hình E-learning, 37.5% sinh viên cho rằng hiệu quả tạm chấp nhận được; 18.8% phản hồi là hiệu quả khá tốt; 12.5% đánh giá hiệu quả rất tốt. Như vậy với 68.8% người học đánh giá mô hình E-learning có hiệu quả, tỉ lệ này tuy chưa thật cao nhưng cũng phản ánh phần nào hiệu quả bước đầu của việc áp dụng giảng dạy theo mô hình hợp tác bán hiện đại này.

4. Kết luận và kiến nghị

Mô hình E-learning áp dụng tại khoa Hàn Quốc học có thể gọi là mô hình dạy - học E-learning bán hiện đại. Hiệu quả về mặt nội dung có thể nói là thành công lớn nhất của chương trình E-learning. Đa số sinh viên hài lòng về kiến thức, kỹ năng đạt được. Tuy nhiên, mô hình E-learning hiện tại còn thể hiện những vấn đề bất cập về cơ sở hạ tầng phòng học. Đường truyền internet là một trong những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến chất lượng lớp học. Cách tổ chức lớp học, theo sinh viên viên đánh giá hình thức e-learning cũng chưa thực sự tạo được hứng thú, sự tiện lợi và tạo tính chủ động tự học cho sinh viên. Đồng thời kênh liên lạc, trao đổi giữa giảng viên - sinh viên và giữa sinh viên - sinh viên còn thiếu và chưa phát huy hiệu quả tốt. Đó là những điểm chương trình cần cải thiện hơn nữa.

Giải pháp sử dụng phần mềm hỗ trợ truyền hình hội nghị có thể là phương án khả thi hiện tại, ít tốn kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng nhưng lâu dài vẫn cần sự đầu tư nghiêm túc, đồng bộ. Mô hình lớp học đảo ngược là hình thức đề xuất để tăng tinh thần tự học của sinh viên.

Đề hướng tới một mô hình học tập E-learning hiện đại, tận dụng được ưu thế sử dụng công nghệ của E-learning trong giảng dạy, tính tiện lợi - cơ động về thời gian và địa điểm, tính chủ động của người học thì cần có sự đầu tư đồng bộ cả về cơ sở hạ tầng truyền thông - mạng, hạ tầng phần mềm quản lý nội dung giảng dạy và người học và hạ tầng nội dung. E-learning đem lại cơ hội cũng như thách thức trong việc hiện đại hóa môi trường giáo dục, thay đổi cả phương pháp dạy - học lẫn tư duy của người dạy cũng như người học. Sự đáp ứng về mặt cơ sở hạ tầng - công nghệ là yếu tố quan trọng, nhưng tâm thế sẵn sàng chấp nhận thách thức và thay đổi của nhà trường, của đội ngũ giảng viên và sinh viên đối với mô hình E-learning mới là yếu tố tiên quyết để từng bước áp dụng hình thức dạy - học hiện đại này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Atkins, S.S. (2016). *The 2016-2021 worldwide self-paced E-learning market: Global E-learning market in steep decline*. Ambient Insight.
2. Trịnh Văn Biều, *Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến (E-learning)*, Tạp chí khoa học đại học Sư Phạm Tp. HCM, số 40/2012, tr.86.
3. Docebo (2014), *E-learning market trends & forecast 2014 - 2016 Report*.
4. Trần Thanh Điện và Nguyễn Thái Nghe, *Các mô hình E-learning hỗ trợ dạy và học*, Tạp chí khoa học trường đại học Cần Thơ, số chuyên đề: Công nghệ thông tin (2017): 103-111.
5. *E-learning: Concepts, trends and applications*'. (2014), California: Epignosis LLC.

6. Đậu Thị Lê Hiếu, *Nguyên tắc và xu thế phát triển công nghệ E-learning thế giới và bài học kinh nghiệm cho giáo dục đại học tại Việt Nam*. Website:

<http://www.hdiu.edu.vn/home/tin-tuc/Nghien-cuu-Nguyen-tac-va-xu-the-phat-trien-cong-nghe-Elearning-the-gioi-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-giao-duc-dai-hoc-tai-Viet-Nam-1020>

7. Bùi Văn Hồng, Lê Văn Ngọc (2018), *Giải pháp phát triển dạy học số theo mô hình Blended learning tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp*, Tạp chí Giáo dục Nghề nghiệp, số 62/2018, tr.43.

8. Moore, M. G. & Thompson, M.M. (1990), *The effects of distance learning: A summary of the literature*. Research Monograph No. 2. University Park, The Pennsylvania State University, American Center for the Study of Distance Education (ED 330 321).

9. Trần Minh Tâm, *Tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí khoa học đại học Văn Lang, số 06/2017, tr.35.

10. Phan Chí Thành, 2018, *Cách mạng công nghiệp 4.0 - xu thế phát triển của giáo dục trực tuyến*, Tạp chí Giáo dục, Số 421 (Kì 1 - 1/2018), tr 43-46; 19.

11. Tổ hợp giáo dục TOPICA. Website: <http://eldata2.neu.topica.vn/ICT101/01.NewVersion/Giaotrich/03.NEU ICT101 Bai3 v1.0 015101220.pdf>

12. *Giáo dục trực tuyến học được gì từ Video game?* Website: <https://vnexpress.net/giao-duc/giao-duc-truc-tuyen-hoc-duoc-gi-tu-video-game-3801161.html>, đăng ngày 31/8/2018.

Abstract

Nowadays, E-learning is becoming an indispensable development trend. At Department of Korean Studies, University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University Ho Chi Minh City, E-learning has been operated since 2015 under the "KF Global e-School Program". This research papers presents specific E-learning systems in the Faculty of Korean Studies, how to proceed, infrastructure requirements, analysis of the advantages-disadvantages of the model and evaluation of the effectiveness of the system. The study uses the results of the student survey to assess the training effectiveness, strengths and weaknesses of the E-learning model. Research results show that students are satisfied with the instructional content, knowledge, and skills obtained through their course. E-Learning is a good solution to address the lack of human resources able to teach specialized subjects in the sphere of Korean studies and Korean language proper. Facilities, teaching methods, communication channels between the lecturer and the student,... should be further improved to boost the quality of teaching and learning according to this modern model.

Key words: E-learning, Blended learning

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NÂNG CAO TÍNH ỨNG DỤNG THỰC TIỄN CỦA CÁC ĐỀ TÀI CHUYÊN NGÀNH HÀN QUỐC HỌC

Trần Phương Anh - Trần Huyền Trang*

Tóm tắt

Bài viết này bước đầu giới thiệu khái quát về tình hình nghiên cứu những đề tài về Hàn Quốc học của sinh viên Khoa Hàn Quốc học Trường ĐHKHXHNV TPHCM từ khoá 2013 đến khoá 2016, chỉ ra một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học; đồng thời đề ra một số phương hướng nhằm nâng cao tính ứng dụng thực tiễn cho những đề tài thuộc chuyên ngành này.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học, Khoa Hàn Quốc học, Đề tài nghiên cứu khoa học

Mở đầu

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của trường đại học là đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH), trong đó hoạt động NCKH sinh viên có vai trò quan trọng trong đánh giá hiệu quả, chất lượng đào tạo của trường. Tại trường ĐHKHXHNV TPHCM trong những năm gần đây, hoạt động NCKH của sinh viên được nhà trường chú trọng. Sinh viên trường ĐHKHXHNV TPHCM đã đạt được nhiều thành tích đáng kể trong phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên quan tâm đến NCKH còn thấp, nhiều sinh viên mặc dù tham gia NCKH nhưng còn thụ động. Với trường hợp khoa Hàn Quốc học, số lượng sinh viên đăng kí nghiên cứu khoa học cấp khoa, cấp trường hàng năm cũng còn rất ít, chất lượng công trình nghiên cứu không cao. Thực tế cho thấy chưa có nhiều sinh viên khoa Hàn Quốc học thật sự say mê với hoạt động NCKH.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả xin được trình bày về tình hình NCKH, tập trung vào những đề tài niên luận của sinh viên khoa Hàn Quốc học từ khoá 2013 tới nay, sau đó đề xuất một số giải pháp để thu hút, nâng cao chất lượng và tính ứng dụng thực tiễn của các đề tài

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

ngiên cứu về ngành Hàn Quốc học với hy vọng số lượng sinh viên tham gia NCKH ngày một nhiều hơn và chất lượng đề tài tốt hơn.

1. Giới thiệu khái quát về NCKH sinh viên và việc viết niên luận của sinh viên khoa Hàn Quốc học

Vì số lượng sinh viên khoa Hàn Quốc học tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường không nhiều, cụ thể: năm 2013 tới 2015 không có sinh viên nào đăng kí, 5 đề tài (năm 2016), 2 đề tài (năm 2017) và 3 đề tài (năm 2019) nên trong bài nghiên cứu này nhóm tác giả chỉ tập trung nhận xét, đánh giá tình hình NCKH thể hiện qua việc viết niên luận của sinh viên.

Theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, niên luận dành cho sinh viên khoa Hàn Quốc học sẽ thực hiện vào học kì 6 (năm 3) và được tính hai tín chỉ. Các em sinh viên sẽ lựa chọn đề tài mình quan tâm trong số các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, lịch sử,...liên quan tới Hàn Quốc, nộp lại cho khoa để từ đó khoa phân công giảng viên hướng dẫn đúng với lĩnh vực, chuyên ngành đó. Thường một giảng viên hướng dẫn từ 5-6 sinh viên. Thời gian cho mỗi niên luận là khoảng 2 tháng. Kết quả nghiên cứu sau thời gian này là niên luận có độ dài từ 30 đến 50 trang A4. Cách thức chấm điểm cho từng bài niên luận dựa trên các tiêu chí như: nội dung nghiên cứu có chất lượng, tính ứng dụng thực tiễn của nghiên cứu, cách thức trình bày, đảm bảo thời gian quy định, tuân theo đúng chỉ dẫn của giảng viên hướng dẫn...

2. Tình hình viết niên luận của sinh viên khoa Hàn Quốc học từ khoá 2013 tới nay

2.1. Về số lượng

Từ sinh viên khoá 2013 trở lại đây, mỗi năm sinh viên khoa Hàn Quốc học (học kỳ 7) đều tiến hành viết niên luận, và mang về điểm số tương ứng với một môn học 2 tín chỉ. Trung bình mỗi năm số lượng niên luận sẽ tương ứng với số sinh viên năm 4 đang theo học tại học kỳ đó, bao gồm cả những sinh viên đăng ký học lại.

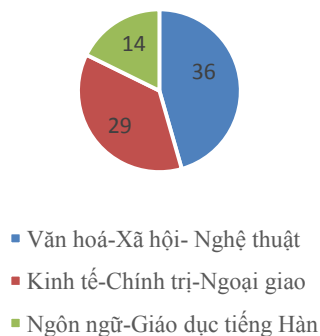
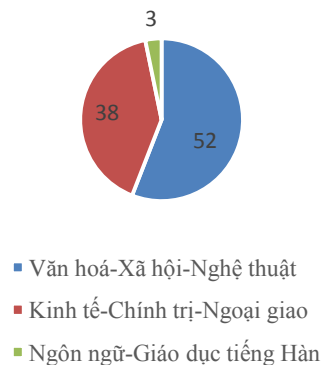
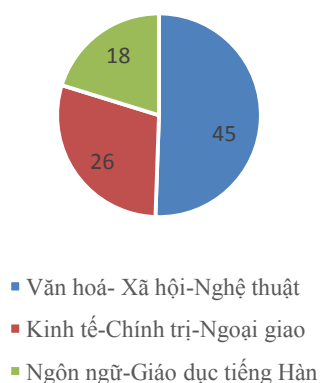
	Khoá 2013	Khoá 2014	Khoá 2015
Số sinh viên đăng ký	79	96	90
Số niên luận thực tế	79	96	89

Bảng 1: Số lượng niên luận hàng năm của Khoa Hàn Quốc học từ khoá 2013

2.2. Về đề tài niên luận

Thông thường sinh viên tự chọn đề tài niên luận của mình. Những đề tài này sẽ được chia nhỏ thành 3 nhóm: (1) Ngôn ngữ-Giáo dục tiếng Hàn, (2) Văn hoá-xã hội-nghệ thuật, (3) Kinh tế- chính trị-ngoại giao. Kể từ khoá 2015, khi khoa Hàn Quốc học thực hiện phân chia 3 chuyên ngành theo 3 nhóm trên, sinh viên có thể lựa chọn đề tài đúng với chuyên ngành của mình, và tìm được giảng viên hướng dẫn phù hợp.

Đề tài niên luận thuộc lĩnh vực Văn hoá-Xã hội-Nghệ thuật luôn được nhiều sinh viên lựa chọn nhất, và ít nhất là lĩnh vực ngôn ngữ - giáo dục tiếng Hàn.

Tỷ lệ nhóm đề tài niên luận
của sinh viên khoá 2013Tỷ lệ nhóm đề tài niên luận
của sinh viên khoá 2014Tỷ lệ nhóm đề tài niên luận của
sinh viên khoá 2015

Biểu đồ: Thống kê đề tài niên luận của sinh viên theo các nhóm ngành từ khoá 2013 đến khoá 2015

Theo thống kê đề tài niên luận của sinh viên trong 3 khoá gần đây, sinh viên thường ưu tiên lựa chọn đề tài thuộc nhóm Văn hoá - Xã hội - Nghệ thuật, tỉ lệ qua các năm của đề tài này lần lượt là 45.5%, 54% và 50.5%. Cũng không khó lý giải cho kết quả này, vì những đề tài thuộc nhóm chuyên ngành này rất rộng, dễ tiếp cận từ nhiều nguồn thông tin tổng hợp. Ngược lại, những vấn đề liên quan tới

ngôn ngữ hay giáo dục tiếng Hàn, lượng sinh viên tiến hành nghiên cứu lại rất ít. Đặc biệt khoá 2014 chỉ có 3 đề tài thuộc nhóm chuyên ngành này.

Thông thường khi sinh viên tới thời gian thực hiện nghiên cứu khoa học các bạn thường không tìm hiểu kỹ nguồn tư liệu trước khi viết bài. Rất nhiều tên đề tài, hoặc là đề tài rất cũ, không có đóng góp hay xây dựng gì mới; hoặc là đề tài

quá rộng, khi triển khai nội dung sẽ rất hoang mang vì không biết bắt đầu từ đâu... Ví dụ về chủ đề liên quan tới Kinh tế Hàn Quốc, gần như mỗi năm đều thấy những đề tài viết về Chaebol, như ‘*Sự ảnh hưởng của các chaebol đến nền kinh tế Hàn Quốc*’(khoá 2013); ‘*Vai trò của truyền thông và cách xử lý khủng hoảng truyền thông từ Chaebol*’, ‘*Mô hình tập đoàn kinh tế Chaebol và thách thức đối với Hàn Quốc*’ (khoá 2014)... Có thể

khẳng định những nghiên cứu này không có tính thực tiễn, nó chỉ giống như một sự tổng hợp/ sao chép kiến thức của những nghiên cứu trước đó.

Gần đây, một số đề tài được nhiều sinh viên quan tâm như Hallyu, K-pop, công nghiệp mỹ phẩm Hàn Quốc, Du lịch... đã xuất hiện khá nhiều trong những nghiên cứu khoa học của các bạn. Một số tên đề tài thuộc các lĩnh vực này có thể thấy qua bảng thống kê sau.

Khoá 2013	Khoá 2014	Khoá 2015
- Ngành công nghiệp mỹ phẩm Hàn Quốc tại thị trường Việt Nam - Ảnh hưởng của ngành mỹ phẩm lên nền kinh tế Hàn Quốc - Sức hút của mỹ phẩm Hàn Quốc tại thị trường Việt Nam (khu vực TPHCM)	- Sự phát triển ngành công nghiệp mỹ phẩm Hàn Quốc giai đoạn từ năm 2011 đến nay	
Sự phát triển của ngành công nghiệp phẫu thuật thẩm mỹ ở Hàn Quốc.	- Chủ nghĩa xem trọng ngoại hình và vấn nạn phẫu thuật thẩm mỹ ở Hàn Quốc - Sự phát triển của ngành công nghiệp phẫu thuật thẩm mỹ ở Hàn Quốc và sức ảnh hưởng của nó đến Việt Nam và thế giới	
- Sự phát triển du lịch ở đảo Jeju và bài học cho du lịch Việt Nam - Chính sách thu hút khách du lịch quốc tế của Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	- Du lịch đảo Jeju trong tổng quan du lịch Hàn Quốc	- Hiện trạng phát triển du lịch của Hàn Quốc từ năm 1950 đến nay
- Tổng quan Hallyu và sự ảnh hưởng đến giới trẻ hiện nay - Truyền thông Hàn Quốc trong quá trình quảng bá Hallyu - Thương mại hóa Hallyu - Vai trò của Hàn lưu trong việc truyền bá văn hoá Hàn Quốc đến khu vực châu Á	- Tiềm năng phát triển của Hallyu ở Việt Nam - Thực trạng và tầm ảnh hưởng của nền công nghiệp giải trí K-pop đến sự phát triển của nền kinh tế Hàn Quốc	- Sự phát triển của Hàn Lưu và Kpop tại thị trường Trung Quốc qua các thời kỳ (1990s - 2010s) - K-Pop sự vươn ra toàn cầu của ngành âm nhạc Hàn Quốc từ năm 2011 đến nay
Saemaul undong và Việt Nam	Cuộc vận động Nông thôn mới (새마을 운동) của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng diện mạo mới cho nông thôn	Ảnh hưởng của phong trào Làng mới (Saemaul Undong) đến kinh tế Hàn Quốc - So sánh với phong trào Nông thôn mới của Việt Nam

Bảng 2: Danh sách một số tên đề tài giống nhau qua các năm

Ngoài những đề tài trùng lặp qua các năm, nhiều sinh viên chưa thực sự nhận thức được phạm vi nghiên cứu là gì, và lựa chọn đề tài rất rộng. Ví dụ: *Văn hoá ẩm thực Hàn Quốc* (niên luận của sinh viên khoá 2013 và 2014), *Mối quan hệ ngoại giao giữa Hàn Quốc và Việt Nam* (niên luận của sinh viên khoá 2013),... Ngoài ra cách đặt tên một số đề tài mang đậm ngôn ngữ báo chí hiện đại, như *Hàn Quốc, xứ sở nhân sâm- tặng phẩm của trời đất* (niên luận của sinh viên khoá 2013), *Trầm cảm- Căn bệnh thế kỷ của Hàn Quốc* (niên luận của sinh viên khoá 2014)...

2.3. Một số lỗi sai thường gặp khi viết niên luận của sinh viên

2.3.1. Những lỗi sai về hình thức

Trong quá trình phân tích và tổng hợp những niên luận của sinh viên 3 khoá gần đây, nhóm tác giả nhận thấy lỗi sai thường gặp nhất là những lỗi sai về chính tả, căn lề, thiếu kỹ năng sắp xếp tư liệu tham khảo và mục lục. Ngoài ra ngôn ngữ báo chí hiện đại được cắt-dán một cách tùy tiện từ nhiều nguồn tư liệu báo mạng khiến văn phong của niên luận thiếu tính khoa học, tính chính xác. Việc sắp xếp tài liệu tham khảo không theo thứ tự bảng chữ cái, tài liệu tham khảo không được sắp xếp đúng thể loại... cũng là lỗi thường gặp trong các bài niên luận.

2.3.2. Những lỗi sai chủ yếu về nội dung

Một trong số những lỗi điển hình về nội dung đó là việc tổng hợp nguồn từ những tài liệu không chính thống (báo mạng, wikipedia...) dẫn đến nhiều kiến thức thiếu tính khoa học, logic không chặt chẽ, không chính xác. Đặc biệt nhiều định nghĩa chuyên ngành cũng được sao chép từ wikipedia, và sinh viên vẫn nhận thức

đó là “tư điển bách khoa” đáng tin cậy. Ngoài công cụ hỗ trợ đắc lực là google search, sinh viên rất ít tìm đến nguồn tài liệu từ thư viện, sách/ tập san nghiên cứu chuyên ngành. Phần lớn trong danh mục tài liệu tham khảo là những trang web giải trí, tin tức thời sự, tư liệu chuyên ngành (nếu có) đa phần là tiếng Việt, ít tài liệu tiếng Hàn hoặc Anh.

Phần cơ sở lý luận (lịch sử nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu...) nằm ở chương đầu tiên, thường được sao chép nhiều nhất, từ niên luận các năm trước, hoặc từ những bài báo nghiên cứu trước đó.

3. Phương hướng nâng cao chất lượng NCKH của sinh viên khoa Hàn Quốc học

3.1. Về phía nhà trường và giảng viên

3.1.1. Đưa các môn về kỹ năng nghiên cứu khoa học với nội dung cập nhật vào giảng dạy, cải tiến chương trình học để mang tính ứng dụng thực tiễn

Hiện nay trong chương trình đào tạo của khoa Hàn Quốc học, môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, với thời lượng 45 tiết. Tuy nhiên giáo trình cũng như nội dung giảng dạy đã quá cũ, không được cập nhật nhiều khiến cho sinh viên cảm thấy môn học nhàm chán, không thiết thực. Ngay khi Khoa Hàn Quốc học thành lập và chia tách thành ba bộ môn trực thuộc (năm 2016) là: bộ môn Văn hoá xã hội Hàn Quốc, bộ môn Ngữ văn Hàn Quốc, bộ môn Kinh tế - chính trị - ngoại giao, thì trong chương trình đào tạo lần đầu tiên đã đưa vào thêm ba môn học về phương pháp nghiên cứu chuyên ngành của mỗi bộ môn, tuy nhiên chỉ thực hiện được một học kì do thiếu giảng viên giảng dạy.

3.1.2. Kết hợp với viện nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp Hàn Quốc tổ chức nhiều buổi hội thảo, tọa đàm giúp ích tới việc NCKH của sinh viên

Hiện nay các buổi hội thảo thường niên do khoa Hàn Quốc học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức thường được phối hợp cùng Quỹ Giao lưu quốc tế Hàn Quốc (Korea Foudation), Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học trung ương (AKS), Hội nghiên cứu Hàn Quốc học khu vực Đông Nam Á (KOSASA).. nhưng chỉ dừng lại với sự tham gia của giảng viên chứ phần lớn không thu hút được sinh viên do mang tính học thuật cao. Khoa cần tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên những phương pháp học tập hiện đại, xây dựng thái độ học tập, nghiên cứu đúng đắn, kết hợp với việc giao lưu giữa sinh viên với học giả thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học, từ đó thấp sáng ước mơ, hoài bão với NCKH.

3.1.3. Bổ sung, nâng cấp nguồn tài liệu phục vụ viết niên luận/ NCKH

Tìm kiếm tài liệu tham khảo chính là trở ngại lớn nhất mà sinh viên gặp phải. Giảng viên cần hướng dẫn cụ thể cho sinh viên các nguồn tài liệu tham khảo chính thống từ nước ngoài, cách đăng nhập, tìm kiếm hiệu quả. Thêm vào đó nguồn tài liệu trong nước có thể được bổ sung thông qua việc thành lập các dự án dịch sách chuyên ngành, dịch tạp chí nghiên cứu khoa học nước ngoài định kỳ...

3.1.4. Chính sách khuyến khích, khen thưởng thỏa đáng

Chúng ta nên có các biện pháp khuyến khích nhiều hơn nữa sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Nếu có bài được đăng nhiều lần trên tạp chí khoa học

có thể xem xét sinh viên đó hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

3.2. Về phía sinh viên

3.2.1. Nâng cao trình độ ngoại ngữ

Ngoại ngữ là công cụ không thể thiếu cho quá trình học tập, NCKH, giúp sinh viên tiếp cận các nền giáo dục, khoa học tiên tiến. Qua thực tế giảng dạy sinh viên khoa Hàn Quốc học, nhóm tác giả nhận thấy các em sinh viên năm 4 khi bắt đầu viết niên luận vẫn mang khả năng đọc hiểu ngoại ngữ là tiếng Hàn chưa cao, hầu như chỉ tham khảo tài liệu bằng tiếng Việt. Điều này cản trở lớn tới việc tiếp cận tới nguồn tài liệu vô cùng quý giá từ đất nước mà các em đang nghiên cứu.

3.2.2. Cần chủ động, tích cực hơn nữa trong NCKH

Bản thân mỗi sinh viên cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc lên kế hoạch học tập và nghiên cứu. Trước khi bắt đầu viết niên luận thì từ năm thứ nhất các em nên xác định mục tiêu rõ ràng, tìm hiểu và lựa chọn cho mình một phương pháp học tập, nghiên cứu hiệu quả, phù hợp.

Lời kết

Mỗi bài niên luận của sinh viên là kết quả nghiên cứu khoa học nghiêm túc của sinh viên và cả giảng viên hướng dẫn. Ở bậc đại học, NCKH của sinh viên không đòi hỏi kết quả nghiên cứu phải cao siêu có tầm vóc. Mục tiêu chính là lấp đầy những kiến thức chuyên ngành còn thiếu hụt, trang bị cho sinh viên các kỹ năng (như kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý số liệu, làm việc nhóm...) giúp hỗ trợ cho hoạt động học tập hay làm việc sau này. Do đó mỗi giảng viên cũng như sinh viên cần ý thức vai trò của NCKH và cùng hỗ trợ, đưa ra giải pháp để hoạt động nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực nhất.

Abstract**AN OVERVIEW OF RESEARCHING OF STUDENTS AT KOREAN STUDIES DEPARMENTS IN HO CHI MINH UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCE AND HUMANITIES**

The purpose of this paper is to introduce an overview of researching of student at Korean Studies deparments in Ho Chi Minh University of Social Science and Humanities since class of 2013. Exhibiting outcomes and various difficulties that students might encounter during their research work, this paper also recommends some sort of solutions

with the aim to improve practical application for topics in Major of Korean studies. These researching activities are going to teach students independent researching skills and knowledges. These skills and knowledge are not only helpful for the existing studying but also building the researching background for the students who have plan to pursue higher education level such as Master, PhD degree, etc..

Key words: Researching on Korean Studies of students, topics in Major of Korean studies

(Tiếp theo trang 48)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bang Hei Sook (2007), *A study on Greeting Expression on Korean Language Textbooks and Effective Teaching Methods for Them*, Journal of Korean Language Education, Vol. 18 No. 1, pp.155-185.
2. Hwang Byeong Sun (1999), *A study Korean Greetings*, Korean Language, Vol. 25 No. 1, pp.1-25.
3. Kim Bo In (2006), *Social language Contrast of Korean-Japanese courtesy greeting*, MA thesis, Chungang University.
4. Kim Yei Ji (2011), *A study of greeting and speech act for Korean education, Focusing on Chinese Learners*, MA thesis, Keimyung University.
5. Li Chen (2010), *A study on instruction method of Korean language using drama, Centering on Greeting Expressions*, MA thesis, Hansung University.
6. Mun Keum Hyun (2009), *The types and features of Korean greeting expressions*, International Society of Korean Language and Literature, Vol. 1 No. -, pp.93-122.
7. Yun Sang Ho (2012), *A study on customary greeting of Korean language for foreign learners*, MA thesis, Sejong University.

Abstract**A RESEARCH ON THE USAGE OF CUSTOMARY GREETING FOR KOREAN LANGUAGE EDUCATION**

Greeting is the most basic conduct and an essential factor to keep and consolidate a smooth relationship. It is commonly taught at early stage on language education, and typically limited in formal greetings.

The object of this study is to help the Vietnamese students communicate smoothly in Korean by reducing the linguistic failure of them through looking into the cultural factors and characteristics of usual greetings communicated formally between the native speakers among the variety of Korean greetings and analyzing the using aspect along each situation.

Keyword: communication, greetings, greeting situations, linguistic culture

NGHIÊN CỨU TÍNH ỨNG DỤNG CỦA PHIM TRUYỀN HÌNH HÀN QUỐC TRONG GIÁO DỤC TIẾNG HÀN CHO SINH VIÊN NGÀNH HÀN QUỐC HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Hoàng Tuấn Ngọc*

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tham khảo tài liệu, văn bản trong và ngoài nước có liên quan đến tính ứng dụng của phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn cho sinh viên ngành Hàn Quốc học Trường Đại học Văn Hiến, qua đó nhằm khái quát kết quả của những nghiên cứu trước đây có liên quan đến vấn đề này, định hướng cho việc xây dựng cơ sở lý luận khi nghiên cứu về tính ứng dụng của phim truyền hình trong giáo dục ngôn ngữ. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nghiên cứu nào đưa ra hiệu quả về tính ứng dụng của phim truyền hình Hàn Quốc đối với sinh viên tại các trường đại học Việt Nam. Bài viết dựa trên những chứng cứ khoa học của các nghiên cứu liên quan trong việc ứng dụng phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn, tập trung vào ý nghĩa, giá trị và hiệu quả khi ứng dụng phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn.

Từ khóa: phim truyền hình Hàn Quốc, giáo dục tiếng Hàn, tính ứng dụng

1. Mở đầu

Thực tiễn phát triển của quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trong thời gian qua là kết quả giao lưu tương tác đặc biệt giữa hai nền văn hóa dẫn đến sự gia tăng hợp tác giáo dục và khoa học - công nghệ (Trần Thị Thu Lương, 2016). Thêm vào đó, doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động và sử dụng số lượng lớn lao động người Việt. Như vậy có thể nói, mối quan hệ hai nước ngày càng phát triển trong nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... khiến cho việc giáo dục ngôn ngữ Hàn Quốc ngày càng được mọi người chú ý và phát triển tại các trường đại học Việt Nam (Kim Jong Suk, 2017).

Ngôn ngữ chính là yếu tố trung gian để chúng ta có thể hiểu rõ hơn về văn hóa, con người ở một đất nước đồng thời cũng hội nhập bản thân mình vào đất nước ấy. Mục đích cuối cùng của người học ngoại ngữ chính là sử dụng một cách tự nhiên, thành thạo ngoại ngữ đó. Theo đó, việc giáo dục ngôn ngữ cho người học như thế nào để đem đến hiệu quả tối ưu là một vấn đề quan trọng (Kim Hyeon Jin, 2016). Theo Nguyễn Thị Lê Na (2014) với nghiên cứu về việc giáo dục tiếng Hàn tại các trường đại học Việt Nam cho thấy thực trạng giảng dạy tiếng Hàn vẫn còn tồn tại những hạn chế, một trong số đó là

*Trường Đại học Văn Hiến

sinh viên đều sử dụng giáo trình đã được xuất bản từ khá lâu, không đa dạng, còn nhiều thiếu sót về nội dung như không mang tính thực tiễn hoặc vẫn chưa được dịch sang tiếng Việt, ảnh hưởng đến động cơ, quá trình học tập của sinh viên.

Giáo dục tiếng Hàn chỉ lấy sách giáo khoa làm trọng tâm và là công cụ giảng dạy chính hiện nay không còn nhận được phản ứng tích cực từ phía người học (Sang Nai Houy, 2018). Chính vì thế, mục đích của nghiên cứu này trình bày về phương án giảng dạy tiếng Hàn thông qua phim truyền hình Hàn Quốc, bên cạnh các phương pháp giảng dạy bằng sách như truyền thống trước đây.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa của việc ứng dụng phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn

Hiện nay có nhiều nghiên cứu về tính ứng dụng của phương tiện truyền thông trong giáo dục. Trước năm 2010 chưa có nhiều các nghiên cứu về ứng dụng phim truyền hình trong giảng dạy tiếng Hàn. Tuy nhiên, từ năm 2010 nhiều nhà nghiên cứu tại Hàn Quốc như Bae Hong (2010); Jeong Se Ran (2012); Hu Jing (2012); An Rue (2013); Wang

Dan Hoa (2015) đã nhìn thấy ý nghĩa mang tính giáo dục trong các bộ phim truyền hình và tính ứng dụng hiệu quả của nó trong giảng dạy tiếng Hàn, nhằm thay thế cho những phương pháp giảng dạy bằng sách giáo khoa như trước đây. Còn tại Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có những nghiên cứu về tính ứng dụng của phim truyền hình Hàn Quốc trong thực tiễn giảng dạy.

Tuy nhiên, việc ứng dụng phim truyền hình trong thực tiễn giảng dạy tiếng Hàn còn nhiều những hạn chế như thời gian của buổi học không đủ để trình chiếu hết nội dung của một tập phim truyền hình. Nội dung phim rời rạc không tập trung vào mục tiêu của bài học. Chính vì thế phim truyền hình sử dụng trong giảng dạy phải được học liệu hóa trước khi ứng dụng vào trong hoạt động giảng dạy. Kim Young Hui (2006) nhận thấy tầm quan trọng của việc lựa chọn nội dung và chủ đề của phim truyền hình sao cho phù hợp với mục tiêu và nội dung của bài học. Ngoài ra, giảng viên không nên sử dụng những phim truyền hình với nội dung gây phấn khích hoặc nhạy cảm. Sau đây là tiêu chuẩn trong lựa chọn phim truyền hình trong giảng dạy.

Bảng 2.1: Tiêu chuẩn lựa chọn phim truyền hình

Hạng mục	Hiệu quả mang tính giáo dục
Người học	Nội dung phim phải phù hợp với năng lực của người học
Ngôn ngữ	Mức độ sử dụng tiếng địa phương và lời nói thông tục phải được hạn chế
Nội dung	Bối cảnh của các nhân vật trong phim Mức độ phù hợp của nội dung theo giá trị quan của đạo diễn Tính phù hợp của nội dung trong cách thể hiện tình cảm
Nhịp độ phim	Tốc độ khi xảy ra tình huống trong phim và kết cấu nội dung của phim

Nguồn: Kim Young Hui (2006)

2.2. Đặc điểm của phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn

Trong những phương tiện truyền thông đại chúng nghiên cứu lần này chọn phim truyền hình như tài liệu trong giảng dạy vì những đặc điểm như sau: *Thứ nhất*, phim truyền hình sử dụng ngôn ngữ sống động và đưa ra những tình huống ngôn ngữ thực tiễn dựa trên bối cảnh môi trường xã hội lúc bấy giờ. *Thứ hai*, phim truyền hình cho thấy yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong tình huống. *Thứ ba*, nội dung và cách sử dụng ngôn từ mang tính phổ quát và đặc trưng văn hóa quốc gia nên người học sẽ hiểu và nhận thức được một cách tự nhiên. *Thứ tư*, phim truyền hình có thể làm tăng khả năng tập trung và hứng thú của người học (Wang Dan Hoa, 2015).

2.3. Giá trị của phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn

Khi phim truyền hình được ứng dụng vào giảng dạy tiếng Hàn sẽ có những giá trị mang tính giáo dục như: *Thứ nhất*, tính kinh tế. Chi phí trong việc ứng dụng phim truyền hình trong giảng dạy sẽ tiết kiệm hơn khi sử dụng giáo trình. Đặc biệt đối với người học khó khăn về mặt kinh tế vẫn có thể tiếp cận, sử dụng được. *Thứ hai*, tính tiện lợi. Giáo dục tiếng Hàn thông qua phim truyền hình không giới hạn về mặt thời gian, không gian cho người học vì có thể xem qua internet hoặc điện thoại. *Thứ ba*, tính thực tế. Người học có thể trải nghiệm một cách gián tiếp văn hóa Hàn Quốc và lĩnh hội tiếng hàn bằng nhiều phương thức đa dạng của những mẫu chuyện cụ thể thực tế. *Thứ tư*, nâng cao khả năng giao tiếp. Thông qua phim truyền hình người học có thể nhận thấy những yếu tố phi ngôn ngữ, ngôn ngữ, văn hóa qua đó góp phần nâng cao

khả năng tư duy, chấp nhận cũng như giải quyết vấn đề (Kim Yang Sun, 2014).

2.4. Thực trạng giảng dạy tiếng Hàn tại Trường Đại học Văn Hiến

Bộ môn Hàn Quốc học bắt đầu tại trường đại học Văn Hiến năm 2007, sử dụng các giáo trình như Yeonse, Kyunghee, Sung Kyung Kwan và gần đây là Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam. Tất cả giáo trình sử dụng hiện nay tại trường đều do các cơ quan giáo dục Hàn Quốc xuất bản. Việc sử dụng giáo trình cũ và không cập nhật các ấn bản mới nên thông tin về xã hội Hàn Quốc bị thiếu, sự thay đổi từ vựng trong cuộc sống cũng không được cập nhật cho người học. Chính vì thế, giáo dục tiếng Hàn cần có hệ thống giáo trình mới.

3. Phương pháp nghiên cứu và cách xử lý dữ liệu

Phương pháp sử dụng trong nghiên cứu gồm phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Nội dung bảng hỏi được thiết kế gồm 7 nội dung chính: động cơ học tiếng Hàn, lĩnh vực quan trọng và khó khăn trong tiếng Hàn, mức độ quan tâm giáo trình hiện nay, tính cần thiết và ưu điểm khi sử dụng phim truyền hình trong giảng dạy tiếng Hàn. Số lượng mẫu nghiên cứu được tiến hành khảo sát là 150 sinh viên ngành Hàn Quốc học Trường Đại học Văn Hiến.

4. Kết quả nghiên cứu tính ứng dụng phim truyền hình Hàn Quốc trong giảng dạy

Bảng 4.1: Động cơ của việc học tiếng Hàn

Nội dung	Số sinh viên	%
Công việc	67	44.7
Sở thích	20	13.3
Du học	63	42.0
Cái khác	0	0
Tổng	150	100.0

Kết quả Bảng 4.1 về động cơ của việc học tiếng Hàn cho thấy đa số sinh viên trả lời học để đi làm là nhiều nhất chiếm 44.7%. Hiện nay, tại Việt Nam số lượng công ty Hàn Quốc ngày một gia tăng kéo theo đó là tăng nhu cầu tuyển dụng nhân lực có năng lực tiếng Hàn. Chính vì thế một trong những động cơ chính của sinh viên ngành Hàn Quốc học Trường Đại học Văn Hiến là học để làm việc trong các công ty Hàn Quốc. Chính vì thế, trong nghiên cứu về thiết kế chương trình giáo dục tiếng Hàn cho mục đích làm việc của Kim Jung Suk (2017) đã đề xuất chương trình cải thiện giáo trình cũ, phương pháp giảng dạy truyền thống như thế nào để cho phù hợp với mục đích học để làm việc của sinh viên trong đó tác giả cho rằng cần cập nhật các nội dung thực tế liên quan đến văn hóa công sở của người Hàn Quốc.

Bảng 4.2: Nội dung quan trọng và khó trong tiếng Hàn

Nội dung	Số SV	%	N	%
Nghe	37	24.7	58	38.9
Nói	59	39.3	50	33.5
Đọc	30	20.0	34	22.8
Viết	24	16.0	5	3.4
Tổng	150	100	147	100

Kết quả Bảng 4.2 về nội dung nào quan trọng trong quá trình học tiếng Hàn cho thấy phần lớn các em trả lời là phần nghe và nói nhưng phần nghe và nói lại là hai phần khó nhất trong tiếng Hàn. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Lê Na (2014) với nội dung về thực trạng giáo dục tiếng Hàn tại các trường đại học Việt Nam, tác giả giải thích rằng hiện nay giảng dạy tiếng Hàn không mang tính thực tiễn vẫn coi trọng giáo dục và chưa lấy người học

là trung tâm cùng với việc sử dụng giáo trình cũ không hợp với hoàn cảnh hiện tại nên dù sinh viên đã tốt nghiệp vẫn không thể giao tiếp tốt bằng tiếng Hàn được.

Bảng 4.3: Mức độ quan tâm giáo trình

Nội dung	Số SV	%
Thú vị	10	6.7
Không thú vị	96	64.0
Bình thường	33	22.0
Cái khác	11	7.3
Tổng	150	100

Kết quả Bảng 4.3 về mức độ quan tâm của sinh viên với giáo trình hiện tại, đại đa số các em đều trả lời là không thú vị chiếm 64%. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên với giáo trình là rất thấp. Kết quả nghiên cứu này giống với nghiên cứu của Wang Il Bom (2017) khi nghiên cứu về phương án phát triển kỹ năng nói tiếng Hàn của sinh viên thông qua việc ứng dụng phim truyền hình Hàn Quốc trong giảng dạy. Tác giả cho thấy được mô hình phương pháp giảng dạy mới bằng phim truyền hình, từ đó đem lại hiệu quả tích cực trong thành tích học tập của sinh viên và tăng mức độ hài lòng trong giáo dục tiếng Hàn.

Bảng 4.4: Tính cần thiết của phim truyền hình trong giảng dạy tiếng Hàn

Nội dung	Số SV	%
Rất cần thiết	26	17.3
Cần thiết	73	48.7
Bình thường	50	33.4
Không cần thiết	1	0.7
Tổng	150	100

Kết quả Bảng 4.4 cho thấy tính cần thiết của phim truyền hình trong giảng dạy tiếng Hàn hiện nay theo khảo sát đối với sinh viên chiếm 62%. Kết quả này giống

với nghiên cứu của tác giả Sang Nai Huoy (2018) khi nghiên cứu về phương án ứng dụng phim truyền hình trong giảng dạy tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc đối tượng là sinh viên.

Bảng 4.5: Ưu điểm của phim truyền hình so với giáo trình

Nội dung	Số SV	%
Phát triển nghe nói	57	38.3
Nội dung phong phú	43	28.8
Duy trì động cơ	26	16.8
Cái khác	24	16.1
Tổng	150	100

Kết quả Bảng 4.5 cho thấy ưu điểm của phim truyền hình so với giáo trình truyền thống trong giảng dạy tiếng Hàn sẽ phát huy khả năng nghe nói chiếm 38%, nội dung của phim truyền hình phong phú đa dạng và mang tính thực tiễn hơn so với giáo trình hiện tại chiếm 28.9%, cũng như duy trì động cơ học tập của sinh viên chiếm 16.8%.

5. Kết luận

Từ những kết quả khảo sát, phân tích nêu trên, nghiên cứu cho thấy tính ứng dụng của phim truyền hình Hàn Quốc trong giáo dục tiếng Hàn cho sinh viên Trường Đại học Văn Hiến. Với những kết quả thu được như trên giúp định hướng, giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình giáo dục tiếng Hàn và phần nào cung cấp cho các nhà giáo dục về phương pháp mới trong giảng dạy tiếng Hàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Kim Hyeon Jin, 2016, Nghiên cứu phương án thiết kế phương pháp giảng dạy và giáo dục văn hóa Hàn Quốc bằng chương trình Ti vi, 이중언어학.
- Nguyễn Thị Lê Na, 2014, Analysis of Korean language education status and koreanology in Vietnam university, Seou; Women's University.
- Sang Nai Houy, 2018, A study on Korean Language and Korean Culture Education teaching method by using dramasL focused on intermediate Camnodian learners, Ewha Womans University.
- Bae Hong, 2010, phương án giáo dục tiếng Hàn thông qua các hoạt động diễn kịch từ truyền hình, Học viện giáo dục Trường Giáo dục Hàn Quốc.
- Jeong Se Ran, 2012, Phương án giảng dạy nghe và nói tiếng Hàn sử dụng phương tiện truyền thông, Trường Đại học Jeong Ju.
- Hu Jing, 2012, Nghiên cứu phương án giáo dục năng lực nói tiếng Hàn thông qua phim truyền hình Hàn Quốc, trường Đại học Young Nam.
- An Rue, 2013, Nghiên cứu phương pháp giáo dục nghe và nói tiếng Hàn bằng phim truyền hình. Trường Đại học Kon Yang.
- Wang Dan Hoa, 2015, Nghiên cứu phương pháp giáo dục tiếng Hàn bằng phim truyền hình, Trường Đại học Cong Ju.
- Kim Yang Sun, 2014, A study on Korean Language and culture education by using TV dramas for upper and intermediate and advanced students, Konkuk University.
- Kim Jung Suk, 2017, A study on planning the curriculum of Korean Language education for Occupational Pupose centered at the Korean department of Vietnamese Universities, Chungbuk natoinal university.
- Wang Il Bom, 2017, A study on Korean speaking teaching mehod using drama, Sang Myoeng University.
- Trần Thu Lương, 2016, Đặc trưng văn hóa Việt Nam Hàn Quốc tương đồng và khác biệt, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia.

13. Kim Jong Suk, 2017, Nghiên cứu về thiết kế quá trình giáo dục tiếng Hàn ho mục đích nghề nghiệp, Trường Đại học Chung Buk.
14. Kim Young Hui, 2006, Nghiên cứu kế hoạch ứng dụng phim ảnh trong giáo dục tiếng Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại Ngữ Busan

Abstract

A STUDY ON KOREAN LANGUAGE EDUCATION BY USING KOREAN DRAMAS FOCUSED ON VAN HIEN UNIVERSITY KOREAN LANGUAGE DEPARTMENT STUDENTS

This article was using reference methods of previous studies related to the application of Korean dramas in Korean education for Korean students studying at

Van Hien University in order to generalize the results of the previous studies related to this issue, guide the building of a theoretical basis when studying the applicability of drama in language education. However, there has been no research yet to show the effectiveness of Korean dramas on students at Vietnamese universities. This article is based on the scientific evidence of relevant studies in the application of Korean dramas in Korean language education, focusing on the meaning, value and effectiveness of the application of Korean dramas in Korean education.

Key words: Korean drama, Korean Language Education, Applicability

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HÀN QUỐC Ở HÀ NỘI VÀ SỰ DỊCH CHUYỂN KHÔNG GIAN CƯ TRÚ

Nguyễn Thủy Giang*

Tóm tắt

Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của mối quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc và quá trình mở cửa hội nhập của Việt Nam. Đây là một cộng đồng người nước ngoài có quy mô lớn, có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình phát triển của Việt Nam và quá trình đô thị hoá ở Hà Nội. Bài viết này đề cập đến sự hình thành của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội cùng với sự dịch chuyển không gian cư trú theo từng giai đoạn để từ đây giúp người đọc hình dung được một cách chân thực và rõ nét về sự tồn tại cùng những biến động của cộng đồng này.

Từ khóa: cộng đồng, người Hàn Quốc, không gian cư trú

1. Cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội

Ngày 22/12/ 1992, sau khi mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc được đánh dấu bằng sự kiện hai nước chính thức ký tuyên bố chung thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ và cũng trong ngày này Hàn Quốc đã khai trương Đại sứ quán tại Hà Nội, mối quan hệ giữa hai nước bước sang một trang sử mới. Từ đây, mối quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc

có những bước tiến vượt bậc để từ đó nhiều thành tựu được ghi nhận trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục... mà trong đó việc giao lưu nhân dân cũng đã có những bước phát triển đáng kể.

Với sự phát triển của các phương tiện vận tải hàng không, việc giao lưu qua lại giữa người dân các nước đã trở nên thuận tiện và dễ dàng hơn rất nhiều. Cùng với sự phát triển mối quan hệ giữa hai nước, một bộ phận người Hàn Quốc đã và đang làm việc, sinh sống ở Hà Nội. Từ đây hình thành nên cộng đồng người Hàn Quốc sống ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

Theo số liệu thống kê mới nhất vào năm 2019 về tình hình cư trú bên ngoài quốc gia của Hàn Quốc, hiện nay số lượng người Hàn Quốc được phân bố tại 180 nước với con số là 7.493.000 người. So với số liệu năm 2016 là 7.430.688 thì có sự tăng nhẹ số lượng người Hàn Quốc sinh sống ở các quốc gia khác là 0.85%. Có rất nhiều yếu tố tác động đến sự hình thành của cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng, trong đó có thể kể đến các yếu tố về chính trị, kinh tế.

Về chính trị: ngày 22 tháng 12 năm 1992 là dấu mốc quan trọng trong lịch sử bang giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Vào ngày này Việt Nam và Hàn

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Quốc đã ra Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ. Chưa đầy 20 năm sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, vào tháng 8 năm 2001 hai nước đã nâng cấp quan hệ lên “đối tác toàn diện trong thế kỷ 21” và sau đó tiếp tục nâng cấp thành “Đối tác hợp tác chiến lược” vào tháng 10 năm 2009, khẳng định ý chí và quyết tâm của lãnh đạo cũng như nhân dân 2 nước, đồng thời tạo cơ sở chính trị quan trọng đưa quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc lên một tầm cao mới.

Về kinh tế: trong khoảng những năm từ 1975 đến 1982, Việt Nam và Hàn Quốc đã bắt đầu có quan hệ buôn bán tư nhân qua trung gian. Từ năm 1983 Việt Nam và Hàn Quốc có quan hệ buôn bán trực tiếp và một số quan hệ phi chính phủ. Trong những năm qua Việt Nam và Hàn Quốc đã thể hiện mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp, được vun đắp bằng những hoạt động cụ thể thiết thực về mọi mặt cụ thể như chính trị, kinh tế, hợp tác phát triển, thương mại, du lịch, đầu tư. Hầu hết các tập đoàn lớn của Hàn Quốc như Sam Sung, Hyundai, LG, Posco, SK, Lotte, Kumho, Asiana... đã có mặt tại Việt Nam. Việc các tập đoàn mới có mặt tại Việt Nam kéo theo sự dịch chuyển của một bộ phận người Hàn sang sinh sống và làm việc tại Việt Nam, khiến cho số người Hàn Quốc sống ở Việt tăng dần qua mỗi năm. Theo số liệu thống kê của Hội người Hàn ở Hà Nội vào năm 1992 sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, ngoài các doanh nghiệp lớn ra thì các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã xuất hiện tại Việt Nam, tập trung chủ yếu vào hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1993, sau khi quan hệ

ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc chính thức được thiết lập, tổng thống Kim Young Sam hết sức chú trọng đến việc xây dựng chính sách “Toàn cầu hóa”.

Sự xuất hiện của các tập đoàn, doanh nghiệp, các công ty kéo theo một bộ phận người Hàn sang để quản lý sản xuất, và đi kèm với họ là những người thân trong gia đình cùng theo sang sinh sống là nguyên nhân chính khiến cho cộng đồng người Hàn Quốc ở Việt Nam không ngừng tăng cao.

Căn cứ vào sự tăng lên của số lượng chuyến bay giữa các thành phố của Hàn Quốc và Việt Nam cũng có thể biết được sự gia tăng mạnh mẽ số lượng người Hàn Quốc tại Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng. Mới đây, ngày 2 tháng 10 năm 2019, hãng hàng không Hàn Quốc Korean Air đã tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm chuyến bay đầu tiên từ Incheon tới Hồ Chí Minh. Sau một nửa thập kỷ số lượng các hãng hàng không và các tuyến bay được khai thác mỗi ngày tăng lên và số lượng chuyến bay vận hành từ Hàn Quốc tới các quốc gia trên thế giới thì Việt Nam chỉ đứng sau Trung Quốc. Ngoài một số hãng hàng không lớn như Korean air, Asiana, Việt Nam Airline thì gần đây đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân hai quốc gia rất nhiều hãng hàng không tư nhân đã khai thác các chặng bay giữa các thành phố của hai nước với mức giá phù hợp với nhiều đối tượng. Có thể kể đến Vietjet, Air Busan, T'way Air Co, Jin Air...

2. Sự dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội

Trải qua gần 28 năm thiết lập quan hệ ngoại giao tính đến nay số lượng người Hàn tại Hà Nội và trên cả nước lần lượt là

60.000 người và 172.684 người. Sự gia tăng số lượng người Hàn Quốc ở Hà Nội kéo theo sự biến động lớn về không gian cư trú của cộng đồng này. Năm 1992 tại Hà Nội chỉ có hơn 100 người Hàn Quốc với một vài quán ăn nhỏ lẻ nằm rải rác trên các tuyến đường Ngọc Khánh, Nguyễn Chí Thanh, khu vực trung tâm Hồ Hoàn Kiếm, thì sau đó, bước sang đầu những năm 2000, cùng với sự xuất hiện của khu chung cư cao cấp đầu tiên của Hà Nội là Trung Hòa - Nhân Chính nằm trên trục đường Hoàng Đạo Thúy đã trở thành khu vực sinh sống của rất nhiều người Hàn sang sinh sống tại Việt Nam thời điểm bấy giờ. Để hiểu rõ hơn về quá trình dịch chuyển không gian cư trú này, người viết đã tiến hành nghiên cứu thực địa¹ kết hợp với phỏng vấn chuyên gia² để có được cái nhìn chân thực và đầy đủ, rõ nét về sự dịch chuyển này.

Người viết đã tiến hành điền dã đa điểm - tìm đến những khu vực tập trung nhiều dịch vụ dành riêng cho người Hàn Quốc và khảo sát mức độ tập trung các dịch vụ này, từ đó đưa ra những đánh giá xác thực nhất về sự tồn tại của cộng đồng này tại những khu vực đó.

¹Quá trình nghiên cứu thực địa được người viết triển khai trong khoảng thời gian là 9 tháng. Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2019. Người viết đã trực tiếp đến các khu vực tập trung nhiều nhất những dịch vụ phục vụ tiện ích người tiêu dùng Hàn Quốc. Cụ thể là: khu vực đường Hoàng Đạo Thúy thuộc quận Cầu Giấy nơi tập trung các chung cư Trung Hòa Nhân Chính, khu vực Mỹ Đình quận Nam Từ Liêm nơi tập trung chung cư Mỹ Đình Sông Đà, Golden Palace, Keangnam để quan sát và tìm hiểu sự dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng này.

²Quá trình phỏng vấn chuyên gia được tiến hành 4 lần là tháng 11 năm 2018, tháng 2 tháng 5 và tháng 11 năm 2019. Người được lựa chọn phỏng vấn là nhà báo Yunha – tổng biên tập Tạp chí Good Việt Nam – người đã tới và duy trì cuộc sống ở Hà Nội từ năm 1997 cho tới hiện nay.

Ngoài ra người viết đã tiến hành phỏng vấn nhà báo Yun Ha - tổng biên tập tạp chí *Good Vietnam* - mỗi tháng phát hành một số, là một trong những tạp chí cung cấp các thông tin hữu ích dành cho cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Hai công đoạn điền dã và phỏng vấn sâu được tiến hành đồng thời giúp người viết có thể khắc họa được chân thực về quá trình hình thành và sự dịch chuyển không gian sống đi liền với những tiện ích phục vụ cộng đồng này dựa thực tế và đánh giá của một người Hàn Quốc am hiểu về cộng đồng theo chiều dài khoảng thời gian 20 năm duy trì cuộc sống ở Hà Nội.

Như ở trên đã đề cập, cuối năm 1992 việc quan hệ ngoại giao giữa hai nước chính thức được thiết lập có thể coi là dấu mốc mở ra sự phát triển trong quan hệ giữa hai nước trên mọi phương diện. Giai đoạn đầu tiên khi mối quan hệ giữa hai nước được thiết lập, những người Hàn Quốc khi sang Việt Nam hầu như đều sang theo diện ngoại giao hoặc phái cử, nơi cư trú và làm việc của họ tại thời điểm đó - 27 năm trước, là ở khu khách sạn Thăng Lợi - Hồ Tây hoặc khách sạn Sofitel Metropole gần trung tâm Hà Nội. Quán ăn Hàn Quốc đầu tiên giai đoạn đó ở gần khu vực Chợ Hôm. Theo như tài liệu của nhà báo Yun ha, khi đó tất cả những con phố của Hà Nội chỉ có 2 màu chủ đạo là trắng và đen, phương tiện giao thông chủ yếu là xe đạp.

Những năm đầu 2000, sau cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới, các doanh nghiệp nhỏ và những người kinh doanh tự do bắt đầu tìm đến Việt Nam. Thay vì sống trong những căn hộ chung cư Deawoo đắt đỏ, họ dịch chuyển khu vực sinh sống tới Trung Hòa - khu vực mới

với giá thành hợp lý dao động trong khoảng 300 đến 600 USD. Đây là giai đoạn người Hàn Quốc theo diện kinh doanh tự do đi lại thường xuyên giữa Hàn Quốc và Việt Nam. Thời điểm này việc kinh doanh tự do hàng hóa từ Hàn Quốc sang Việt Nam mới ở giai đoạn đầu, thị trường rất thuận lợi, do nhiều mặt hàng ở Việt Nam vẫn đang trong tình trạng khan hiếm. Bước vào năm 2004 cửa hàng buôn bán những mặt hàng Hàn Quốc dần dần được khai trương. Năm 2004 dấu ấn đầu tiên của cộng đồng Hàn Quốc để lại ở Hà Nội là sự xuất hiện siêu thị thực phẩm Hàn Quốc của cộng đồng người Hàn ở Hà Nội. Nổi tiếp là sự xuất hiện của ACE mart, nhà hàng Dajeong, nhà hàng Deajangkum. Từ đây những quán cà phê, khách sạn mini, công ty du lịch, dịch vụ massage lần lượt nổi tiếp ra đời phục vụ cho nhu cầu của người Hàn. Nửa giữa những năm 2000 trở ra, Hà Nội thực sự đón nhận một luồng gió mới từ cộng đồng người Hàn Quốc. Theo phỏng vấn một người Hàn Quốc sống ở Việt Nam từ những năm 1995 - 1996, ông cho biết: *“văn phòng, nhà hàng, khách sạn phục vụ người Hàn xuất hiện nhiều như nấm mọc sau mưa. Những địa chỉ này chủ yếu dần trải ở khu vực Trung Kính - tiếp giáp với Trung Hòa.”*

Sau năm 2006, người Hàn Quốc hướng không gian sinh sống tới khu vực mới, mật độ dân cư còn thưa thớt là Trung Hòa và Ciputra. Bước sang năm 2008, khu vực Mỹ Đình được biết đến như là một nơi ghi dấu nhiều nhất việc nhận biết sự tồn tại của cộng đồng người Hàn. Chuỗi siêu thị K mart, thương hiệu Chuncheon Dak galbi - món ăn được làm bằng lườn gà nướng trên chảo với sốt

gochujang, bắp cải thái, khoai lang, hành củ, bánh dày, cà rốt rất được yêu thích ở Hàn Quốc cũng lần đầu tiên xuất hiện ở Mỹ Đình, hướng tới đối tượng là người Hàn Quốc sinh sống ở khu vực này. Tiếp theo là sự xuất hiện của nhiều thương hiệu nhà hàng quán ăn đã được ưa chuộng tại Hàn Quốc. Điều này chứng tỏ sự hiện diện của cộng đồng người Hàn đủ lớn để những dịch vụ kèm theo xuất hiện tại khu vực họ cư trú.

Năm 2008 tòa Keangnam Hanoi Landmark Tower là một khu phức hợp khách sạn - văn phòng - căn hộ - trung tâm thương mại tại đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội chính thức được khởi công. Đây là công trình được đầu tư và xây dựng bởi tập đoàn Keangnam - tập đoàn đa quốc gia có trụ sở chính tại Dongdaemun-gu, Seoul, Hàn Quốc. Công trình được hoàn thiện và bàn giao vào ngày 20 tháng 3 năm 2011. Đây là tổ hợp công trình khép kín có diện tích lớn thứ 5 thế giới.

2010 là năm đánh dấu rất nhiều sự đổi thay của Hà Nội để chuẩn bị cho đại lễ 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Cùng năm này khách sạn Grand plaza của tập đoàn Charmvit group được hoàn thiện. Trước đó 1 năm, năm 2009 công ty Điện tử Samsung Bắc Ninh cũng xuất hiện ở khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh. Sự xuất hiện của công ty Điện tử Samsung là đóng góp to lớn cho nền kinh tế Việt Nam và cho cả nền kinh tế của người Hàn Quốc ở Hà Nội, đồng thời cũng là sự kiện quan trọng đánh dấu sự gia tăng của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội với rất nhiều nhân viên phái cử từ trụ sở chính của Samsung tại Hàn Quốc tới làm việc và sinh sống ở Hà Nội theo nhiệm kỳ.

Có thể thấy sự hình thành của cộng đồng Hàn Quốc ở Hà Nội cũng như việc dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: chính sách ngoại giao, chính sách đầu tư, kinh tế, chính sách quy hoạch đất đai... Ở mỗi giai đoạn, những chính sách này đều có tác động rất lớn đến sự tăng hay giảm cũng như vị trí cư trú của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Nhìn lại những năm qua, không khó để nhận thấy sự gia tăng rõ rệt của cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội qua từng năm cũng như sự dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng này.

Có rất nhiều yếu tố tác động đến sự dịch chuyển không gian sinh sống của cộng đồng Hàn Quốc ở Hà Nội mà trong đó không thể tách rời sự dịch chuyển này ra khỏi những lần quy hoạch của Hà Nội. Từ sau năm 1992 đến nay, Hà Nội đã trải qua 2 lần quy hoạch tổng thể vào năm 1998 và năm 2011. Nếu tính cả thời điểm Việt Nam và Hàn Quốc bắt đầu thiết lập mối quan hệ vào năm 1992 thì có tất cả 3 lần Hà Nội xây dựng quy hoạch. Theo quy hoạch năm 1992 thì Hà Nội tiến hành điều chỉnh tổng mặt bằng của thủ đô. Hà Nội được mở rộng không gian nông thôn ven đô và được xếp vào hàng đô thị lớn ở Châu Á. Ở giai đoạn này quy hoạch của Hà Nội lấy Hoàn Kiếm, Ba Đình là trung tâm, Hà Nội phát triển bám dọc theo các trục đường chính là cửa ngõ với cơ cấu mở, tạo sự xen kẽ các vùng cây xanh. Đến năm 1998 quy hoạch Hà Nội tập trung vào định hướng phát triển hai bên bờ sông Hồng. Giai đoạn này, theo quy hoạch, Hà Nội đóng vai trò thành phố trung tâm trong chùm đô thị Hà Nội. Quy hoạch gần

đây nhất là quy hoạch Hà Nội năm 2011. Ngày 29 tháng 5 năm 2008 chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo quy hoạch này, Hà Nội được phát triển theo mô hình chùm đô thị, bao gồm đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh, được liên kết với nhau bởi mạng giao thông công cộng phát triển dựa trên hệ thống đường giao thông vành đai kết hợp mạng lưới các trục giao thông hướng tâm có liên kết với mạng lưới giao thông khu vực và quốc gia³. Sở dĩ đề cập đến những lần quy hoạch Hà Nội bởi vì tất cả những lần này đều có ảnh hưởng, tác động đến sự biến động của cộng đồng này tại Hà Nội trong suốt thời gian qua.

Những yếu tố kể trên đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội. Việc cộng đồng này ngày càng lớn mạnh thể hiện qua số lượng người Hàn Quốc sống tại Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung tăng đều qua mỗi năm rõ ràng cho thấy Hà Nội - Việt Nam có một sức hấp dẫn nhất định đối với cộng đồng người Hàn và kết quả tất yếu của sự gia tăng số lượng người Hàn Quốc ở Hà Nội dẫn đến việc mở rộng và dịch chuyển không gian cư trú của cộng đồng này.

3. Kết luận

Qua việc nhìn nhận đánh giá về quá trình xuất hiện một nhóm người Hàn Quốc sang sinh sống và làm việc ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng có thể thấy thực sự tồn tại một cộng đồng người Hàn Quốc có xu hướng lớn mạnh dần qua mỗi năm. Tìm hiểu về cộng

³ <https://bizlive.vn/quy-hoach/bat-mi-nhung-quy-hoach-ha-noi-60-nam-qua-433132.html>

đồng này với sự dịch chuyển không gian cư trú - một kết quả tất yếu của việc gia tăng số lượng người Hàn Quốc ở Hà Nội, còn gợi mở ra những vấn đề nghiên cứu mới mẻ như: các hoạt động sinh kế để duy trì cuộc sống, cách thức người Hàn Quốc sử dụng thời gian rảnh hay việc cộng đồng này duy trì mối quan hệ với các thành viên khác trong cộng đồng và cư dân bản địa, họ tác động qua lại lẫn nhau như thế nào... Tất cả những nội dung này gợi mở ra những hướng nghiên cứu mới mẻ và thú vị về cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Vũ Hoàng, (2011) “Nhân học xuyên quốc gia: Những tiếp cận lý thuyết về người Việt tại Hoa Kỳ”. Tạp chí dân tộc học, (4), pp 60 - 72.
2. Nguyễn Văn Sửu, (2011) “Tiếp cận không gian: Vấn đề khái niệm và sự phân loại”. Tạp chí dân tộc học (3), pp 58 - 64.
3. Georges Condominas (1978), Không gian xã hội vùng Đông Nam Á, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội.

Tiếng Anh

4. Harvey Molotch (1993), “Review: The space of Lefebvre”, Theory and Society, Vol 22, No 6, pp 887-895
5. Tim Unwin (2000), “A Waste of Space? Towards a Critique of the Social Production of Space”, Transaction of the Institute of British Geographers, Vol 25, No 1. Pp 11~29.
6. M. Gottdiener (1993), “A Marx for Our Time: Henri Lefebvre and the Production of space”, Sociological Theory, Vol 11, No 1, pp 129~134.
7. Henri Lefebvre (1974), La production de l'espace, NXB. Anthropos, Paris

Tiếng Hàn

8. Yun In Jin (2000), “Người Hàn Quốc di cư đến Mỹ và mâu thuẫn thế hệ trong gia đình di cư”. Bài tình bày trong hội thảo “Chiến lược phát triển của cộng đồng người Hàn ở hải ngoại thế kỷ 21” do Trung tâm nghiên cứu châu Á Thái Bình Dương thuộc trường đại học Choen Nam tổ chức. (윤인진 (2000), “미국으로한인이주와이민가족의세대갈등”, 2000년 6월 7일).
9. Yun In Jin (2001), “Nghiên cứu so sánh lịch sử di cư và định cư và tính chính thể của dân tộc Hàn trên thế giới”. Bài phát biểu tại hội thảo hàng năm của học hội Người Hàn ở hải ngoại. (윤인진 (2001), “세계한민족의이주및정착의역사와한민족정체성의비교연구”. 2001년후기사회학대회와제외한인학회 2001년연례학술대회에서발표되었다).
10. Yoo Choel In (2003), “Văn hóa sinh hoạt và lịch sử di cư của người Hàn ở Hawaii”, bài phát biểu tại hội thảo kỷ niệm 60 năm giải phóng do Bảo tàng Dân tộc tổ chức. (유철인 (2003), “하와이한인동포의이주사와생활문화”, 국립민속박물관광복 60주년기념학술대회).
11. Moon Ok Pyo (2003), “Văn hóa sinh hoạt và lịch sử di cư của người Hàn ở Nhật” bài phát biểu tại hội thảo kỷ niệm 60 năm giải phóng do Bảo tàng Dân tộc tổ chức. (문옥포 (2003), “일본한인동포의이주사와생활문화”, 국립민속박물관광복 60주년기념학술대회).

Tài Liệu Website

12. <http://www.okf.or.kr/portal/OkfMainView.do>
13. <http://www.mofa.go.kr/main/index.jsp>
14. <http://homepy.korean.net/~vietnamhanoi/www/>
15. <http://dantri.com.vn/nha-dat/xuat-hien-noi-an-cu-ly-tuong-moi-cho-cong-dong-tri-thuc-nguoi-han-quoc-tai-ha-noi-2017091913563187.htm>
16. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Kinh-te/825462/thu-hut-dau-tu-tu-han-quoc-vao-ha-noi-nhan-thien-cam-thanh-loi-the>

Abstract**THE KOREAN COMMUNITY IN HANOI
AND THE MOVEMENT OF THE
RESIDENTIAL SPACE**

The Korean community in Hanoi was formed and developed along with the development of diplomatic relations between the two countries and the process of Vietnam's international integration. This is a large-scale expatriate community, which has an important influence on the

development process of Vietnam and the urbanization process in Hanoi. This article analyzes the real situation of the Korean community in Hanoi and the movement of the residential space in each stage in order to clarify the role of this community in the socio-economic development of Hanoi in particular and Vietnam in general.

Keywords: community, Korean, movement, residential space

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ HÀN QUỐC

1. Bài gửi Tạp chí là bài chưa công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bản thảo được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Times New Roman (thuộc mã UNICODE), cỡ chữ 12, giãn dòng 1.1.
3. Danh mục Tài liệu tham khảo để ở cuối bài, theo từng khối: Việt, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và Internet.
4. Bài viết gửi qua email: maingocchu@gmail.com. Tòa soạn không trả lại bản thảo.
5. Bài viết phải có tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt để ở phần trên của bài, dưới tên bài và tên tác giả. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh để ở cuối bài, sau Tài liệu tham khảo.